UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚ LẠC
TRƯỜNG THCS PHÚ LẠC

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

PHÚ LẠC – 2025

UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚ LẠC
TRƯỜNG THCS PHÚ LẠC

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ kí
1	Lương Văn Đức	Hiệu trưởng, Bí thư chi bộ; Chủ tịch HĐ trường	Chủ tịch Hội đồng	
2	Lưu Bá Quý	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Lê Thị Nương	Giáo viên	Thư ký Hội đồng	
4	Nguyễn Thị Hồng Vĩnh	Tổ trưởng tổ KHTN	Uỷ viên	
5	Vũ Thị Mai	Tổ trưởng tổ KHXH	Uỷ viên	
6	Lý Thị Quỳnh	Tổ trưởng tổ văn phòng	Uỷ viên	
7	Trần Thị Liên	Tổng phụ trách Đội	Uỷ viên	
8	Nguyễn Hùng Kiều	Bí thư đoàn TN	Uỷ viên	
9	Nguyễn Văn Bản	Nhân viên Kế toán	Uỷ viên	

PHÚ LẠC - 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	3
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	16
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	16
Tiêu chuẩn 1. Tổ chức và quản lý nhà trường	16
Tiêu chí 1.1. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	17
Tiêu chí 1.2. Hội đồng trường và các hội đồng khác.	19
Tiêu chí 1.3. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.	23
Tiêu chí 1.4. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ CM và tổ Văn phòng.	28
Tiêu chí 1.5. Lớp học.	32
Tiêu chí 1.6. Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.	34
Tiêu chí 1.7. Quản lý cán bộ, GV và NV.	37
Tiêu chí 1.8. Quản lý các hoạt động giáo dục.	39
Tiêu chí 1.9. Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	43
Tiêu chí 1.10. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	45
Tiêu chuẩn 2. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	49
Tiêu chí 2.1. Đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng.	50
Tiêu chí 2.2. Đối với giáo viên.	54
Tiêu chí 2.3. Đối với nhân viên.	58
Tiêu chí 2.4. Đối với học sinh.	63
Tiêu chuẩn 3. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	66
Tiêu chí 3.1. Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	66

Tiêu chí 3.2. Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	70
Tiêu chí 3.3. Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	76
Tiêu chuẩn 4. Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	80
Tiêu chí 4.1. Ban đại diện CMHS.	80
Tiêu chí 4.2. Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.	83
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	87
Tiêu chí 5.1. Thực hiện kế hoạch giáo dục.	87
Tiêu chí 5.2. Tổ chức hoạt động giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.	91
Tiêu chí 5.3. Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định.	94
Tiêu chí 5.4. Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp.	95
Tiêu chí 5.5. Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh.	97
Tiêu chí 5.6. Kết quả giáo dục.	100
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	107
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	115
Phần IV. PHỤ LỤC	118

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Nội dung
1	ANTT	An ninh trật tự
2	ATGT	An toàn giao thông
3	BLĐ	Ban lãnh đạo
4	BDHSG	Bồi dưỡng học sinh giỏi
5	CMHS	Cha mẹ học sinh
6	CNTT	Công nghệ thông tin
7	CSVC	Cơ sở vật chất
8	CBQL, GV, NV	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên
9	GDĐT	Giáo dục và Đào tạo
10	GDPT	Giáo dục phổ thông
11	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
12	HS	Học sinh
13	HSG	Học sinh giỏi
14	HSTT	Học sinh tiên tiến
15	HTTNV	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
16	HTXSNV	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
17	KHTN	Khoa học tư nhiên
18	KHXH	Khoa học xã hội
19	KHGD	Kế hoạch giáo dục
20	KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
21	PPDH	Phương pháp dạy học
22	THCS	Trung học sơ sở
23	TNCS	Thanh niên Cộng sản
24	TNTP	Thiếu niên tiền phong
25	TDTT	Thể dục thể thao
26	TBDH	Thiết bị dạy học

27	UBND	Ủy ban nhân dân

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Kết quả đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	**Kết quả**			
	Không đạt	**Đạt**		
		Mức 1	***Mức 2***	***Mức 3***
Tiêu chuẩn 1		**10**	**10**	***5***
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X		
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2		**4**	**4**	**4**
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3		**3**	**3**	**1**
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	
Tiêu chuẩn 4		**2**	**2**	**2**

Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5		**6**	**6**	**4**
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3			X	
Tiêu chí 5.4			X	
Tiêu chí 5.5			X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Tổng hợp:

- Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 22/22 = 100%;

- Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 23/23 = 100%;

- Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 14/16 = 87,5%

Kết quả: Đạt mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	**Kết quả**		**Ghi chú**
	Đạt	**Không đạt**	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3	X		
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	
Tiêu chí 6		X	

Kết quả: Trường không đạt Mức 4

2. Kết luận:

Đề nghị trường đạt kiểm định chất lượng Cấp độ 2; chuẩn Quốc gia mức độ 1.

PHẦN I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Trung học cơ sở Phú Lạc

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân xã Phú Lạc

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Tỉnh Thái Nguyên		Họ và tên hiệu trưởng	Lương văn Đức
Huyện/quận /thị xã / thành phố			Điện thoại (Hotline)	0963 803 166
Xã / phường/thị trấn	Phú Lạc		FAX	
Đạt chuẩn Quốc gia	Năm 2020		Website	http://thcsphulac.daitu.edu.vn/
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1999		Số điểm trường	0
Công lập	X		Loại hình khác	0

1. Số lớp học:

Số lớp	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
Khối lớp 6	3	3	2	3	3	3
Khối lớp 7	3	3	3	2	3	3
Khối lớp 8	3	3	3	3	2	3
Khối lớp 9	3	3	3	3	3	2
Cộng	**12**	**12**	**11**	**11**	**11**	**11**

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường:

TT	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục	**21**	**21**	**21**	**21**	**21**

TT	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
I.	**vụ học tập**					
1	**Phòng học**	**12**	**12**	**11**	**11**	**11**
a	Phòng kiên cố	**12**	**12**	**11**	**11**	**11**
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
2	**Phòng học bộ môn**	**7**	**7**	**8**	**8**	**8**
a	Phòng kiên cố	4	4	5	5	5
b	Phòng bán kiên cố	3	3	3	3	3
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
3	**Khối phục vụ học tập**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**
a	Phòng kiên cố	1	1	1	1	1
b	Phòng bán kiên cố	1	1	1	1	1
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
II	**Khối phòng hành chính – quản trị**	**8**	**8**	**8**	**8**	**8**
1	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0
2	Phòng bán kiên cố	8	8	8	8	8
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
III	**Thư viện**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**
1	Kho sách	1	1	1	1	1
2	Phòng đọc	2	2	2	2	2
3	Không gian đọc mở	0	1	1	1	1
IV	**Các công trình, khối phòng chức năng khác**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**
1	Phòng họp GV, NV	1	1	1	1	1
2	Phòng tổ chuyên môn	2	2	2	2	2
3	Phòng y tế	1	1	1	1	1
4	Nhà kho	1	1	1	1	1
5	Khu để xe HS	1	1	1	1	1

TT	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
6	Khu vệ sinh HS	1	1	1	1	1
Cộng		**32**	**32**	**32**	**32**	**32**

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	0	0	0	01	0	
Phó hiệu trưởng	01	0	0	0	01	0	
Giáo viên	22	18	8	0	28	0	HĐ 02
Nhân viên	07	06	5	0	5	0	HĐ 03
Cộng	**31**	**22**	**12**	0	**31**	**0**	

b) Số liệu từ năm học 2020- 2021 đến năm học 2025- 2026

TT	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
1	Tổng số GV	22	24	22	22	22	22
2	Tỉ lệ GV/lớp	1,8	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0
3	Tỉ lệ GV/HS	0,053	0,057	0,058	0,052	0,052	0,051
4	Tổng số GV dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên	8	8	14	15	18	
5	Tổng số GV dạy giỏi cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên	03	03	03	04	04	
6	Các số liệu khác(Nếu có)	-	-	-	-	-	-

4. Học sinh:

a. Số liệu chung từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2025 - 2026

TT	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026

1	Tổng số HS	**410**	**416**	**390**	**422**	**419**	**424**
	HS nữ	200	208	195	203	188	189
	HS dân tộc	224	223	215	233	240	244
	Khối lớp 6	119	101	76	125	125	103
	Khối lớp 7	98	117	104	78	123	124
	Khối lớp 8	101	98	115	103	73	124
	Khối lớp 9	92	100	95	116	98	73
2	Tổng số HS tuyển mới	119	101	76	125	125	103
3	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0	424
4	Bán trú	0	0	0	0	0	0
5	Nội trú	0	0	0	0	0	0
6	Bình quân số HS/lớp học	34,16	37,81	35,45	38,36	38,45	38,54
7	Số lượng và tỉ lệ % HS đi học đúng độ tuổi	410/410 100%	416/416 100%	390/390 100%	422/422 100%	419/419 100%	424/424 100%
	- HS nữ	200/200 100%	208/208 100%	195/195 100%	203/203 100%	188/188 100%	189/189 100%
	- HS dân tộc	224/224 100%	223/223 100%	215/215 100%	233/233 100%	240/240 100%	244/244 100%
8	Tổng số HS giỏi cấp huyện	8	10	14	37	48	
	Tổng số HS giỏi cấp tỉnh	5	2	3	2	6	
9	Tổng số HS giỏi Q/gia	0	0	0	0	0	

10	Tổng HS đ/t chính sách	30	41	27	26	20	
	HS nữ	10	18	12	15	8	
	HS dân tộc	17	20	15	13	9	
11	Số HS có h/cảnh ĐB						
12	Tổng số HS khuyết tật	4	6	7	5	3	3

b. Kết quả giáo dục từ năm học 2020- 2021 đến năm học 2025- 2026

Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022		Năm học 2022-2023		Năm học 2023-2024		Năm học 2024-2025
		Khối 6	Khối 7,8,9	Khối 6,7	Khối 8,9	Khối 6,7,8	Khối 9	
Tỷ lệ HS có kết quả học tập, xếp loại học lực: Giỏi/Tốt	46/410	13/101	43/315	26/179	25/210	32/306	15/116	62/419
	11,22%	12,87%	13,65%	14,52%	11,90%	10,45%	12,9%	14,48%
Tỷ lệ HS có kết quả học tập, xếp loại học lực Khá	159/410	34/101	130/315	66/179	84/210	113/306	50/116	157/149
	38,78%	33,66%	41,27%	36,87%	40%	36,92%	43,10%	37,5%
Tỷ lệ HS có kết quả học tập, xếp loại học lực TB/Đạt	204/410	54/101	142/315	85/179	101/210	158/306	51/116	198/419
	49,76%	53,46%	45,07%	47,48%	48,09%	54,24%	43,96%	47,25%
Tỷ lệ HS có kết quả học tập, xếp loại học lực Yếu, Kém/Chưa đạt	1/410	0	0	02/179	0	3/306	0	2/419
	0,24%	0	0	1,11%	0	0,98%	0	0,47%
Tỷ lệ HS xếp loại	320/410	80/101	286/315	143/179	165/210	236/306	91/116	349/419

Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022		Năm học 2022-2023		Năm học 2023-2024		Năm học 2024-2025
		Khối 6	Khối 7,8,9	Khối 6,7	Khối 8,9	Khối 6,7,8	Khối 9	
hạnh kiểm, rèn luyện Tốt	78,05%	79,21%	90,79%	79,88%	78,57%	77,12%	78,44%	83,10%
Tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm, rèn luyện Khá	84/410	19/101	28/315	31/179	45/210	59/306	22/116	63/419
	20,49%	18,81%	8,89%	17,31%	21,42%	19,28%	18,96%	14,76%
Tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm, rèn luyện Trung bình /Đạt	06/410	02/101	01/315	05/179	0	11/306%	03/116	8/419
	1,46%	1,98%	0,32%	2,79%	0	3,59%	2,58%	1,90%

5. Các số liệu khác

5.1. Công tác phổ cập giáo dục từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2025- 2026

Nội dung	Năm học				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024 - 2025
Kết quả PCGD THCS	Mức độ 3	Mức độ 3	Mức độ 3	Mức độ 3	Mức độ 3
Kết quả PCGD XMC	Mức độ 2	Mức độ 2	Mức độ 2	Mức độ 2	Mức độ 2
Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình THCS	92/92 100%	100/100 100%	95/95 100%	116/116 100%	98/98 100%

5.2. Kết quả thi đua của nhà trường hằng năm

Nội dung	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
Chi bộ	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
Công đoàn	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
Chi đoàn TN	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV

Liên đội	Mạnh xuất sắc cấp huyện	Mạnh xuất sắc cấp huyện	Mạnh xuất sắc cấp huyện	Mạnh xuất sắc cấp huyện	Mạnh xuất sắc cấp huyện
Nhà trường	Tập thể LĐTT	Tập thể LĐTT	Tập thể LĐTT	Tập thể LĐTT	Tập thể LĐTT

Phần II
TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ:

I. Tình hình chung của nhà trường:

Trường THCS Phú Lạc tiền thân là trường Phổ thông cơ sở Phú Lạc được xây dựng trên địa bàn xóm Na Hoàn xã Phú Lạc, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, khi mới thành lập nhà trường chỉ có 5 lớp học với gần 100 học sinh và 8 thầy cô giáo. Tháng 8 năm 1999 trường được tách ra thành trường Trung cơ sở Phú Lạc; theo quyết định số 901/TCCB ngày 18/08/1999 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên về việc Quyết định tách Trường Phổ thông cơ sở Phú Lạc thành 2 trường là trường Trường tiểu học Phú Lạc. Trường Trung học cơ sở Phú Lạc.

Trong những năm học qua (từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025) chất lượng giáo dục của nhà trường đã tiếp tục khẳng định được vị thế so với mặt bằng chung của các trường THCS trong huyện Đại Từ (cũ). Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên tương đối đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ. Hằng năm, đều có cán bộ giáo viên (CBGV) được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và giáo viên dạy giỏi các cấp. Tỷ lệ học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi các cấp đạt kế hoạch đề ra; Tỷ lệ tốt nghiệp THCS đạt 100%; Tỷ lệ chất lượng giáo dục đại trà ổn định đạt yêu cầu từ 98% trở lên. Trong 5 năm qua nhà trường luôn đạt danh hiệu Tập thể lao động Tiên tiến; 01 năm được nhận giấy khen của Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Nguyên; năm học 2020-2021 Công đoàn trường được ban chấp hành công đoàn ngành giáo dục tỉnh Thái Nguyên tặng giấy khen. Những phần thưởng cao quý này là nguồn động viên to lớn đối với thầy và trò nhà trường.

Năm học 2025-2026 nhà trường có tổng số 22/22 giáo viên trực tiếp giảng dạy, các đồng chí 100% đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định của Luật giáo dục 2019. Trường THCS Phú Lạc có 424 học sinh được chia thành 11 lớp. Các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất đã đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Nhà trường có tổ chức Chi bộ Đảng công sản Việt Nam thuộc Đảng bộ xã Phú Lạc gồm 19 đảng viên, nhiều năm liên tục đạt Chi bộ trong sạch vững mạnh trong đó 05 năm được xếp loại Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ. Bên cạnh đó, các tổ chức: Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh, Ban đại diện CMHS đều hoạt động tích cực cùng nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ. Với lòng yêu nghề, nhiệt huyết của đội ngũ CBGV và bằng các biện pháp quản lý dạy học, sự phối hợp giữa chuyên môn với các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường và sự quan tâm chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền địa phương cùng với sự lãnh đạo trực tiếp của Phòng GDĐT huyện Đại Từ cũ, nhà trường đã vượt qua mọi khó khăn để phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị trong những chặng đường xây dựng, phát triển, tạo được niềm tin, uy tín trong nhân dân và của lãnh đạo các cấp.

1. Thuận lợi:

Trường THCS Phú Lạc từ khi được tách ra cho đến nay với sự quan tâm đầu tư cơ sở vật chất của UBND huyện, chỉ đạo chuyên môn của Phòng GDĐT huyện Đại Từ, cấp ủy, chính quyền địa phương, sự đồng tình, ủng hộ, chia sẻ của cha mẹ học sinh nhà trường, Cùng với sự cố gắng nỗ lực không ngừng của tập thể CBQL, GV, NV và học sinh đã từng bước đáp ứng và khẳng định được uy tín, chất lượng giáo dục.

Trong những năm qua nhà trường luôn đạt cơ quan văn hóa, danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, được Chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen. Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ. Đội ngũ lãnh đạo, giáo viên và nhân viên có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tốt, tâm huyết với nghề dạy học, hết lòng vì sự nghiệp giáo dục, có năng lực chuyên môn vững vàng, tinh thần trách nhiệm cao, có tinh thần đoàn kết gắn bó.

Các em học sinh của trường chăm ngoan, có ý thức vươn lên trong học tập. Trong những năm qua số lượng học sinh giỏi (HSG) của trường được giữ vững. Tỷ lệ học sinh khá giỏi hằng năm chiếm trên 50%, tỷ lệ tốt nghiệp THCS luôn đạt 100%, tỷ lệ học sinh thi đỗ và theo học các trường THPT công lập hằng năm đều đạt tỷ lệ cao.

Chi bộ Đảng, tổ chức Công đoàn nhiều năm liền đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ giữ vai trò lãnh đạo trong toàn bộ hoạt động của nhà trường. Các tổ chức khác như: Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh đạt liên đội mạnh cấp huyện. Ban đại diện Cha mẹ học sinh (CMHS) hoạt động tích cực, góp phần cùng với nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Trong những năm qua, trường luôn tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", các phong trào thi đua của Ngành, phong trào "*Đổi mới sáng tạo trong dạy và học"*, đặc biệt là thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW *"Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế"*. Công tác nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL, GV trong việc thực hiện công tác chuyển đổi số, nhằm đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh, đầu tư tu sửa cơ sở vật chất, các trang thiết bị, đồ dùng dạy học nhằm nâng cao hiệu quả giờ dạy. Thực hiện nghiêm túc chương trình kế hoạch giảng dạy, các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động hướng nghiệp, các phong trào văn hoá - văn nghệ, thể dục thể thao, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Đa số giáo viên áp dụng và thực hiện có hiệu quả cao các bài giảng điện tử trong dạy học. Tập thể sư phạm nhà trường luôn đoàn kết, nâng cao uy tín và chất lượng giáo dục toàn diện trên địa bàn. 100% đội ngũ giữ vững phẩm chất chính trị; Đạo đức nghề nghiệp; luôn có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ truyền thống đạo đức nhà giáo.

2. Khó khăn:

Gần 70% học sinh là người dân tộc thiểu số, gia đình chủ yếu làm nông nghiệp nên rất bận rộn, ít có điều kiện quan tâm đến việc học hành của con em mình...

Cơ sở vật chất của nhà trường đã được nâng cấp, cải tạo, đảm bảo môi trường khang trang, sạch, đẹp đáp ứng được yêu cầu dạy và học. Tuy nhiên một số phòng chức năng đã cũ, chưa đảm bảo về diện tích, thiếu nhà đa năng.

Còn một số gia đình bố mẹ phát triển kinh tế làm ăn xa chưa sát sao quản lý con nên một số học sinh lơ là học tập.

II. MỤC ĐÍCH TỰ ĐÁNH GIÁ

Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong hoạt động kiểm định chất lượng trường THCS. Đó là quá trình nhà trường tự xem xét, nghiên cứu trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ GDĐT ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục, nhân lực, cơ sở vật chất và các điều kiện khác, từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng. Đồng thời đề ra những biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục, góp phần thực hiện mục tiêu chung và chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường.

III. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ NỔI BẬT TRONG HOẠT ĐỘNG TỰ ĐÁNH GIÁ

Phương pháp đánh giá: Thu thập các minh chứng, đối chiếu so sánh, phân tích tổng hợp, đánh giá thực tế…

Công cụ đánh giá: Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường THCS ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ giáo dục đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào Tạo sử đổi bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo thông tư số 17/2018/TT- BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT- BGDĐT và 19/2018/TT- BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

* Quy trình tự đánh giá của nhà trường bao gồm 7 bước sau:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

2. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

3. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.

4. Đánh giá các mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

5. Viết báo cáo tự đánh giá.

6. Công bố báo cáo tự đánh giá.

7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Hằng năm nhà trường đều tiến hành rà soát, thu thập và lưu trữ các thông tin, minh chứng của những tiêu chí đã đạt và tiếp tục xây dựng kế hoạch cải tiến

chất lượng đối với từng tiêu chí, đặc biệt chú ý đến những tiêu chí chưa đạt. Trong suốt thời gian tiến hành công tác tự đánh giá, ban lãnh đạo nhà trường đã tham mưu với Đảng ủy, UBND xã Phú Lạc mọi điều kiện để nhà trường tiến hành tự đánh giá và đề ra biện pháp cải tiến chất lượng có hiệu quả. Nhà trường đã huy động sự vào cuộc của toàn thể đội ngũ CBQL, GV, NV sự tham gia của Ban đại diện CMHS, để công tác tự đánh giá được tiến hành thuận lợi và có hiệu quả. Hội đồng tự đánh giá của trường đã xác định rõ các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, nguồn tài chính cần huy động. Kế hoạch tự đánh giá còn thể hiện từng hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục và thời gian cần được tiến hành. Công việc dự kiến các thông tin, minh chứng cần thu thập cho từng tiêu chí được Hội đồng tự đánh giá xác định và phân công một cách cụ thể và khoa học. Để chủ động về thời gian, nhà trường đã lên kế hoạch thời gian biểu cụ thể cho từng phần việc trong quá trình tự đánh giá. Nhờ đó mà tiến độ làm việc được đảm bảo, hiệu quả công việc khá tốt. Sau khi hoàn thành các phiếu đánh giá tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành lập mã minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá.

Trong quá trình thực hiện hoạt động tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá đã nhận thấy những điểm mạnh và điểm yếu của trường trong mỗi hoạt động, cụ thể:

Công tác chỉ đạo hoạt động dạy học: Công tác quản lý chuyên môn chặt chẽ và khoa học, đúng quy định. Nhà trường đã thực hiện tốt tự chủ về kế hoạch giảng dạy và học tập, chủ động trong việc công tác tham mưu và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch nâng cao chất lượng dạy học. Chú trọng triển khai nhiều giải pháp nâng cao chất lượng, phương pháp dạy học cho đội ngũ giảng dạy Chương trình GDPT 2018.

Về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục: Nhà trường có đủ đội ngũ cán bộ giáo viên đảm bảo về số lượng, cơ cấu bộ môn để tổ chức các hoạt động dạy và học. 100% cán bộ giáo viên, nhân viên có tinh thần đoàn kết, có ý thức tự học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có ý thức trách nhiệm, thống nhất cao trong thực hiện nhiệm vụ được giao, việc phân công chuyên môn hợp lý, khoa học nên phát huy được năng lực của từng cán bộ giáo viên. Vì vậy, chất lượng chuyên môn của nhà trường ngày càng được nâng cao. Không chỉ chú trọng công tác chuyên môn, nhà trường còn luôn coi trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, công bằng trong quản lý; quan tâm triển khai đầy đủ, nghiêm túc các quy định về đạo đức nhà giáo, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ quản lý, giáo viên. Xây dựng quy định về văn hóa ứng xử, chuẩn mực đạo đức nhà giáo đối với CBQL, GV, NV của trường, gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05- CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị và các quy định về "*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*".

Về công tác quản lý tài chính, quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị: Nhà trường đã có diện tích mặt bằng đảm bảo, đủ điều kiện để phục vụ dạy học một ca, đảm bảo các điều kiện để duy trì tốt các hoạt động giáo dục. Đã cập nhật kịp thời, đầy đủ các văn bản pháp quy về chế độ tài chính, thực hiện thanh toán kịp thời, đầy đủ mọi chế độ cho CBQL, GV, NV, học sinh. Thực hiện tốt công tác dự toán kinh phí cũng như chế độ báo cáo thống kê, quyết toán hằng năm cho cơ quan chủ quản kịp thời, mọi công tác thu, chi đều được công khai và được cấp

trên thẩm định quyết toán. Đặc biệt các khoản thu thỏa thuận với CMHS được sử dụng đúng mục đích thu, chi hợp lý, cuối mỗi năm học được quyết toán đúng quy định, cụ thể đến từng CMHS trong nhà trường.

Tổ chức bộ máy và công tác quản lý, điều hành: Lãnh đạo quản lý nhà trường đoàn kết, thống nhất, có năng lực chuyên môn và năng lực quản lý vững vàng; trường có đủ các tổ chức, đoàn thể phát huy tốt vai trò của mình trong công tác quản lý nên đã đẩy mạnh được phong trào thi đua dạy tốt, học tốt của GV và HS.

Về công tác xây dựng môi trường giáo dục: Trường đã xây dựng được môi trường giáo dục lễ phép, thân thiện, an toàn, lành mạnh, cảnh quan môi trường luôn xanh, sạch, đẹp, thoáng mát, tạo môi trường cảnh quan cho CBQL, GV, NV và học sinh làm việc, học tập.

Về xây dựng quan hệ nhà trường - gia đình - xã hội: Nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên với chính quyền và các tổ chức đoàn thể ở địa phương, tạo được sự đồng bộ, thống nhất trong công tác giáo dục học sinh về mọi mặt. Thường xuyên liên lạc với gia đình học sinh dưới nhiều hình thức để nắm bắt thông tin hai chiều một cách kịp thời, từ đó đưa ra các biện pháp giáo dục phù hợp.

Báo cáo tự đánh giá là kết quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục mà nhà trường đã đạt được, để công khai cho các cơ quan quản lý và xã hội biết về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường và để cơ quan có thẩm quyền giám sát, đánh giá, công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Đó cũng là một động lực giúp cho nhà trường thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục và đào tạo, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao và hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao xã Phú Lạc.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

1. Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu: Trường THCS Phú Lạc có cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với quy định tại Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (*Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT)*. Nhà trường có đủ số lượng CBQL, các tổ chức như chi bộ đảng, công đoàn, chi đoàn, liên đội đều hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ. CBQL, GV, NV trong nhà trường luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương và sự chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên, Phòng GDĐT Đại Từ.

Nhà trường có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển, có môi trường đảm bảo ANTT, an toàn, thân thiện. Trong từng năm học, nhà trường có đầy đủ các tổ chức, có sự quản lý và thực hiện các hoạt động hiệu quả, góp phần quan trọng vào mục tiêu xây dựng, phát triển bền vững. Nhà trường xây dựng Kế hoạch số 48/KH-THCS ngày 01/8/2021 về chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2025 tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp với mục tiêu giáo dục của cấp THCS để định hướng cho công tác giáo dục trong 05 năm và những năm

tiếp theo, nhằm đưa công tác giáo dục toàn diện từng bước phát triển; đồng thời đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp giáo dục trong giai đoạn đổi mới toàn diện chương trình GDPT, định hướng dạy học tiếp cận năng lực người học, giữ vững thành quả chất lượng giáo dục của nhà trường, xứng đáng với lòng tin cậy của HS, CMHS và nhân dân ở địa phương.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), CBQL, GV, NV, HS, CMHS và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Căn cứ vào tình hình thực tế, nhà trường đã xây dựng "Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2025 tầm nhìn đến năm 2030" phù hợp với mục tiêu của giáo dục phổ thông được quy định tại Luật Giáo dục (Điều 29 Luật Giáo dục số 43 ngày 14/6/2019) của Bộ GDĐT, phù hợp với định hướng kinh tế - xã hội của xã Phú Lac (cũ), phù hợp với đội ngũ của nhà trường **[H1-1.1-01].**

b) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2025 tầm nhìn đến năm 2030 được Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND xã Phú Lạc (cũ) đưa vào Nghị quyết chỉ đạo thực hiện, cuối mỗi năm được đánh giá kết quả hoạt động **[H1-1.1-02]**.

c) Sau khi được các cấp thông qua "Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2025 tầm nhìn đến năm 2030" được công khai dưới nhiều hình thức: Niêm yết trên bảng công khai tại nhà trường, đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường: *http://thcsphulac.daitu.edu.vn/tin-tuc-su-kien/chien-luoc-phat-trien-truong-thcs-phu-lac-giai-doan-2021-2025-tam-nhin-2030.html;* **[H1-1.1-03]**.

1.2. Mức 2

Quá trình triển khai thực hiện, nhằm đảm bảo thực hiện có hiệu quả "Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2030", trong từng năm học, nhà trường đã có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có trong biên bản giám sát hội đồng trường. Hội đồng trường phân công cho các thành viên trong Hội đồng chịu trách nhiệm giám sát các chỉ tiêu, kế hoạch đặt ra trong phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển, cụ thể: Đồng chí hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng trường chịu trách nhiệm giám sát các chỉ tiêu, kế hoạch về CSVC; đồng chí phó hiệu trưởng phụ trách giám sát các chỉ tiêu, kế hoạch về phát triển giáo dục, các tổ chuyên môn, các tổ chức, đoàn thể và cá nhân mỗi CB, GV, NV có trách nhiệm giám sát theo từng mảng hoạt động liên quan đến nhiệm vụ của mình. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục đào tạo theo từng năm học. Thường kỳ, nhà trường tiến hành tổ chức họp, đánh giá kết quả thực hiện, chỉ ra những ưu điểm, tồn tại, đề ra các giải pháp khắc phục kịp thời các hạn chế để điều chỉnh thực hiện tốt phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường ; Cuối mỗi năm học, nhà trường có báo cáo đánh giá cụ thể kết quả đạt được, những điểm mạnh, hạn chế làm cơ sở xây dựng kế hoạch cho năm học tiếp theo. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng và thực hiện chiến lược, tiến độ sửa chữa CSVC, sửa chữa các phòng học đôi khi còn chậm do tiến độ giải ngân của nhà thầu. **[H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06]; [H1-1.1-07]**..

1.3. Mức 3

Tổ chức xây dựng, định kì rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, CBQL, GV, NV, CMHS và cộng đồng. Cụ thể: năm 2024 điều chỉnh về xây dựng CSVC sửa chữa dãy nhà 2 tầng cũ (xây dựng từ năm 2011), lát gạch ½ sân trường phục vụ xây dựng duy trì trường chuẩn; Năm 2025, xây dựng mới 01 nhà vệ sinh dành cho học sinh, tăng cường sửa chữa CSVC, tiếp tục lát gạch ½ sân trường còn lại, cải tạo, sửa chữa khu nhà cấp 4 cảnh quan trường lớp.

Tuy nhiên, tiến độ thực hiện các nội dung trong chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đôi khi chưa kịp thời, đặc biệt là mục tiêu về huy động các nguồn lực tài chính để tiến độ xây dựng, sửa chữa CSVC và bổ sung thiết bị đồ dùng dạy học nhà trường **[H1-1.1-07].**

2. Điểm mạnh

- Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển giáo dục đã mang tính định hướng và làm cơ sở xây dựng kế hoạch của nhà trường hằng năm.

- Các mục tiêu trong chiến lược phát triển có tính chất khả thi, phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường và địa phương trong từng giai đoạn.

- Chiến lược xây dựng và phát triển giáo dục có sự tham gia của các thành viên Hội đồng trường, CBQL, GV, NV, HS, CMHS và cộng đồng, được Hội đồng trường quyết nghị và được công khai trên website của nhà trường.

3. **Điểm yếu**

- Trong quá trình xây dựng và thực hiện chiến lược, tiến độ sửa chữa CSVC đôi khi còn chậm do tiến độ giải ngân của nhà thầu còn chậm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo	Thời gian dự kiến hoàn thành	Kinh phí
Nhà trường tiếp tục thực hiện nghiêm túc chiến lược phát triển giáo dục đã được phê duyệt.	CBQL, GV, NV	Luôn bám sát các mục tiêu giáo dục cấp THCS của Bộ GDĐT.	Các năm học	Không
Thường xuyên rà soát chiến lược phát triển để bổ sung, điều chỉnh kịp thời theo điều kiện thực tế.	BLĐ nhà trường, các tổ trưởng chuyên môn, tổ văn phòng	Tăng cường lấy ý kiến góp ý cho phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	Các năm học	Không
Tham mưu với UBND xã về đầu tư sửa, xây mới CSVC	BLĐ nhà trường	Đưa vào nghị quyết của hội đồng nhân dân xã	Năm học 2025-2026	Vốn trung hạn

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	**Đạt/ Không đạt**	**Chỉ báo**	**Đạt/ Không đạt**	**Chỉ báo**	**Đạt/ Không đạt**
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: ***Đạt mức 3***

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhà trường có hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định tại TT 32/2020/TT-BGDĐT.

Hội đồng trường THCS Phú Lạc được thành lập và kiện toàn hằng năm theo các quyết định: Số 1084/QĐ-PGDĐT ngày 30/12/2021; Số 985/QĐ-PGDĐT ngày 06/10/2023; của Phòng GDĐT huyện Đại Từ (cũ). Hội đồng trường có chủ tịch hội đồng là hiệu trưởng, các thành viên gồm phó hiệu trưởng, chủ tịch công đoàn cơ sở, bí thư chi đoàn thanh niên, trưởng ban đại diện CMHS, tổ trưởng chuyên môn cùng đại diện GV, NV HS. Hội đồng có chức năng quyết nghị phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, bàn thảo và thông qua những chủ trương lớn liên quan đến kế hoạch, tài chính, nhân sự, đồng thời giám sát việc thực hiện các nghị quyết **[H2-1.2-01].**

Nhà trường còn thành lập các hội đồng khác như hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng tư vấn, hội đồng tự đánh giá.

Hội đồng thi đua khen thưởng do hiệu trưởng phụ trách làm chủ tịch Hội đồng, cùng với sự tham gia của phó hiệu trưởng, chủ tịch công đoàn, bí thư đoàn Thanh niên, tổ trưởng chuyên môn, tổng phụ trách đội, thư kí hội đồng trường. Hội đồng này có nhiệm vụ xét, đề nghị khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong từng giai đoạn, đồng thời đảm bảo việc đánh giá thi đua được tiến hành công bằng, dân chủ và khách quan **[H2-1.2-02];**

Hội đồng tư vấn với thành phần gồm ban giám hiệu, tổ trưởng chuyên môn, GVCN, cán bộ phụ trách đoàn, đội, đại diện công đoàn. Hội đồng tư vấn có nhiệm vụ giúp hiệu trưởng tư vấn công tác tổ chức, quản lý; hoạt động giáo dục và chất lượng giáo dục; cơ sở vật chất; đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; hoạt động xã hội hoá giáo dục và các mặt công tác khác theo đúng các văn bản quy định của cấp trên, từ đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và củng cố niềm tin của các bên liên quan đối với nhà trường **[H2-1.2-03];**

Hội đồng tự đánh giá gồm có hiệu trưởng làm chủ tịch hội đồng, phó hiệu trưởng, chủ tịch công đoàn cơ sở, bí thư chi đoàn thanh niên, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn. Hội đồng có trách nhiệm triển khai công tác tự đánh giá trường THCS Phú Lạc theo quy định hiện hành của BGDĐT **[H2-1.2-04]**.

b) Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động có hiệu quả, thực hiện chức năng được ghi trong quyết định theo quy định của Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT và các quy định hiện hành. Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường **[H2-1.2-02]; [H2-1.2-03]; [H2-1.2-04]; [H2-1.2-05].**

c) Hằng năm, hội đồng trường họp định kỳ ít nhất 3 lần để đánh giá kết quả thực hiện trong năm học, đồng thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, biện pháp thực hiện nhiệm vụ trong năm học tới nhằm đạt hiệu quả cao **[H2-1.2-05].** Hoạt động của các hội đồng khác đều được kiểm tra, rà soát, đánh giá kịp thời trong quá trình thực hiện **[H1-1.1-06].**

Mức 2

Các hoạt động của hội đồng trường, hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng tư vấn, hội đồng tự đánh giá xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện và cập nhật nội dung các cuộc họp. Các hội đồng hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục HS. Hội đồng thi đua khen thưởng tích cực phát động phong trào thi đua 4 đợt/năm học hoặc đợt thi đua đặc biệt để chào mừng các sự kiện, ngày lễ lớn, có bình xét, sơ kết, tổng kết, khen thưởng tạo không khí thi đua sôi nổi phấn khởi trong tập thể CBQL, GV, NV. Tuy nhiên, kinh phí chi thường xuyên ít dẫn đến nhu cầu chi hoạt động khen thưởng còn hạn chế.

Hội đồng trường đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Đã giám sát việc thực hiện các nghị quyết, các quy chế thường xuyên và có đánh giá nhận xét theo từng kì qua đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Hội đồng tư vấn đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Đã giúp cho Hiệu trưởng đưa ra các phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội. Vì vậy, nhà trường đã hoàn thành tốt nghị quyết trong từng năm học: 100% cán bộ, GV của nhà trường thực hiện nghiêm túc các quy định; 100% HS lớp 9 được tốt nghiệp THCS. Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024 – 2025 nhà trường có nhiều giải HS giỏi cấp tỉnh, giải HS giỏi cấp huyện ở các môn học. Nhiều cán bộ, GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và giấy khen của các cấp, tập thể nhà trường 05 năm đạt danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến", 01 năm được nhận giấy khen của Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Nguyên. Trong những năm gần đây, kết quả các mặt hoạt động của nhà trường có sự chuyển biến tích cực được CMHS, nhân dân và chính quyền địa phương tin tưởng, tín nhiệm **[H2-1.2-02]; [H2-1.2-03]; [H2-1.2-04]; [H2-1.2-05].**

Tuy nhiên, một số thành viên trong hội đồng trường và các hội đồng khác chưa phát huy đầy đủ vai trò trong công tác giám sát và thực hiện các mục tiêu, phương hướng chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường. Kinh phí dành cho thi đua, khen thưởng trong các đợt phát động phong trào còn hạn chế, chưa thực sự tạo động lực mạnh mẽ cho các tập thể, cá nhân tham gia.

Hội đồng thi đua khen thưởng đã tích cực phát động các phong trào thi đua qua 04 đợt trong từng năm học và tham mưu có hiệu quả về công tác khen thưởng, động viên kịp thời các tập thể và cá nhân có nhiều thành tích trong các đợt thi đua, hoạt động chuyên đề vào cuối mỗi năm học và kết thúc mỗi đợt phát động phong trào thi đua góp phần nâng cao chất lượng các cuộc thi, hội thi.

Nhà trường có tổ tư vấn, hỗ trợ HS và bố trí cán bộ, GV kiêm nhiệm để thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho HS. Các thành viên là lãnh đạo nhà trường, cán bộ, GV kiêm nhiệm công tác tư vấn tâm lý, NV y tế trường học, GV tổng phụ

trách đội, đại diện CMHS và một số HS là cán bộ lớp, chi đội, liên đội. Các thành viên đều có trách nhiệm và phát huy tốt vai trò nắm bắt thông tin của HS nhà trường. Hằng năm nhà trường có trung bình 04 chuyên đề/năm (về cách phòng chống bạo lực học đường, kĩ năng tự bảo vệ bản thân, về giới tính, về sức khỏe) cho HS. Qua đó góp phần rèn luyện kĩ năng sống tạo sự phát triển toàn diện HS trong nhà trường. Hằng năm thể hiện rõ kết quả trong hồ sơ thi đua, báo cáo tổng kết năm học **[H1-1.1-06].**

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Đã giám sát việc thực hiện các nghị quyết, các quy chế thường xuyên và có đánh giá nhận xét theo từng kì qua đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Vì vậy nhà trường đã hoàn thành tốt nghị quyết trong từng năm học. Trong những năm gần đây, kết quả các mặt hoạt động của nhà trường có sự chuyển biến tích cực được CMHS, nhân dân và chính quyền địa phương tin tưởng. Các thành viên là lãnh đạo nhà trường, cán bộ, GV kiêm nhiệm công tác tư vấn tâm lý, NV y tế trường học, GV tổng phụ trách đội, đại diện CMHS và một số HS là cán bộ lớp, chi đội, liên đội. Các thành viên đều có trách nhiệm và phát huy tốt vai trò nắm bắt thông tin của HS nhà trường.

Hội đồng thi đua khen thưởng đã tích cực phát động các phong trào thi đua trong từng năm học và tham mưu có hiệu quả về công tác thi đua khen thưởng, động viên kịp thời các tập thể và cá nhân có nhiều thành tích trong năm học. (Kết quả trong 5 năm có 18 GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở).

Định kỳ, các hội đồng xây dựng kế hoạch họp đánh giá, rà soát và tìm ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động cho từng nội dung. Hoạt động của các hội đồng cơ bản có hiệu quả, phù hợp trong điều kiện thực tiễn của địa phương góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Các thành viên trong các hội đồng có trách nhiệm, đoàn kết.

3. Điểm yếu

Một số thành viên trong hội đồng trường và các hội đồng khác chưa phát huy hết khả năng giám sát, thực hiện mục tiêu phương hướng chiến lược phát triển giáo dục nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo	Thời gian dự kiến hoàn thành	Kinh phí
Tiếp tục phát huy những điểm mạnh và vai trò tích cực của các hội đồng trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.	Thành viên các hội đồng	Môi trường giáo dục thân thiện	Từ tháng 9 đến tháng 5 theo các năm học	Không

Nội dung công việc	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo	Thời gian dự kiến hoàn thành	Kinh phí
Thành viên các hội đồng tham gia các lớp tập huấn, học tập, trao đổi kinh nghiệm thực tế.	Thành viên các hội đồng	Kinh phí	Hằng năm	Trích từ nguồn ngân sách nhà nước cấp.
Các thành viên trong các hội đồng mạnh dạn tham mưu các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng trong đơn vị.	Thành viên các hội đồng	Môi trường giáo dục thân thiện	Hằng tháng	Không
Nhà trường tạo điều kiện để từng thành viên Tổ tư vấn tâm lý HS sắp xếp thời gian hợp lý trao đổi, tư vấn trực tiếp với từng đối tượng HS khi có vấn đề cần tư vấn.	Lãnh đạo nhà trường, các thành viên.	Kế hoạch, lịch hoạt động của tổ tư vấn tâm lý HS	Hằng tháng	Không

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	**Đạt/ Không đạt**	**Chỉ báo (nếu có)**	**Đạt/ Không đạt**	**Chỉ báo (nếu có)**	**Đạt/ Không đạt**
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm HTTNV, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm HTTNV, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có các tổ chức đoàn thể: Công đoàn, chi đoàn giáo viên, đội TNTP Hồ Chí Minh, được thành lập và các tổ chức có cơ cấu tổ chức theo quy định, cụ thể:

Tổ chức công đoàn nhà trường (tính đến thời điểm trước ngày 15/6/2025) gồm có 30 đoàn viên công đoàn, ban chấp hành công đoàn gồm 03 đồng chí (01 chủ tịch công đoàn, 02 ủy viên ban chấp hành công đoàn). Tổ chức công đoàn có quyết định chuẩn y kết quả đại hội công đoàn cơ sở, quyết định công nhận ban chấp hành và chức danh chủ tịch công đoàn cơ sở của Liên đoàn lao động huyện Đại Từ (cũ), có kế hoạch thực hiện theo Điều lệ công đoàn Việt Nam **[H3-1.3-01]**.

Chi đoàn GV có 01 ban chấp hành gồm: 01 bí thư, 01 phó bí thư, 01 ủy viên và 09 đoàn viên. Chi đoàn thanh niên hoạt động dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng nhà trường và ban chấp hành đoàn thanh niên xã Phú Lạc (cũ), có quyết định công nhận kết quả đại hội chi đoàn và các chức danh trong đại hội chi đoàn **[H3-1.3-02]**.

Hằng năm, liên đội nhà trường hoạt động ngay từ đầu năm học và có quyết định công nhận ban chỉ huy liên đội (do đại hội bầu ra). Liên đội hoạt động theo kế hoạch của nhà trường, hội đồng đội **[H3-1.3-03]**.

b) Hằng năm, kế hoạch hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đều được chi bộ, hiệu trưởng phê duyệt và triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ nhằm giúp nhà trường thực hiện tốt mục tiêu giáo dục. Tổ chức công đoàn trực thuộc liên đoàn lao động huyện Đại Từ (tính đến thời điểm trước ngày 15/6/2025), có kế hoạch thực hiện theo Điều lệ công đoàn **[H3-1.3-04];** chi đoàn trường trực thuộc đoàn xã Phú Lạc (cũ), hằng năm đều lập kế hoạch thực hiện theo điều lệ đoàn TNCS Hồ Chí Minh **[H3-1.3-05]**.

Liên đội dưới sự hướng dẫn của GV được phân công nhiệm vụ làm tổng phụ trách đội, hoạt động theo kế hoạch của hội đồng đội huyện Đại Từ (cũ) **[H3-1.3-06]**.

c) Hằng năm, hoạt động của tổ chức công đoàn (tính đến thời điểm trước ngày 15/6/2025), chi đoàn, liên đội thường xuyên được rà soát, đánh giá trong bản báo cáo tổng kết hoạt động của các tổ chức công đoàn **[H3-1.3-07]**, báo cáo tổng kết của chi đoàn GV **[H3-1.3-08]**, báo cáo tổng kết công tác đội TNTP Hồ Chí Minh **[H3-1.3-09]**.

Mức 2:

a) Chi bộ đảng: Trường THCS Phú Lạc có cơ cấu tổ chức theo đúng quy định. Tổ chức chi bộ đảng nhà trường thuộc đảng bộ xã Phú Lạc. Thời điểm hiện tại chi bộ trường THCS Phú Lạc có 19 đảng viên, 01 ban chi ủy (ban chi uỷ chi bộ gồm 03 đồng chí là bí thư - hiệu trưởng, phó bí thư - phó hiệu trưởng và chi uỷ viên – giáo viên), có Quyết định chuẩn y các chức danh chi ủy chi bộ **[H3-1.3-10]**.

Chi bộ trường THCS Phú Lạc sinh hoạt định kì, có nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo nhà trường thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết, điều lệ của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Từ năm 2021 đến năm 2025 chi bộ nhà trường luôn HTTNV được giao **[H3-1.3-11]**.

b) Trong những năm qua, các đoàn thể, tổ chức luôn có nhiều đóng góp tích cực cho các hoạt động trong nhà trường. Công đoàn (tính đến thời điểm trước ngày 15/6/2025) đã phối hợp chặt chẽ và tham mưu với chuyên môn đồng cấp trong công tác tổ chức thực hiện các phong trào thi đua từng năm học; chăm lo bảo vệ, đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công đoàn viên trong đơn vị. Từ năm 2021 đến thời điểm trước ngày 15/6/2025 công đoàn nhà trường luôn HTTNV, được 01 lần được ban chấp hành công đoàn ngành giáo dục tỉnh Thái Nguyên tặng giấy khen năm 2021 và Liên đoàn lao động huyện Đại Từ (cũ) tặng giấy khen **[H3-1.3-12]**.

Tổ chức chi đoàn hoạt động có hiệu quả, từ năm 2020 đến năm 2024 đều HTTNV**.** Chi đoàn đã có nhiều hoạt động tình nguyện, hoạt động đền ơn đáp nghĩa được tổ chức tại địa phương **[H3-1.3-12]**.

Tổ chức đội TNTP Hồ Chí Minh tích cực tham mưu với ban lãnh đạo nhà trường về duy trì tốt nề nếp, nội quy của nhà trường và đạt được nhiều thành tích cao. Từ năm 2021 đến năm 2025 liên đội đạt 05 lần danh hiệu liên đội mạnh xuất sắc cấp huyện **[H3-1.3-12]**.

Mức 3:

a) Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam trường THCS Phú Lạc tổ chức đại hội theo nhiệm kỳ nhằm tổng kết và đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ, đề ra phương hướng tổ chức hằng năm để chi bộ có nghị quyết thực hiện theo kế hoạch năm học. Từ năm 2020 đến năm 2024 đã 05 lần được Đảng ủy xã Phú Lạc (cũ) xét tặng danh hiệu "Chi bộ HTTNV" **[H3-1.3-11]**.

Năm	Kết quả xếp loại Chi bộ	Ghi chú

Năm	Kết quả xếp loại Chi bộ	Ghi chú
2020	HTTNV	
2021	HTTNV	
2022	HTTNV	
2023	HTTNV	
2024	HTTNV	

b) Tổ chức công đoàn (tính đến thời điểm trước ngày 15/6/2025) hoạt động có hiệu quả. Hằng năm, ban chấp hành công đoàn, thường xuyên phối kết hợp chặt chẽ với nhà trường trong các hoạt động như: Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và thực hiện nhiệm vụ của nhà trường, thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động và phong trào thi đua như: "Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo", phong trào thi đua "Đổi mới, sáng tạo trong quản lý và giảng dạy". Phối hợp với nhà trường tổ chức thực hiện quy chế dân chủ; tổ chức hội nghị viên chức, người lao động; tổ chức các ngày hội, ngày lễ của GV. Quan tâm chăm lo bảo vệ quyền lợi, chính sách cho đội ngũ. Sự phối kết hợp đó đã đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường. Trong 5 năm qua, công đoàn nhà trường được Ban chấp hành công đoàn ngành giáo dục tỉnh Thái Nguyên tặng giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong thực hiện chuyên đề "Dạy tốt – Học tốt", trong năm học 2020-2021, Liên đoàn Lao động huyện Đại Từ (cũ) đánh giá "HTTNV", đảm bảo quyền lợi cho cán bộ GV, NV. **[H3-1.3-12]**.

Chi đoàn hoạt động theo Nghị quyết Đại hội chi đoàn hằng năm, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể trong trường thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục. Chi đoàn thanh niên nhà trường được 5 năm liên tục nhận giấy khen của Ban chấp hành đoàn thanh niên xã và UBND xã Phú Lạc (cũ). Tuy nhiên các hoạt động của chi đoàn còn chưa đa dạng về hình thức **[H3-1.3-12]**.

Liên đội có những đóng góp hiệu quả cho các hoạt động giáo dục của nhà trường, và hoạt động cộng đồng. Kết quả liên đội đạt 05 năm liên tục được công nhận danh hiệu: Liên đội mạnh xuất sắc cấp huyện, được nhận nhiều giấy khen của Hội đồng đội huyện Đại Từ (cũ). Tuy nhiên công tác rèn kỹ năng tổ chức sinh hoạt đội cho các chi đội trưởng trong nhà trường chủ yếu vẫn thực hiện lồng ghép **[H3-1.3-12]**.

2. Điểm mạnh

Chi bộ đã phát huy tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức trong nhà trường, hoạt động thường xuyên theo định kỳ; có sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả hoạt động. Từ đó, xây dựng đơn vị thành một khối đoàn kết thống nhất, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

Công đoàn trường (tính đến thời điểm trước ngày 15/6/2025) đã có những hoạt động thiết thực, thực hiện tốt vai trò đại diện và bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của CBQL, GV, NV trong sự nghiệp phát triển giáo dục, đồng thời thực hiện tốt chức năng giám sát và tham gia quản lý Nhà nước.

Chi đoàn thanh niên có kế hoạch hoạt động cụ thể. Hằng năm, đều kết nạp đoàn viên mới, tham gia tích cực các phong trào vì đàn em thân yêu, tình nguyện hè, giáo dục truyền thống...tại địa phương được ban chấp hành đoàn xã Phú Lạc (cũ) khen thưởng và là nòng cốt trong hoạt động của hội liên hiệp thanh niên xã Phú Lạc (cũ).

Liên đội có kế hoạch cụ thể theo từng tuần, tháng, kì, năm được lãnh đạo nhà trường phê duyệt và tổ chức tốt các hoạt động, các phong trào thi đua theo kế hoạch của hội đồng đội cấp trên, của nhà trường. Liên đội đạt 05 năm danh hiệu "Liên đội mạnh xuất sắc" cấp huyện, được nhận nhiều giấy khen của hội đồng đội huyện Đại Từ (cũ).

3. Điểm yếu

Công tác rèn kỹ năng tổ chức sinh hoạt đội cho các chi đội trưởng trong nhà trường chủ yếu vẫn thực hiện lồng ghép.

Các hoạt động của chi đoàn còn chưa đa dạng về hình thức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Người thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Kinh phí
Tiếp tục phát huy tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các tổ chức trong nhà trường góp phần nâng cao hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.	Ban chi uỷ; BCH công đoàn, BCH chi đoàn, từng cá nhân	Hằng tháng giao ban thống nhất kế hoạch, chỉ đạo, tổ chức thực hiện	Giao ban đầu tháng	Không
Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của các đoàn thể.	Cấp ủy, hiệu trưởng; phó hiệu trưởng, chủ tịch công đoàn, các đoàn viên.	Cấp ủy, hiệu trưởng và người đứng đầu các tổ chức trong nhà trường	Hằng năm	Không
Tăng cường rèn các kỹ năng tổ chức hoạt động cho các chi đội trưởng	Giáo viên tổng phụ trách đội, chi đội trưởng các lớp	TPT đội các đơn vị trong cụm chuyên môn hỗ trợ cho nhau trong tổ chức	Hằng tháng	Kinh phí của đội

Nội dung công việc	Người thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Kinh phí
		các hoạt động		
Ban chấp hành chi đoàn cần xây dựng kế hoạch chi tiết; đảm bảo các hoạt động đa dạng về hình thức, nội dung thích ứng linh hoạt với tình hình thực tế.	Ban chấp hành chi đoàn, đoàn viên	Nhà trường động viên tạo mọi điều kiện về thời gian, kinh phí hoạt động cho tổ chức đoàn phát huy sự chủ động, sáng tạo.	Năm học 2025-2026	Không

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	**Đạt/ Không đạt**	**Chỉ báo (nếu có)**	**Đạt/ Không đạt**	**Chỉ báo (nếu có)**	**Đạt/ Không đạt**
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

a) Có Hiệu trưởng, số lượng Phó Hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ CM và tổ Văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ CM, tổ Văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ CM đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ CM, tổ Văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ CM, tổ Văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ CM thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 01 hiệu trưởng, 01 phó hiệu trưởng. hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT, cụ thể:

* Hiệu trưởng: Có trình độ đào tạo đại học, chuyên ngành sư phạm Toán học, đại học quản lí giáo dục, bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị - hành chính, có chứng chỉ bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước, chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng ngạch chuyên viên, có số năm công tác là 29 năm, số năm làm quản lý 21 năm, được tập thể CB, GV, NV tín nhiệm.

* Phó Hiệu trưởng: Có trình độ đào tạo đại học, chuyên ngành sư phạm Toán học, bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị - hành chính, có chứng chỉ bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước, có chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng ngạch chuyên viên, có số năm công tác là 20 năm, số năm làm quản lý 2 năm **[H4-1.4-01]**.

b) Thời điểm hiện tại, nhà trường có 03 tổ trong đó có 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Mỗi tổ có cơ cấu tổ chức theo quy định của Điều lệ trường trung học, cụ thể:

Tổ KHTN gồm có 11 thành viên, trong đó có: 01 phó hiệu trưởng, 01 tổ trưởng, 1 tổ phó, 1 nhân viên thiết bị thí nghiệm **[H4-1.4-02]**.

Tổ KHXH gồm có 14 thành viên, trong đó có: 01 hiệu trưởng, 01 tổ trưởng, 1 tổ phó, 1 nhân viên thư viện **[H4-1.4-02]**.

Tổ văn phòng gồm có 05 thành viên, trong đó có: 01 tổ trưởng (NV y tế học đường), 01 NV kế toán, 01 NV văn thư kiêm thủ quỹ, 01 nhân viên giáo vụ, 01 nhân viên tư vấn tâm lý học đường. Tất cả các tổ trên đều được các thành viên trong tổ tín nhiệm và được Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó vào đầu năm học thông qua hội đồng trường **[H4-1.4-02]**.

c) Hai tổ chuyên môn đã chủ động xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục thuộc chuyên môn phụ trách theo tuần, tháng, học kỳ, năm học; phối hợp với các tổ chuyên môn khác xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường. Đề xuất lựa chọn sách giáo khoa để sử dụng trong nhà trường theo quy định của Bộ trưởng Bộ GDĐT. Thực hiện KHGD của tổ chuyên môn theo KHGD của nhà trường đã được hội đồng trường phê duyệt. Tham gia đánh giá, xếp loại GV theo chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ GDĐT. Tham gia bồi

dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của tổ chuyên môn và của nhà trường. Thực hiện các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng phân công. **[H4-1.4-03]**.

Tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn ít nhất 02 lần trong 01 tháng và có thể họp đột xuất theo yêu cầu công việc hoặc khi hiệu trưởng yêu cầu. Tổ chuyên môn hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, tôn trọng, chia sẻ, học tập, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên để phát triển năng lực chuyên môn **[H4-1.4-04]**.

Tổ văn phòng căn cứ kế hoạch giáo dục của nhà trường, xây dựng, giải trình và quyết định kế hoạch hoạt động của tổ theo tuần, tháng, học kỳ, năm học. Giúp hiệu trưởng thực hiện công tác văn thư, y tế, nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản, thống kê trong nhà trường theo quy định. Tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của tổ văn phòng và của nhà trường. Tham gia đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động. Quản lý, lưu trữ hồ sơ của trường. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi hiệu trưởng phân công. **[H4-1.4-03].**

Tổ văn phòng sinh hoạt ít nhất 01 lần trong 01 tháng và có thể họp đột xuất theo yêu cầu công việc hoặc khi hiệu trưởng yêu cầu. Tổ văn phòng hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, tôn trọng, chia sẻ, học tập, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên để phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ. **[H4-1.4-04].**

Mức 2:

a) Các tổ chuyên môn đã hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học, hoàn thành tốt kế hoạch nhiệm vụ năm học của trường. Quan tâm đặc biệt đến công tác chuyên môn, tổ chức các chuyên đề thiết thực, ý nghĩa, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục. Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 4 chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục **[H4-1.4-05]**.

b) Các tổ chuyên môn khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và tổ văn phòng đã hoạt động theo đúng chức năng, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của tổ theo quy định tại Điều lệ trường trung học. Hằng tháng tổ văn phòng có rà soát, đánh giá, điều chỉnh, đồng thời phối hợp với các tổ chuyên môn trong việc sử dụng đồ dùng thiết bị một cách hiệu quả. Hằng tháng các tổ chuyên môn có rà soát, đánh giá, điều chỉnh đồng thời đề ra các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học đồng thời phối hợp với tổ văn phòng trong việc sử dụng đồ dùng thiết bị một cách hiệu quả, các tổ chuyên môn luôn thực hiện đầy đủ các buổi sinh hoạt theo tuần, tháng, kỳ và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được phân công. Hình thức, nội dung sinh hoạt chuyên môn tập trung vào những vấn đề mang tính mới như đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh, nghiên cứu lựa chọn sách giáo khoa theo công văn hướng dẫn. Tuy nhiên trình độ chuyên môn của các tổ viên chưa đồng đều, một số giáo viên còn thực hiện ứng dụng, cập nhật công nghệ thông tin, kĩ thuật dạy học (AI, thí nghiệm ảo, dạy học không gian 3D..) chưa phát huy hết được công năng của các kĩ thuật **[H4-1.4-04]**.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng triển khai thực hiện theo kế hoạch của nhà trường, có rà soát, đánh giá, điều chỉnh, phối hợp với các tổ chuyên môn trong việc sử dụng đồ dùng thiết bị một cách hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng dạy học của nhà trường. Hằng năm, các tổ chuyên môn thực hiện mở ít nhất 4 chuyên đề có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Hằng năm, tổ trưởng, tổ phó và giáo viên có năng lực chuyên môn cao tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho các giáo viên khác trong tổ, giáo viên mới tuyển dụng (đổi mới PPDH; đổi mới kiểm tra, đánh giá; dạy học theo phát triển phẩm chất, năng lực người học; sử dụng đồ dùng dạy học, thiết bị và công nghệ, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong dạy học góp phần nâng cao chất lượng dạy học và giáo dục theo chương trình GDPT 2018) thông qua các chuyên đề, thao giảng, hội thi... **[H4-1.4-03]**; **[H4-1.4-04]**; **[H4-1.4-05]**.

b) Hằng năm các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch cụ thể, thực hiện mỗi năm ít nhất 04 chuyên đề cấp trường ở các tổ, cấp cụm 01 chuyên đề mỗi năm (theo sự phân công của cụm chuyên môn) nhằm đánh giá, rút kinh nghiệm kịp thời góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường được tổng hợp báo cáo hàng tháng của tổ chuyên môn tổng hợp về nhà trường và báo cáo Phòng GDĐT huyện Đại Từ (cũ. Nhà trường có 03 GV là cốt cán chuyên môn của ngành. **[H4-1.4-05]**. Tuy nhiên nội dung các buổi sinh hoạt tổ chuyên môn chưa thật sự đa dạng, phong phú. Một số giáo viên chưa có nhiều ý tưởng thiết kế ứng dụng công nghệ số để thay đổi môi trường học tập cho HS.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ cơ cấu hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng hoạt động theo quy định của điều lệ trường trung học. Các tổ đều xây dựng kế hoạch cụ thể và có sự nhất trí cao của các thành viên trong tổ trong việc thực hiện. Hiện nay nhà trường có 03 GV là cốt cán chuyên môn của ngành.

Hồ sơ sổ sách và kế hoạch hoạt động đầy đủ; nề nếp sinh hoạt của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được thực hiện tốt, có hiệu quả cao. Thông qua đó các thành viên trong tổ có cơ hội học tập, trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau, giúp đỡ đồng nghiệp cùng thực hiện tốt nhiệm vụ năm học.

3. Điểm yếu

- Nội dung các buổi sinh hoạt tổ chuyên môn chưa thật sự đa dạng, phong phú.

- Năng lực công nghệ số của một số GV còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Người thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Kinh phí

Nội dung công việc	Người thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Kinh phí
Tiếp tục phát huy các điểm mạnh trong hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	Tổ chuyên môn, tổ văn phòng	Kế hoạch tổ chức sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề của nhà trường, tổ văn phòng	Trong các năm học	Kinh phí chi chuyên môn
Duy trì tổ chức các chuyên đề chuyên môn trong trường, cụm chuyên môn	Tổ chuyên môn	Kế hoạch chuyên đề chuyên môn	Trong các năm học	Kinh phí chi chuyên môn
Nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn, đẩy mạnh công tác chuyển đổi số.	Hiệu trưởng; phó hiệu trưởng; tổ trưởng chuyên môn, GV.	Hiệu trưởng thường xuyên giám sát việc thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng. Phó hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn thực hiện. Tổ chuyên môn tích cực tham mưu. Phối hợp cùng các nhà mạng trang bị và hỗ trợ tập huấn kĩ thuật số cho đội ngũ GV nhà trường	Hằng tháng, hằng năm	Kinh phí chi chuyên môn, kinh phí cá nhân tự học.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	**Đạt/ Không đạt**	**Chỉ báo (nếu có)**	**Đạt/ Không đạt**	**Chỉ báo (nếu có)**	**Đạt/ Không đạt**
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

a) Có đủ các lớp của cấp học;

b) HS được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2: Bãi bỏ

Mức 3: Bãi bỏ

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhà trường có đủ khối lớp từ lớp 6 đến lớp 9, trong các năm sĩ số HS trong từng khối, lớp đều đảm bảo theo đúng quy định được thể hiện rõ trong Sổ đăng bộ **[H5-1.5-01]**, sổ theo dõi và đánh giá HS của nhà trường **[H5-1.5-02]**.

b) HS được tổ chức theo lớp. Mỗi lớp có lớp trưởng, các lớp phó và một số chức danh khác của lớp do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học có trong biên bản bầu ban cán sự lớp đầu năm **[H5-1.5-03]**. Số HS trong 1 lớp không quá 45 HS **[H5-1.5-02]**. Mỗi lớp được chia thành 4 tổ. Có 01 tổ trưởng, do các thành viên của tổ bầu ra vào đầu mỗi năm học (Theo quy định tại Điều 16 Điều lệ trường trung học) **[H5-1.5-04]**.

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Hằng năm, nhà trường luôn hướng HS các lớp hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Các em tự bầu đội ngũ cán bộ lớp theo một quy trình dân chủ và tự nguyện; tự đứng ra tổ chức điều hành các hoạt động như sinh hoạt, họp lớp hoặc bình bầu, theo dõi, giám sát nhau thực hiện nề nếp học tập, nề nếp đội TNTP Hồ Chí Minh hoặc đề xuất nguyện vọng với GV làm công tác chủ nhiệm để hướng dẫn các em thực hiện.

Trong các giờ học, HS được học tập theo sự hướng dẫn hỗ trợ của GV. Thông qua các hoạt động học, các em được giao tiếp đa chiều với các bạn và các công cụ hỗ trợ học tập trong lớp.

Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ đã phát huy sự chủ động học tập, được rèn luyện kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng tham gia hợp tác trong các hoạt động giáo dục **[H5-1.5-03]**; **[H5-1.5-04].** Tuy nhiên ý thức tự quản của một bộ phận học sinh chưa thực sự tốt. Kỹ năng tự quản, khả năng chủ động tham gia, điều hành các hoạt động tập thể của học sinh còn hạn chế; một số em còn thụ động, chưa mạnh dạn bày tỏ chính kiến hoặc đề xuất ý kiến trong sinh hoạt lớp và các hoạt động giáo dục.

1.2. Mức 2: *(-)*

1.3. Mức 3: *(-)*

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các khối lớp học theo quy định của Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Lớp học được tổ chức theo quy định.

3. Điểm yếu

Công tác tự quản của HS ở một số lớp chưa thực sự hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo	Thời gian thực hiện	Kinh phí
Duy trì quy mô lớp học theo đúng quy định.	CBQL, GV	Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo đủ phòng học.	Năm học 2025-2026	Không
Tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động trải nghiệm, giáo dục kĩ năng sống nhằm rèn kĩ năng tự quản, tổ chức, hoạt động nhóm của HS.	Bộ phận CM, chi đoàn, liên đội.	Phối hợp với các trung tâm giáo dục kĩ năng sống; Tổ chức các hoạt động tập thể với sự tham gia của HS toàn trường. Chú trọng HS còn nhút nhát, thiếu tự tin.	Năm học 2025-2026	Không

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	-	-	-	-
a	Đạt	-	-	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt					

Kết quả: Đạt mức 1

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy

chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường THCS Phú Lạc là đơn vị hành chính sự nghiệp trực thuộc UBND xã Phú Lạc. Nhà trường có đầy đủ hệ thống sổ công văn đi, đến **[H6-1.6-01]**; hồ sơ hành chính, tài chính, tài sản được quản lý và lưu trữ theo đúng quy định tại Điều lệ trường trung học và các văn bản hướng dẫn hiện hành **[H7-1.6-02]**. Tuy nhiên, một số hồ sơ còn chưa được sắp xếp theo các năm.

b) Hằng năm, nhà trường thực hiện đầy đủ các hoạt động tài chính: lập dự toán thu chi, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê và báo cáo tài chính, tài sản theo quy định **[H7-1.6-03], [H7-1.6-09]**. Công khai tài chính được thực hiện định kỳ mỗi học kỳ thông qua nhiều hình thức: bảng niêm yết tài chính, các cuộc họp, Hội nghị viên chức – người lao động và Hội nghị tổng kết năm học **[H10-1.9-01], [H10-1.9-02]**. Việc kiểm kê tài sản được tiến hành định kỳ, có biên bản kiểm tra từ các cấp quản lý, sổ quản lý tài sản và thiết bị giáo dục được cập nhật thường xuyên **[H7-1.6-05]**; **[H7-1.6-06]**. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng rõ ràng, bổ sung và điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành **[H7-1.6-07]**.

c) Nhà trường thực hiện tốt công tác tự kiểm tra và báo cáo tài chính định kỳ với Phòng GDĐT (cũ), Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đại Từ (cũ). Các nguồn thu, chi đều đảm bảo đúng quy định, có hóa đơn, chứng từ đầy đủ và minh bạch **[H7-1.6-02], [H10-1.6-02]**; tiền lương và các khoản chi phục vụ hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ được chi đúng, đủ và kịp thời. Trường sử dụng phần mềm kế toán theo quy định **[H7-1.6-08]**. Việc sử dụng nguồn tài chính hiệu quả, đúng mục đích, không có sai phạm, được thể hiện qua các báo cáo quyết toán và biên bản kiểm tra hằng năm **[H7-1.6-09], [H7-1.6-06]**.

Mức 2:

a) Nhà trường đã đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Kế toán nhà trường được trang bị máy tính có kết nối Internet, cài đặt phần mềm quản lý tài chính (MISA), tài sản và các phần mềm bảo mật theo quy định. Thông tin tài chính – tài sản được quản lý, lưu trữ hiệu quả qua phần mềm **[H7-1.6-08]**.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có sai phạm nào liên quan đến công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo các kết luận thanh tra, kiểm toán. Không xảy ra tình trạng khiếu nại, tố cáo, thất thoát hay mất mát tài chính, tài sản **[H7-1.6-09]**.

Mức 3:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn hằng năm nhằm sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách và các khoản thu hợp pháp để đầu tư mua sắm trang thiết bị, cải tạo CSVC. Các kế hoạch, tờ trình, dự toán được gửi đến cấp có thẩm quyền để xin cấp bổ sung nguồn lực tài chính **[H7-1.6-10], [H7-1.6-11]**.

Bên cạnh đó, nhà trường đã xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn để tạo lập các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương **[H7-1.6-11]**.

2. Điểm mạnh

Hệ thống văn bản, hồ sơ, chứng từ về hành chính, tài chính, tài sản của nhà trường được thiết lập đầy đủ, lưu trữ theo đúng quy định

Công tác quản lý tài chính đã được tin học hóa, sử dụng phần mềm quản lý chuyên dụng.

Các nguồn tài chính được quản lý, sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, công khai, minh bạch theo quy định của Nhà nước.

Nhiều năm liền, nhà trường không xảy ra tình trạng khiếu nại, tố cáo hoặc thất thoát, mất mát tài chính, tài sản.

3. Điểm yếu

Một số hồ sơ chưa được lưu trữ khoa học (chưa được sắp xếp theo năm).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Người thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Kinh phí
Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản theo quy định.	Hội đồng trường, hiệu trưởng; phó hiệu trưởng; GV; nhân viên văn thư, nhân viên kế toán, thủ quỹ	- Xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ. - Làm tốt công tác báo cáo định kỳ. - Thực hiện đầy đủ ba công khai.	Định kì theo quý, năm học	Nguồn ngân sách được phê duyệt .

Nội dung công việc	Người thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Kinh phí
Thực hiện tốt công tác lưu trữ hồ sơ trong nhà trường để làm tốt công tác tự đánh giá, công tác KĐCL.	Hội đồng trường, hiệu trưởng; phó hiệu trưởng; GV; nhân viên văn thư…	Hội đồng trường, hiệu trưởng, kế toán giám sát việc thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng.	Hằng năm	Nguồn ngân sách, kinh phí chuyên môn.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	**Đạt/ Không đạt**	**Chỉ báo (nếu có)**	**Đạt/ Không đạt**	**Chỉ báo (nếu có)**	**Đạt/ Không đạt**
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, GV và NV

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV và NV;

b) Phân công, sử dụng CBQL, GV, NV rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) CBQL, GV và NV được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của CBQL, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho CBQL, GV, NV thông qua nhiều hình thức: tổ chức phong trào thi đua chuyên môn, học tập các chuyên đề, thao giảng - dự giờ, cử giáo viên tham gia các lớp tập huấn, học nâng chuẩn, hoàn thành các mô đun bồi

dưỡng theo Chương trình GDPT 2018. Đồng thời, nhà trường khuyến khích CBQL, GV, NV chủ động tự học qua các khóa học trực tuyến, tham gia diễn đàn chuyên môn nhằm củng cố kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục **[H8-1.7-01]**. Tuy nhiên, một số CB, GV, NV còn chưa thực sự tự giác bồi dưỡng chuyên môn, còn hạn chế trong việc ứng dụng CNTT vào dạy học.

b) Căn cứ vào quyết định điều động, phân bổ đội ngũ hằng năm, lãnh đạo nhà trường xây dựng dự thảo phân công nhiệm vụ cho CBQL, GV, NV trên cơ sở lấy ý kiến từ tổ trưởng chuyên môn, đảm bảo phân công đúng người, đúng việc, phù hợp với năng lực, điều kiện thực tế. Việc phân công được ban hành bằng quyết định và điều chỉnh kịp thời khi có biến động nhân sự nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường **[H8-1.7-02]; [H8-1.7-03]**.

c) Nhà trường thực hiện nghiêm túc, đầy đủ và kịp thời các quy định của pháp luật về quyền lợi của CBQL, GV, NV theo Điều 29, Thông tư 32 - Điều lệ trường trung học. CBQL, GV, NV được tạo điều kiện tự chủ trong thực hiện nhiệm vụ, được tham gia các lớp bồi dưỡng, được chi trả đầy đủ các chế độ, lương, phụ cấp và được làm việc trong môi trường thân thiện, dân chủ, công bằng **[H8-1.7-04]**.

Mức 2:

Hiệu trưởng nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ CBQL, GV, NV **[H8-1.7-01]**.

Nhà trường tổ chức các phong trào thi đua, động viên cán bộ tích cực tham gia các hội thi, hội giảng, góp phần thúc đẩy tinh thần học tập, rèn luyện **[H8-1.7-05]**.

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng thực hiện tốt công tác kiểm tra đánh giá GV, nhân viên thường xuyên theo đợt thi đua, học kỳ, năm học, nhằm đảm bảo CBQL, GV, NV luôn học tập nâng cao trình độ và hoàn thành tốt nhiệm vụ **[H8-1.7-06].**

Tuy nhiên, tiến độ hoàn thành các mô đun bồi dưỡng thường xuyên của một số GV còn chậm so với kế hoạch cập nhật. Việc tổ chức chuyên đề ứng dụng công nghệ hiện đại như AI, thiết kế bài học số, mô phỏng thí nghiệm 3D còn chưa được thực hiện thường xuyên.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ CBQL, GV, NV nhà trường đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm, chủ động thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Công tác hỗ trợ GV trẻ, GV chưa có nhiều kinh nghiệm được thực hiện nghiêm túc trong các tổ chuyên môn.

Nhà trường quan tâm xây dựng môi trường làm việc dân chủ, thực hiện tốt chế độ chính sách cho người lao động.

Công tác thi đua, khen thưởng, kiểm tra giám sát được thực hiện thường xuyên, kịp thời, phát huy được năng lực đội ngũ trong xây dựng, phát triển nhà trường.

3. Điểm yếu

- Việc tự học, tự bồi dưỡng thường xuyên của một số đồng chí giáo viên chưa thực sự tích cực.

- Ứng dụng kỹ thuật dạy học hiện đại (AI, thiết kế bài học số, mô phỏng 3D) còn chưa nhiều trong kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung công việc	Người thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Kinh phí
Tiếp tục phát huy năng lực CBQL, GV, NV trong xây dựng, phát triển nhà trường	CBQL, GV, NV nhà trường.	Tăng cường dân chủ trong môi trường làm việc; lắng nghe, giải đáp kịp thời các kiến nghị chính đáng; thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng	Các năm học	Nguồn ngân sách, kinh phí chuyên môn
Nâng cao ý thức tự học, tự bồi dưỡng (đặc biệt là năng lực ứng dụng AI, chuyển đổi số) đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình GDPT 2018	BLĐ nhà trường, GV, NV	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên đề ứng dụng công nghệ AI; phối hợp với các trường tổ chức tập huấn; tạo điều kiện thời gian …	Theo tháng, quý, học kì hằng năm	Nguồn ngân sách, cá nhân tự túc

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	**Đạt/ Không đạt**	**Chỉ báo (nếu có)**	**Đạt/ Không đạt**	**Chỉ báo (nếu có)**	**Đạt/ Không đạt**
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được xây dựng, phê duyệt và được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời theo quy định;

c) Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục, đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT (ban hành Chương trình GDPT 2018); Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới chương trình, sách giáo khoa GDPT, cùng các văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT Thái Nguyên và Phòng GDĐT huyện Đại Từ (cũ), nhà trường đã xây dựng KHGD hằng năm đảm bảo đúng quy định hiện hành và yêu cầu đổi mới giáo dục.

KHGD của nhà trường được xây dựng đúng quy trình, có sự tham gia của BLĐ, tổ chuyên môn và GV, đảm bảo tính khoa học, khả thi. KHGD bám sát khung kế hoạch thời gian năm học của Bộ GDĐT, UBND tỉnh Thái Nguyên; đồng thời gắn với thực tiễn địa phương, đáp ứng yêu cầu giáo dục HS phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội của vùng nông thôn miền núi, nơi học sinh còn nhiều hạn chế về điều kiện học tập và cơ hội tiếp cận tri thức.

Bên cạnh đó, KHGD cũng được điều chỉnh phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường: CSVC còn hạn chế nhưng được sử dụng hiệu quả; đội ngũ CB, GV đáp ứng chuẩn nghề nghiệp và nhiệt tình đổi mới phương pháp; đối tượng HS đa số chăm ngoan, có nhu cầu rèn luyện kỹ năng sống gắn với thực tiễn địa phương. Trong giai đoạn ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, nhà trường đã linh hoạt điều chỉnh KHGD, kết hợp hình thức dạy học trực tuyến và trực tiếp, đảm bảo tiến độ và chất lượng giáo dục.

Kế hoạch giáo dục sau khi hoàn thiện được công khai trên Website của nhà trường, niêm yết tại phòng hội đồng, tạo điều kiện cho CBQL, GV và HS và CMHS thuận tiện tra cứu, giám sát, góp phần nâng cao tính minh bạch và hiệu quả thực hiện **[H9-1.8-01]**. Tuy nhiên, việc tích hợp, liên môn vào trong dạy học còn hạn chế; do ảnh hưởng của dịch Covid-19, một số hoạt động tập thể, hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp còn hạn chế về nội dung và hình thức.

b) Hằng năm, KHGD của nhà trường được xây dựng theo đúng quy trình, trình Chủ tịch Hội đồng trường phê duyệt và được Phòng GDĐT Đại Từ (cũ) xác nhận làm căn cứ tổ chức thực hiện. KHGD được triển khai ngay từ đầu năm học, trong đó mỗi hoạt động đều xác định rõ mục tiêu, yêu cầu cần đạt, chỉ tiêu, giải pháp và phương thức tổ chức thực hiện. Sau khi ban hành, kế hoạch được phổ biến tới các tổ chuyên

môn, GV và được công khai trên Website nhà trường để đảm bảo tính minh bạch và thuận lợi trong việc giám sát, kiểm tra **[H9-1.8-01]; [H4-1.4-03].**

Trong quá trình triển khai, nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá định kỳ theo từng học kỳ và trong năm học, từ đó có sự điều chỉnh kịp thời nhằm đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và năng lực đội ngũ. Việc thực hiện KHGD được giám sát nghiêm túc theo quy chế chuyên môn, đúng tiến độ đề ra. Tuy nhiên, việc triển khai KHGD đối với môn KHTN vẫn còn gặp khó khăn do một số giáo viên chưa thực sự tự tin khi giảng dạy các nội dung ngoài chuyên ngành đào tạo.

c) Nhà trường chỉ đạo 100% CBQL, GV, NV thực hiện nghiêm túc KHGD theo quy định. Các hoạt động giáo dục được tổ chức linh hoạt, đa dạng cả trong dạy học trên lớp, sinh hoạt tổ chuyên môn, hoạt động trải nghiệm, giáo dục ngoài giờ lên lớp và các phong trào thi đua, nhằm đáp ứng mục tiêu hình thành phẩm chất, năng lực cho HS theo yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

Trong quá trình triển khai, nhà trường thường xuyên rà soát, đánh giá định kỳ thông qua dự giờ, sinh hoạt chuyên môn, hội nghị sơ kết, tổng kết học kỳ. Khi có thay đổi hoặc yêu cầu mới, việc điều chỉnh nội dung dạy học được thực hiện kịp thời theo hướng dẫn tại Công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2020 về điều chỉnh nội dung dạy học THCS, THPT. BLĐ, đặc biệt là phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn, chủ động kiểm tra, giám sát và linh hoạt sắp xếp thời khóa biểu, bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế **[H9-1.8-02]**.

Mức 2:

Nhà trường thực hiện nghiêm túc các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục theo kế hoạch hằng năm. Sổ đầu bài, kế hoạch bài dạy và hồ sơ chuyên môn của giáo viên được phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn, tổ trưởng chuyên môn và giáo viên phụ trách kiểm tra thường xuyên, có cơ chế giám sát chặt chẽ và phản hồi kịp thời để điều chỉnh, nâng cao chất lượng dạy học **[H9-1.8-03].** Ngoài ra, việc dự giờ, kiểm tra giáo viên, sơ kết, tổng kết định kỳ cũng được tiến hành theo đúng quy định, đảm bảo các hoạt động giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả. Các biện pháp chỉ đạo, giám sát này đã được cơ quan quản lý giáo dục ghi nhận, đánh giá là thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả **[H8-1.7-06].**

Đối với hoạt động dạy thêm, học thêm, nhà trường thực hiện đúng các quy định hiện hành, đảm bảo tính minh bạch, tự nguyện, có sự đồng thuận của CMHS và lãnh đạo địa phương. Việc tổ chức, quản lý dạy thêm, học thêm được thực hiện theo Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012; Quyết định số 2499/2012/TT-BGDĐT ngày 26/8/2019; Quyết định số 33/2012/QĐ-UBND ngày 08/10/2012 và Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 27/02/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Hoạt động này được báo cáo, kiểm tra, giám sát định kỳ bởi Phòng GDĐT huyện Đại Từ (cũ), bảo đảm tuân thủ đúng quy định pháp luật và đạt hiệu quả trong quản lý **[H9-1.8-05]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường bám sát các văn bản chỉ đạo của cấp trên, căn cứ vào điều kiện thực tế về đội ngũ để xây dựng KHGD khoa học, khả thi, đúng quy định; quá trình xây dựng được thực hiện dân chủ, công khai và được Hội đồng trường thống nhất cao.

KHGD được công khai trên Website nhằm tạo điều kiện cho đội ngũ giáo viên, phụ huynh, cộng đồng giám sát và theo dõi.

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và giáo viên xây dựng đầy đủ kế hoạch hoạt động chuyên môn theo tuần, tháng, học kỳ và năm học. Việc thực hiện chương trình giảng dạy đúng thời gian, nội dung và tiến độ quy định.

Hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục và dạy thêm, học thêm được lưu trữ đầy đủ, quản lý chặt chẽ. Các hoạt động dạy học được lãnh đạo kiểm tra, giám sát thường xuyên. Nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá định kỳ và kịp thời điều chỉnh KHGD nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Một số bộ môn chưa tích hợp và liên hệ nội dung giáo dục địa phương sát với thực tế.

Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp còn hạn chế về nội dung và hình thức tổ chức

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung công việc	Người thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Kinh phí
Tiếp tục phát huy vai trò của CB, GV và tổ CM trong việc nghiên cứu, xây dựng KHGD phù hợp với thực tế, nhằm nâng cao chất lượng dạy học.	BLĐ nhà trường, các tổ chuyên môn, GV.	Tạo môi trường làm việc dân chủ	Các năm học	Nguồn ngân sách, kinh phí chuyên môn
Tạo điều kiện cho giáo viên học tập, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu dạy học môn KHTN; HĐTN-HN	BLĐ nhà trường, tổ trưởng chuyên môn; GV.	Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng, GV tích cực, chủ động	Các năm học	Nguồn ngân sách, kinh phí cá nhân
Tăng cường tích hợp liên môn và lồng ghép nội dung giáo dục địa phương vào các môn học	GV bộ môn	GV tích cực, chủ động	Các năm học	Nguồn ngân sách, kinh phí cá nhân
Đa dạng hóa nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm – hướng nghiệp	BLĐ nhà trường, tổ trưởng chuyên môn; GV	Nhà trường có kế hoạch, GV tích cực, chủ động	Các năm học	Nguồn ngân sách, xã hội hóa

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	**Đạt/ Không đạt**	**Chỉ báo (nếu có)**	**Đạt/ Không đạt**	**Chỉ báo (nếu có)**	**Đạt/ Không đạt**
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) CBQL, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, căn cứ vào kế hoạch của các cấp, nhà trường xây dựng đầy đủ các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến mọi hoạt động. Để đảm bảo tính khả thi trong việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm học, nhà trường tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động để lấy ý kiến đóng góp dân chủ từ toàn thể CBQL, GV, NV. Tại hội nghị, các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch năm học được tập thể thống nhất cao. 100% CBQL, GV, NV đều được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng các kế hoạch và quy chế theo đúng quy định tại Quy chế thực hiện dân chủ trong nhà trường. Trước hội nghị, các văn bản liên quan đều được công khai gửi trên nhóm công tác của đơn vị để nghiên cứu, góp ý và tiếp tục được thảo luận dân chủ tại các cuộc họp. Kết quả được thể hiện rõ trong biên bản, nghị quyết hội nghị. Các quy chế như: quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế làm việc, quy chế thực hiện dân chủ, quy chế phối hợp giữa nhà trường và công đoàn (cũ) đều được thông qua tại hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động hằng năm **[H10-1.9-01]**, **[H10-1.9-02]**.

b) Trong 5 năm gần đây, nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước cũng như các quy định, quy chế của cơ quan chủ quản. Với tinh thần trách nhiệm cao, nhà trường không phát sinh khiếu nại, tố cáo; điều này được minh chứng qua các báo cáo của Ban thanh tra nhân dân **[H10-1.9-03]**.

c) Việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường được kiểm tra, đánh giá định kỳ, có báo cáo kết quả rõ ràng vào cuối mỗi năm học **[H10-1.9-04]**.

Mức 2:

Trong những năm qua, nhà trường đã triển khai hiệu quả các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo tính công khai, minh bạch, hiệu quả. Các nội dung thuộc ba công khai được niêm yết tại hội đồng trường và đăng tải trên website của nhà trường tại địa chỉ: http://thcsphulac.daitu.edu.vn/ba-cong-khai2?isFeatured=1, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát thực hiện quy chế dân chủ **[H10-1.9-01]**. Ngay từ đầu mỗi năm học, nhà trường phổ biến đầy đủ các nội dung và quy chế liên quan đến quyền, trách nhiệm của CB, GV, NV, CMHS và HS thông qua hội nghị viên chức, người lao động. Các thông tin về tuyển sinh, nội quy, quy chế học tập, đánh giá xếp loại, thi đua - khen thưởng - kỷ luật, các khoản thu - chi cũng như các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước được thông báo công khai **[H10-1.9-02]**. Ban thanh tra nhân dân được thành lập qua hội nghị CB, VC, NLĐ theo nhiệm kỳ 2 năm, có trách nhiệm giám sát các hoạt động của nhà trường nhằm đảm bảo sự minh bạch, hiệu quả; kết quả giám sát được thể hiện trong báo cáo tổng kết hằng năm. Đồng thời, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường xây dựng quy chế phối hợp thực hiện quy chế dân chủ và có báo cáo tổng kết hằng năm **[H10-1.9-04]**. Tuy nhiên, Ban thanh tra nhân dân hiện còn hạn chế trong việc được tập huấn về nghiệp vụ công tác.

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn triển khai kịp thời, nghiêm túc các quy định của cấp trên và địa phương; tập thể và cá nhân đều chấp hành đúng các nội quy, quy chế. Quy chế dân chủ trong đơn vị được thực hiện nghiêm túc, mọi hoạt động đều được công khai, dân chủ, góp phần xây dựng sự đoàn kết, thống nhất cao trong tập thể. Trong 5 năm qua, nhà trường không phát sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo.

3. Điểm yếu

Việc tham gia đóng góp ý kiến xây dựng các quy chế ở một số GV chưa tích cực và sát thực.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung công việc	Người thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Kinh phí
Tiếp tục duy trì và phát huy tính tích cực trong thực	BLĐ nhà trường,	Lãnh đạo nhà trường,	Theo từng đợt	Nguồn ngân

hiện quy chế dân chủ.	GV, NV	đội ngũ CBQL, GV, NV.	thi đua hằng năm	sách, kinh phí chi thường xuyên
Tăng cường phổ biến kiến thức pháp luật, quy chế dân chủ trong trường học, động viên, khích lệ CBQL, GV, NV tích cực tham gia đóng góp ý kiến trong việc thực hiện quy chế dân chủ trong đơn vị trên nguyên tắc tập trung, đoàn kết, xây dựng.	BLĐ nhà trường, ban thanh tra nhân dân	Tạo điều kiện về thời gian. Cung cấp tài liệu liên quan để các thành viên nghiên cứu.	Năm học 2025-2026	Không
Phát huy tinh thần trách nhiệm của các cá nhân trong việc đóng góp ý kiến cho tập thể.	BLĐ nhà trường, GV	Không	Năm học 2025-2026	Không

5. Tự đánh giá

Mức 1		**Mức 2**		**Mức 3**	
Chỉ báo	**Đạt/ Không đạt**	**Chỉ báo (nếu có)**	**Đạt/ Không đạt**	**Chỉ báo (nếu có)**	**Đạt/ Không đạt**
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Đảm bảo theo quy định về an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm hoạ, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho CBQL, GV, NV và HS trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) CBQL, GV, NV và HS được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong trường học luôn được xác định là trách nhiệm chung của toàn xã hội, trong đó nhà trường, gia đình và lực lượng công an giữ vai trò nòng cốt. Ngay từ đầu mỗi năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể, triển khai các phương án đảm bảo an toàn phòng, chống tai nạn thương tích; phòng, chống cháy nổ; phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống tệ nạn xã hội và bạo lực học đường **[H11-1.10-01]**.

b) Nhà trường có hợp đồng bảo vệ và nhân viên vệ sinh để đảm bảo môi trường học đường luôn an toàn và sạch sẽ [**H11-1.10-02]**. Đồng thời, nhà trường phối hợp chặt chẽ với công an xã trong công tác đảm bảo an ninh, an toàn cho CBQL, GV, NV và HS. Trong nhiều năm qua, không xảy ra sự cố mất an toàn trong trường học. Cảnh quan nhà trường luôn được duy trì theo hướng xanh – sạch – đẹp – an toàn – thân thiện [**H11-1.10-05]**; Nhà trường bố trí hòm thư góp ý cho giáo viên và HS, được theo dõi định kỳ hàng tháng; sử dụng điện thoại liên hệ trực tiếp với hiệu trưởng để tiếp nhận và xử lý phản ánh từ HS, CMHS và người dân [**H11-1.10-03]**. Trong 5 năm qua, nhà trường không xảy ra các vấn đề mất mát tài sản hoặc mất an toàn trong phòng chống dịch bệnh, phòng chống cháy nổ và các hiện tượng mất an toàn khác. Hệ thống camera giám sát được lắp đặt tại các khu vực trong và ngoài lớp học, khuôn viên trường học, đảm bảo hoạt động 24/24 nhằm phát hiện và xử lý kịp thời mọi tình huống phát sinh.

c) Nhà trường nghiêm túc triển khai phong trào "Xây dựng trường học thân thiện, HS tích cực"; xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường, chú trọng giáo dục đạo đức cho giáo viên và HS **[H11-1.10-01]**. Trong nhiều năm, không xảy ra hiện tượng kỳ thị, bạo lực học đường hoặc vi phạm pháp luật về bình đẳng giới. Các hoạt động tuyên truyền về phòng chống tai nạn thương tích, dịch bệnh, sức khỏe sinh sản, ATGT… được tổ chức thường xuyên (sổ tuyên truyền giáo dục sức khỏe HS) **[H11-1.10-04]**. Đặc biệt, nhà

trường đã chủ động phòng chống dịch Covid-19 hiệu quả, không có biểu hiện kỳ thị đối với F0 trong HS.

Mức 2:

a) Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 31/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo đảm ATGT cho HS, nhà trường tổ chức tuyên truyền và hướng dẫn CBQL, GV, NV, HS thực hiện tốt các quy định về ATGT. Nhà trường phối hợp cùng công an xã xây dựng mô hình "Cổng trường ATGT", góp phần nâng cao ý thức của HS, giáo viên trong tham gia giao thông **[H11-1.10-05]**. Bên cạnh đó, các phương án đảm bảo an toàn phòng, chống cháy nổ; phòng, chống thiên tai, thảm họa cũng được xây dựng và triển khai đồng bộ **[H11-1.10-01]**. Công tác y tế trường học được thực hiện theo đúng quy định **[H11-1.10-07]**. Công tác tuyên truyền được nhà trường đặc biệt quan tâm. Hàng tháng, các nội dung tuyên truyền được triển khai thông qua hệ thống phát thanh và các buổi sinh hoạt tập thể nhằm nâng cao nhận thức cho giáo viên, HS về các vấn đề liên quan đến sức khỏe. Nhà trường đã phổ biến, hướng dẫn đầy đủ cho toàn thể CBQL, GV, NV và HS thực hiện nghiêm túc các phương án đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực học đường **[H11-1.10-04]**. Nhà trường có NV y tế thực hiện khám và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho HS. Phối hợp với trạm y tế tổ chức khám sức khỏe đầu năm cho HS và có kế hoạch theo dõi sức khỏe HS theo định kỳ **[H11-1.10-06]**. Các chương trình chăm sóc sức khỏe vị thành niên, phòng ngừa tai nạn thương tích và bệnh tật được thực hiện hiệu quả, có kế hoạch, báo cáo y tế hằng năm **[H11-1.10-07]**; **[H11-1.10-08]**.

b) Nhà trường phối hợp thường xuyên với công an xã để kiểm tra, đánh giá, xử lý các vấn đề liên quan đến an ninh, trật tự và bạo lực học đường. Các dấu hiệu bất thường được phát hiện, xử lý kịp thời **[H11-1.10-05]; [H11-1.10-09]**. Công tác tuyên truyền, tập huấn về kỹ năng phòng, chống tai nạn thương tích, phòng cháy chữa cháy - cứu nạn cứu hộ, phòng chống tệ nạn xã hội và bạo lực học đường được tổ chức định kỳ cho toàn thể CBQL, GV, NV và HS **[H11-1.10-01]**; **[H11-1.10-04]**. Hoạt động tuyên truyền về vệ sinh an toàn thực phẩm và phòng chống dịch bệnh được triển khai hiệu quả thông qua phối hợp với trạm y tế xã **[H11-1.10-04]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện hiệu quả công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, thiên tai, dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, tệ nạn xã hội và bạo lực học đường. Công tác tuyên truyền, ký cam kết về đảm bảo ANTT, ATGT giữa HS và CMHS được tổ chức đều đặn. Trường không có HS, giáo viên vi phạm tệ nạn xã hội. Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho HS được thực hiện đúng quy trình, tạo môi trường giáo dục an toàn, thân thiện và tích cực.

3. Điểm yếu

Công tác tập huấn kỹ năng phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ mới chỉ được triển khai trong nội bộ nhà trường đối với CBQL, GV, NV và HS. Với CMHS chưa được tham gia thường xuyên vào các đợt tập huấn này, ảnh hưởng

đến hiệu quả phòng chống tại gia đình. Một số HS còn thực hiện chưa thành thạo các kỹ năng thực hành cứu hộ, cứu nạn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung công việc	Người thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Kinh phí
Phát huy hiệu quả công tác tuyên truyền và giáo dục kỹ năng sống cho HS.	BLĐ nhà trường, chi đoàn; liên đội TNTP Hồ Chí Minh; ban chỉ đạo xây dựng trường học An toàn - phòng, chống tai nạn thương tích.	Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch, phối hợp mời chuyên gia hỗ trợ tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi HS.	Các năm học	Nguồn ngân sách.
Phối hợp với các tổ chức đoàn thể để tổ chức tập huấn kỹ năng cứu hộ, cứu nạn cho HS; mở rộng đối tượng tham gia tập huấn cho CMHS.	BLĐ nhà trường, chi đoàn; liên đội TNTP Hồ Chí Minh; ban chỉ đạo xây dựng trường học An toàn - phòng, chống tai nạn thương tích.	Nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể, mời chuyên gia tổ chức tập huấn; sưu tầm tài liệu hướng dẫn, lựa chọn nội dung giáo dục kỹ năng lồng ghép trong các hoạt động hướng nghiệp và trải nghiệm.	Các năm học	Nguồn ngân sách

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	**Đạt/ Không đạt**	**Chỉ báo (nếu có)**	**Đạt/ Không đạt**	**Chỉ báo (nếu có)**	**Đạt/ Không đạt**
a	Đạt	a	Đạt	-	-
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

Kết quả: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

*** Những điểm mạnh nổi bật:**

Nhà trường có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển giáo dục phù hợp với đặc điểm tình hình của đơn vị, địa phương và các nguồn lực hiện có về nhân lực, tài chính. Nhà trường có cơ cấu tổ chức, số lớp và số học sinh phù hợp với quy định tại Điều lệ trường trung học *(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT)*. Nhà trường đã quan tâm xây dựng môi trường làm việc dân chủ, thực hiện tốt chế độ chính sách cho người lao động. Hội đồng trường và các hội đồng khác đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên luôn chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

*** Những điểm yếu cơ bản:**

Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục như tiến độ sửa chữa cơ sở vật chất còn chậm; việc ứng dụng CNTT và kỹ năng tự quản của HS chưa đồng đều; hồ sơ lưu trữ chưa thật sự khoa học. Nội dung các buổi sinh hoạt tổ chuyên môn, của chi đoàn, các hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp còn hạn chế về nội dung và hình thức tổ chức

*** Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 1: 10 tiêu chí**

Số tiêu chí đạt yêu cầu:

- Mức 1: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10, đạt tỷ lệ 100%.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

- Mức 2: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 9/9, đạt tỷ lệ 100%.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

- Mức 3: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4/4, đạt tỷ lệ 100%.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

2. Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mở đầu:

Đội ngũ CBQL, GV, NV và học sinh là nguồn lực chủ yếu quyết định chất lượng các hoạt động giáo dục. Vì thế, việc xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý luôn được quan tâm theo hướng chuẩn hóa, đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đặc biệt chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lương tâm nghề nghiệp nhằm góp phần đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Đội ngũ CBQL, GV, NV nhà trường có đủ điều kiện và năng lực để triển khai tốt các hoạt động giáo dục. Các đồng chí CB, GV, NV có phẩm chất đạo đức trong sáng, lối sống lành mạnh, luôn chấp hành tốt mọi chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của ngành cũng như của địa phương. Có năng lực, trình độ chuyên môn, luôn tận tụy, nhiệt tình, trách nhiệm với công việc, có tinh thần tương trợ, giúp đỡ cho đồng nghiệp và HS ở mọi lĩnh vực. Tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của trường luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, luôn quan tâm chia sẻ, giúp đỡ nhau về chuyên môn, nghiệp vụ, đều đạt chuẩn theo quy định, Hằng năm đều được xếp loại từ khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp. Hoạt động chuyên môn và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ được đội ngũ GV trong nhà trường thực hiện tốt nên hằng năm nhà trường đều có GV dự thi và đạt GV dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh. Đại đa số HS ngoan và thực hiện tốt nội quy trường, lớp. Nhà trường rất coi trọng việc đảm bảo mọi quyền lợi của HS và tạo những điều kiện thuận lợi cho các em phấn đấu học tập và rèn luyện.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên.

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường đều đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGĐT về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Đồng chí Hiệu trưởng Lương Văn Đức được bổ nhiệm theo Quyết định số 6382/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đại Từ, có trình độ Đại học Quản lý giáo dục;

Đồng chí Phó Hiệu trưởng Nguyễn Văn Dũng được bổ nhiệm theo Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đại Từ, có trình độ Đại học Tiếng anh.

Đồng chí Phó Hiệu trưởng Nguyễn Thị Huế được bổ nhiệm theo Quyết định số 1330/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đại Từ, có trình độ Đại học Sinh

Đồng chí Phó Hiệu trưởng Lưu Bá Quý được bổ nhiệm theo Quyết định số 4321/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đại Từ, có trình độ Đại học Toán **[H4-1.4-01].**

Lý lịch trích ngang của Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng.

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ghi chú
1	Lương Văn Đức	02/06/1975	Hiệu trưởng	Đại học Toán; Đại học QLGD	Được bổ nhiệm Hiệu trưởng từ tháng 11/2018 đến 10/2025
2	Nguyễn Văn Dũng	26/12/1974	Phó Hiệu trưởng	Đại Học Tiếng Anh	Được bổ nhiệm phó hiệu trưởng từ tháng 4/2017 đến tháng 2/2022
3	Nguyễn Thị Huế	09/07/1981	Phó Hiệu trưởng	Đại học Sinh	Được điều động, bổ nhiệm phó hiệu trưởng từ tháng 4/2022 đến tháng 5/2023
4	Lưu Bá Quý	19/02/1982	Phó Hiệu trưởng	Đại học Toán;	Được bổ nhiệm phó hiệu trưởng từ tháng 08/2023 đến 10/ 2025

Các đồng chí Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đều đạt tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và chuyên môn nghiệp vụ, được bồi dưỡng lý luận chính trị, nghiệp vụ và quản lý giáo dục và có chứng chỉ chức danh nghề nghiệp hạng II **[H12-2.1-01].**

b) Từ năm học 2020-2021 đến nay, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá xếp loại khá trở lên theo chuẩn Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tại Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT **[H12-2.1-02].**

c) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định do các cấp tổ chức **[H12-2.1-03].**

1.2. Mức 2

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường được cấp trên đánh giá, xếp loại tốt về chuyên môn nghiệp vụ và năng lực quản lý. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hằng năm đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến trở lên, được cấp trên khen thưởng **[H12-2.1-02].**

b) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường được tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, về lý luận chính trị do Sở GDĐT Thái Nguyên; Phòng GDĐT Đại Từ, UBND huyện Đại Từ tổ chức **[H12-2.1-01]; [H12-2.1-03].**

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có nhiều năm tham gia giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao, có kinh nghiệm về chuyên môn nên thuận lợi trong công tác chỉ đạo các hoạt động của nhà trường, được tập thể CB, GV, NV nhà trường tín nhiệm và lãnh đạo ngành đánh giá cao, có trình độ CNTT đáp ứng được yêu cầu hiện nay, nhiệt tình, chủ động, sáng tạo trong công việc, **[H12-2.1-02]; [H12-2.1-04].**

1.3. Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đều đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt theo Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT **[H12-2.1-02].**

Bảng kết quả xếp loại Chuẩn Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng

STT	Năm học	CBQL	Kết quả tự đánh giá	Kết quả đánh giá của cấp trên	QĐ số, ngày, tháng, năm, cấp Quyết định
1	2020 - 2021	Hiệu trưởng	Tốt	Tốt	
		Phó Hiệu trưởng	Khá	Tốt	
2	2021-2022	Hiệu trưởng	Tốt	Tốt	QĐ số 588/QĐ-PGDĐT ngày 19/8/2022 của Phòng GDĐT Đại Từ
		Phó Hiệu trưởng	Khá	Khá	

3	2022-2023	Hiệu trưởng	Tốt	Tốt	
		Phó Hiệu trưởng	Tốt	Tốt	
4	2023-2024	Hiệu trưởng	Tốt	Tốt	QĐ số 757/QĐ-PGDĐT ngày 03/8/2024 của Phòng GDĐT Đại Từ
		Phó Hiệu trưởng	Tốt	Tốt	QĐ số 117/QĐ-THCS ngày 30/5/2024 của Hiệu trưởng trường THCS Phú Lạc
5	2024 - 2025	Hiệu trưởng	Tốt		QĐ số 2269/QĐ-UBND ngày 02/6/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ.
		Phó Hiệu trưởng	Tốt		

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có phẩm chất chính trị tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực quản lý vững vàng, có tinh thần học hỏi và rèn luyện thường xuyên, có trình độ CNTT đáp ứng được yêu cầu hiện nay, nhiệt tình, chủ động, sáng tạo trong công việc, được tập thể Hội đồng sư phạm tín nhiệm. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng thường xuyên được các cấp có thẩm quyền đánh giá cao về năng lực chuyên môn và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng còn hạn chế về năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh). Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng chưa tham gia các lớp học nâng cao trình độ trên chuẩn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Người thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Kinh phí
Ban lãnh đạo tiếp tục nâng cao năng lực quản lý giáo dục, nâng cao hiệu quả công tác tham mưu.	Lãnh đạo nhà trường.	- Tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng do các cấp tổ chức đầy đủ, nghiêm túc - Nghiên cứu kĩ lưỡng các văn bản chỉ đạo để thống nhất đưa ra các giải pháp tổ chức thực hiện có hiệu quả	Các học kì, các năm học	Không

		tại đơn vị - Bám sát tình hình kinh tế-xã hội địa phương để có những tham mưu kịp thời tới các cấp về các điều kiện duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, quy mô phát triển đơn vị.		
Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng cần xây dựng kế hoạch và lộ trình để đào tạo trên chuẩn (Học Thạc sĩ)	Lãnh đạo nhà trường.	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn.	Các năm học	Cá nhân tự túc

5. Tự đánh giá

Mức 1		**Mức 2**		**Mức 3**	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu GV đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Tỷ lệ GV, đạt chuẩn trình độ đào tạo đảm bảo quy định của Chính phủ và lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo GV theo kế hoạch của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Có ít nhất 95% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Được bãi bỏ

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn

nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho HS; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có GV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, GV có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu GV để dạy đủ các môn bắt buộc theo quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GDĐT hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

TT	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Tổng số GV	22	24	20	22	22
2	Tổng số HS	410	416	389	422	423
3	Tỷ lệ GV/ lớp	1,8	2,0	2,0	2,0	2,0
4	Tỷ lệ GV/ HS	0,053	0,057	0,051	0,052	0,052

Trên cơ sở biên chế GV được giao hằng năm, nhà trường đã phân công giảng dạy phù hợp với năng lực và điều kiện thực tế của GV, nhằm phát huy tốt nhất năng lực của đội ngũ theo quy định. Nhiều GV đạt kết quả cao trong các cuộc thi GV dạy giỏi do các cấp tổ chức **[H8-1.7-02]; [H12-2.2-01]; [H12-2.2-03].**

BẢNG SỐ LIỆU GIÁO VIÊN DẠY GIỎI CÁC CẤP

TT	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	GV dạy giỏi cấp huyện	8	8	14	15	18
2	GV dạy giỏi cấp tỉnh	03	03	03	04	04

b) Tỷ lệ GV đạt chuẩn trình độ đào tạo của nhà trường đảm bảo quy định của Chính phủ và lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo GV theo kế hoạch của tỉnh. Năm học 2024-2025, nhà trường có 100% GV đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định trở lên; Hằng năm, GV đều được tham gia học tập, tự bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ **[H12-2.2-01]; [H12-2.2-02].**

Đội ngũ GV nhà trường từ năm học 2020-2021 đến năm học 2025-2026 như sau:

Trình độ đào tạo của giáo viên

Năm học	Tổng số	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Ghi chú
2020-2021	22	22	0	
2021-2022	24	24	0	
2022-2023	22	22	0	
2023-2024	22	22	0	
2024-2025	22	22	0	
2025-2026	22	22	0	

c) Đến thời điểm tự đánh giá nhà trường có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức đạt trở lên. Tuy nhiên chưa có giáo viên nào đạt trình độ trên chuẩn **[H12-2.1-01], [H12-2.2-01], [H13-2.3-01].**

1.2. Mức 2

a) (-)

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên.

Kết quả đánh giá Chuẩn nghề nghiệp GV cuối mỗi năm học luôn đạt 100% từ Đạt trở lên **[H12-2.2-04].**

Kết quả xếp loại chuẩn nghề nghiệp của GV
từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025

Năm học	GV	Đạt	Khá	Tốt	Ghi chú
2020-2021	22	0 (%)	0(%)	22 (100%)	
2021-2022	22	0 (4,35%)	0	24 (100%)	
2022-2023	22	0 (0%)	13 (59%)	9 (51%)	
2023-2024	22	0 (0%)	9 (40,9%)	13 (59,1%)	
2024-2025	22	0	1(0,45%)	21 (95,5%)	

c) GV nhà trường có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS để các em mở rộng, nâng cao kiến thức, rèn luyện các kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp như tham quan, học tập và tìm hiểu về di tích lịch sử của địa phương (Di tích lịch sử Đền chùa Tăng – Xã Phú Lạc – Tỉnh Thái Nguyên), tham quan Bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam (Thủ đô Hà Nội), khu trải nghiệm Thu Thuỷ Ecolodgel (Tỉnh Bắc Ninh) **([H12-2.2-05].**

Hằng năm nhà trường đều phân công GV có khả năng hướng dẫn HS nghiên cứu khoa học, tham gia cuộc thi Khoa học kỹ thuật. Kết quả tham gia Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho HS trung học: Năm học 2020-2021 đạt 01 giải khuyến khích cấp huyện; năm học 2021-2022 đạt 01 giải khuyến khích cấp huyện, năm học 2022-2023 đạt 02 giải Ba cấp huyện, 1 giải tư cấp tỉnh; năm học 2024-2025 đạt giải ba cấp huyện; Tham gia cuộc thi "Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp": Năm học 2024-2025 đạt 01 giải ba cấp huyện; **[H12-2.2-06].**

Trong thời gian 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có GV bị kỷ luật **[H12-2.2-04].**

1.3. Mức 3:

a) Tính đến thời điểm đánh giá, 100% GV của nhà trường xếp loại chuẩn nghề nghiệp đạt ở mức khá trở lên, trong đó 75% GV đạt ở mức tốt **[H12-2.2-04].**

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, GV có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học được Hội đồng khoa học huyện Đại Từ đánh giá và công nhận vào các năm học 2020-2021; 2021-2022; 2022- 2023; 2024-2025 **[H12-2.2-07].**

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu GV đảm bảo để dạy các môn học theo đúng quy định, đội ngũ GV đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo, có

năng lực chuyên môn vững vàng; luôn có ý thức học hỏi và phấn đấu vươn lên, tự giác thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Chưa có giáo viên đạt trinhh độ trên chuẩn.

Một số GV trẻ còn thiếu kinh nghiệm trong công tác quản lý HS.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo	Thời gian dự kiến hoàn thành	Kinh phí (nếu có)
Tạo điều kiện cho GV tham gia các lớp bồi dưỡng nâng chuẩn để thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động GD.	CBQL, tổ CM, GV.	GV chủ động học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Năm học 2025-2026	Không
Tổ chức các buổi tập huấn về nghiệp vụ sư phạm, công tác quản lý HS cho GV.	CBQL, tổ CM, GV.	CBQL, GV có kinh nghiệm trong công tác quản lý HS có nghiệp vụ sư phạm tập huấn, giúp đỡ các GV còn thiếu kinh nghiệm.	Năm học 2025-2026	Không

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt
a	Đạt	-	-	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có NV hoặc GV kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu NV đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có NV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhà trường có 04 NV biên chế: Kế toán, Y tế, Thư viện, Văn thư và 03 NV hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP là NV thiết bị, NV giáo vụ và NV tư vấn tâm lý. Tất cả đều được tuyển dụng, bố trí đúng theo vị trí việc làm quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GDĐT và các văn bản pháp luật có liên quan. Vị trí thủ quỹ do NV văn thư kiêm nhiệm, vị trí NV CNTT do giáo viên kiêm nhiệm. **[H12-2.2-01].**

b) Nhà trường đã thực hiện việc rà soát, đánh giá năng lực chuyên môn, trình độ đào tạo và kinh nghiệm công tác của từng nhân viên để phân công công việc một cách phù hợp, hiệu quả và đúng vị trí việc làm. Việc bố trí nhân sự căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ của từng vị trí, năng lực thực tiễn, bằng cấp chuyên môn và kỹ năng cá nhân nhằm phát huy tối đa thế mạnh của mỗi cá nhân, đồng thời đảm bảo hiệu quả hoạt động chung của nhà trường**[H8-1.7-02]; [H13-2.3-01].**

c) Hằng năm, các nhân viên của nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao **[H13-2.3-02].** Cụ thể: hoàn thành công tác tài chính; quản lí, bảo quản hồ sơ, sổ sách, thiết bị dạy học theo quy định; phối hợp với giáo viên, nhân viên khác triển khai nhiệm vụ; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định; thường xuyên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

1.2. Mức 2

a) Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên theo đúng quy định. Cụ thể, nhà trường có các NV: Kế toán, y tế, thư viện, thiết bị ,giáo vụ, văn thư và tư vấn tâm lý.Trong đó NV giáo vụ, nhân viên thiết bị và nhân viên tư vấn tâm lý là NV hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP. **[H12-2.2-01]; [H13-2.3-01].**

Bảng tổng hợp số liệu NV

Năm học	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	Ghi chú
Kế toán	1	1	1	1	1	
Y tế	1	1	1	1	1	
Thư viện	1	1	1	1	1	
Thiết bị					1	Nhân viên thư viện và giáo viên bộ môn kiêm nhiệm từ các năm từ NH 2020-2021 đến 2023-2024
Văn thư	1	1	1	1	1	
Giáo vụ	0	0	0	0	1	
Tư vấn tâm lý	0	0	0	0	1	
CNTT	0	0	0	0	0	GV kiêm nhiệm
Tổng số	**4**	**4**	**4**	**4**	**7**	

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có NV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. Các NV luôn nhiệt tình, trách nhiệm trong công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thực hiện giờ, ngày công đảm bảo quy định **[H13-2.3-02].**

1.3. Mức 3

a) NV kế toán và NV giáo vụ, NV thiết bị, NV tư vấn tâm lý có trình độ đại học; NV y tế, NV thư viện có trình độ cao đẳng, NV Văn thư có trình độ trung cấp. Các NV đều có trình độ đáp ứng được vị trí việc làm **[H12-2.2-01]; [H13-2.3-01].**

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ được giao
1	Nguyễn Văn Bản	Đại học	NV Kế toán
2	Ma Thị Yến	Cao đẳng	NV Thư viện
3	Phạm Thị Huyền	Đại học	NV Thiết bị
4	Lý Thị Quỳnh	Cao đẳng	NV Y tế

5	Hoàng Thị Thuý Hải	Trung cấp	NV Văn thư
6	Đào Thị Thư	Đại học	NV Giáo vụ
7	Lý Hoài Ngân	Đại học	NV Tư vấn tâm lý

b) Hằng năm, NV nhà trường đều được tạo điều kiện để tiếp tục học tập nâng cao trình độ. Các NV đều được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. NV thư viện được tham gia các lớp bồi dưỡng về công tác thư viện; NV kế toán được tập huấn về sử dụng phần mềm quản lý tài chính, tài sản, hệ thống văn bản tài chính, chế độ kế toán hiện hành; ứng dụng phần mềm kế toán (MISA); NV y tế được tập huấn về phòng chống các dịch bệnh và kỹ năng sơ cứu cho học sinh, an toàn vệ sinh trường học; NV văn thư: tập huấn về quản lý văn bản **[H13-2.3-03].**

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ đội ngũ nhân viên, được bố trí đúng quy định, làm việc theo chuyên môn, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả cho công tác dạy và học. Hằng năm, các nhân viên đều HTTNV được giao và được hưởng đầy đủ chế độ, chính sách theo quy định

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có NV CNTT nên phải phân công GV kiêm nhiệm nhiệm do đó hiệu quả công việc còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Người thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Kinh phí
- BLĐ nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ đối với vị trí nhân viên kiêm nhiệm.	BLĐ, các NV kiêm nhiệm	Tạo điều kiện cho nhân viên tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ;	Năm học 2025-2026	Không
- Tham mưu với cấp trên để tuyển dụng nhân viên CNTT để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ.	BLĐ, nhà trường	Có quyết định giao chỉ tiêu biên chế, hợp đồng của UBND cấp có thẩm quyền	Năm học 2025-2026	Không

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

*** Kết quả: Đạt mức 3**

Tiêu chí 2.4: Đối với HS

Mức 1:

a) Đảm bảo về tuổi HS theo quy định;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

HS vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

HS có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) 100% HS nhà trường trong độ tuổi bậc học THCS theo quy định của Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Hằng năm, nhà trường đã thống kê HS theo độ tuổi. Thông tin về HS được cập nhật đầy đủ, thường xuyên **[H5-1.5-01]; [H5-1.5-02]; [H5-1.5-04].**

b) Đa số HS thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của HS theo quy định, có ý thức và nỗ lực học tập để thay đổi bản thân và đạt được mục tiêu trong học tập.

Hằng năm, vào đầu năm học, trường đã tổ chức cho HS học tập nội quy, quy định về nhiệm vụ, hành vi, ngôn ngữ, ứng xử, trang phục của HS và các quy định về những hành vi HS không được làm theo Điều 36, Điều 37 Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT. HS của nhà trường tham gia đầy đủ, tích cực vào các hoạt động giáo dục trong và ngoài giờ chính khóa, số HS xếp hạnh kiểm khá, tốt đạt từ 90% trở lên **[H5-1.5-02]; [H5-1.5-04]; [H13-2.4-01].**

c) 100% HS nhà trường được đảm bảo đầy đủ các quyền lợi theo Điều 35 Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 và các quy định khác của Pháp luật. Nhà trường tạo điều kiện để tất cả HS được học tập, vui chơi trong môi trường an toàn, lành mạnh, dân chủ không có sự phân biệt đối xử, kì thị. Không để xảy ra hiện tượng bạo lực học đường. HS thường xuyên được tham gia các hoạt động bổ ích như kỹ năng sống, ngoại khóa, ngày hội đọc... Qua những hoạt động đó, HS được giáo dục kỹ năng sống, thể hiện khả năng sáng tạo, tự tin; được bồi đắp tình cảm với bè bạn, thầy cô và mái trường. Những HS diện chính sách, HS có khó khăn về đời sống và những HS có năng lực đặc biệt được nhà trường quan tâm, chia sẻ giúp đỡ và động viên. **[H5-1.5-03]; [H13-2.4-02]; [H13-2.4-03].**

1.2. Mức 2

Đầu mỗi năm học, nhà trường và Liên đội đã tổ chức cho HS học tập nội quy và hướng dẫn HS thực hiện nền nếp của lớp, của trường và của Liên đội. Tuy nhiên, qua sự theo dõi của GV và đội ngũ sao đỏ, thì vẫn còn hiện tượng HS vi phạm những điều không được làm như: đôi khi sử dụng ngôn ngữ, trang phục không phù hợp với lứa tuổi; trang phục chưa đúng quy định; đi học muộn; về hành vi ứng xử với bạn bè chưa phù hợp. Trước thực trạng đó, Liên đội đã có biện pháp tuyên truyền về những điều HS không được làm, phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm của HS để áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp, cho HS kí cam kết thực hiện các nội quy về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông, phòng chống đuối nước và tai nạn thương tích. Kết quả, HS có sự chuyển biến tương đối tích cực trong học tập và rèn luyện **[H3-1.3-06]; [H11-1.10-05] ; [H13-2.4-01].**

1.3. Mức 3

Hằng năm, nhà trường luôn quan tâm, động viên khích lệ những em HS có thành tích cao trong học tập bằng việc tuyên dương, khen thưởng để động viên, giúp đỡ và nêu gương cho những HS khác trở nên tiến bộ và nỗ lực học tập để thay đổi bản thân. Nhà trường đã đánh giá sát với thực tế học tập và rèn luyện của HS. Từ năm học 2020-2021 đến nay: tổng số HS đạt giải HS giỏi cấp huyện là 117 HS; HS giỏi cấp tỉnh là 18 HS. Ban chỉ huy Liên đội, chi đội là các gương mặt HS tiêu biểu trong thực hiện các phong trào, hoạt động đội; HS giỏi luôn là những tấm gương tiêu biểu trong học tập có tầm ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và của trường. Các thành tích đạt được của các em đã góp phần lan tỏa tinh thần học tập tích cực trong toàn trường; thúc đẩy phong trào thi đua của tập thể lớp, tạo động lực cho bạn bè noi theo; đồng thời nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và uy tín, hình ảnh của nhà trường **[H1-1.1-06]; [H13-2.4-02].**

2. Điểm mạnh

100% HS nhà trường trong độ tuổi bậc học THCS theo quy định của Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Nhà trường thực hiện đầy đủ, đảm bảo các quyền của HS được học tập và phát triển tại trường học, gia đình và xã hội.

Đa phần HS đều có ý thức và nỗ lực học tập để thay đổi bản thân và đạt được mục tiêu trong học tập.

Những HS diện chính sách, HS có khó khăn về đời sống và những HS có năng lực đặc biệt được nhà trường quan tâm, chia sẻ giúp đỡ, động viên kịp thời.

3. Điểm yếu

Một số gia đình còn chưa quan tâm đến học sinh nên vẫn còn học sinh thực hiện chưa tốt nội quy, qui định của nhà trường, vẫn còn có học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình (Kết quả rèn luyện Đạt).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo	Thời gian dự kiến hoàn thành	Kinh phí (nếu có)
- Tiếp tục phát huy hiệu quả CNTT trong việc trao đổi thông tin liên lạc giữa gia đình và nhà trường.	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Giáo viên chủ nhiệm, tổng phụ trách.	- Phối hợp tốt giữa nhà trường và gia đình HS	Năm học 2025-2026	Không
- Hiệu trưởng chỉ đạo GVCN các lớp thường xuyên giám sát, phát hiện kịp thời các trường hợp học sinh chưa tự giác trong học tập và rèn luyện, học sinh có hoàn cảnh khó khăn ... để kịp thời uốn nắn, nhắc nhở, giáo dục, đề xuất nhà trường hỗ trợ kịp thời.	Hiệu trưởng, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn	- Ban lãnh đạo, Tổng phụ trách Đội thường xuyên giám sát việc thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng.	Năm học 2025-2026	Không
- Tăng cường hoạt động tư	GVCN, ban	GVCN nắm	Năm học	Không

Nội dung công việc	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo	Thời gian dự kiến hoàn thành	Kinh phí (nếu có)
vấn để giúp đỡ học sinh gặp khó khăn về tâm lý hoặc học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.	chỉ huy Liên đội, chi đội, đội sao đỏ và các nhóm nòng cốt liên đội	bắt hoàn cảnh, tâm lý của học sinh , kết hợp với nhân viên tư vấn tâm lý để tư vấn, giúp đỡ học sinh.	2025-2026	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

*** Những điểm mạnh nổi bật:**

Nhà trường có đội ngũ CBQL, GV, NV và HS của nhà trường luôn đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Bộ GDĐT. Nội bộ đoàn kết, có ý chí và khát vọng phấn đấu, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ; không có trường hợp vi phạm kỉ luật. HS của nhà trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. HS thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và được hưởng các quyền theo quy định.

- CBQL: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có phẩm chất chính trị, năng lực quản lý, chuyên môn và CNTT vững vàng; sáng tạo, nhiệt tình, được tập thể Hội đồng sư phạm tín nhiệm, thường xuyên được các cấp có thẩm quyền đánh giá cao về năng lực chuyên môn và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- GV**:** Đủ số lượng, cơ cấu; đạt chuẩn đào tạo; chuyên môn vững, trách nhiệm cao, tích cực học hỏi và HTTNV.

- NV: Bố trí đúng quy định, làm việc theo chuyên môn, hỗ trợ hiệu quả; HTTNV, được hưởng đầy đủ chế độ chính sách.

- HS:100% đúng độ tuổi theo quy định; được bảo đảm quyền lợi học tập, đa số có ý thức rèn luyện, phấn đấu; học sinh diện chính sách, khó khăn hay có năng khiếu được quan tâm, hỗ trợ kịp thời.

*** Những điểm yếu cơ bản:**

- CBQL: Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng còn hạn chế về năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh).

- GV**:** Chưa có giáo viên đạt trình độ trên chuẩn.

- NV: Nhà trường chưa có nhân viên CNTT nên phải phân công GV kiêm nhiệm do đó hiệu quả công việc còn hạn chế.

- HS: Một số gia đình còn chưa quan tâm đến học sinh. Một số ít HS đôi khi thực hiện chưa nghiêm túc các nội quy; quy định của nhà trường về hành vi ứng xử với bạn bè; đôi khi sử dụng ngôn ngữ, trang phục không phù hợp với lứa tuổi.

*** Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 2: 04 tiêu chí**

Số tiêu chí đạt yêu cầu:

- Mức 1: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4/4, đạt tỷ lệ 100%.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

- Mức 2: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4/4, đạt tỷ lệ 100%.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

- Mức 3: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4/4, đạt tỷ lệ 100%.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

3. Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường THCS Phú Lạc có vị trí thuận lợi về giao thông, tạo điều kiện thuận tiện cho học sinh đến trường. Khuôn viên nhà trường được bố trí riêng biệt, thoáng mát, đảm bảo môi trường "Xanh – Sạch – Đẹp", với quy hoạch khoa học, hợp lý nhằm phục vụ hiệu quả các hoạt động giáo dục. Hệ thống sân chơi, bãi tập, tường rào, cổng trường và biển tên đã được xây dựng cơ bản đáp ứng quy định, đảm bảo an ninh và mỹ quan trường học. Hệ thống phòng học đủ về số lượng, được bố trí hợp lý, trang trí theo quy định và trang bị đầy đủ thiết bị dạy học tối thiểu. Các phòng chức năng (phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, phòng tin học, phòng nghệ thuật…) và khu hành chính - quản trị được bố trí khoa học, đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục. Thư viện nhà trường đã được công nhận đạt chuẩn Mức độ 1 theo quy định, với đa dạng hình thức

hoạt động nhằm khuyến khích văn hóa đọc. Hệ thống nhà vệ sinh và thoát nước được xây dựng đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn theo quy định hiện hành.

Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Mức 1:

a) Vị trí đặt trường, điểm trường;

b) Quy mô;

c) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích sàn xây dựng

các hạng mục công trình.

1. Mô tả hiện trạng Mức 1:

a) Trường THCS Phú Lạc tiền thân là trường Phổ thông cơ sở Phú Lạc. Tháng 8 năm 1999 trường được tách ra thành trường Trung cơ sở Phú Lạc; theo quyết định số 901/TCCB ngày 18/08/1999 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thái nguyên về việc Quyết định tách Trường Phổ thông cơ sở Phú Lạc thành 2 trường là trường Trung học cơ sở Phú Lạc và Trường tiểu học Phú Lạc. Trường Trung học cơ sở Phú Lạc được xây dựng trên địa bàn xóm Na Hoàn, xã Phú Lạc, tỉnh Thái Nguyên. Vị trí nhà trường hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển giáo dục của địa phương đã được phê duyệt. Điều này thể hiện sự chủ động của địa phương trong việc bố trí mạng lưới trường lớp, tạo điều kiện thuận lợi cho con em trong xã được đến trường.

Nhà trường có tổng diện tích 25.940.2 m^2 đảm bảo đủ không gian cho các công trình sân chơi, bãi tập và khu vực cây xanh tạo môi trường thuận lợi cho việc học tập và vui chơi, rèn luyện của học sinh. Vị trí của trường phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của địa phương. Nhà trường không có điểm trường **[H14.3.1-01]; [H14-3.1-02].**

Khu vực xung quanh được đánh giá là an toàn, không có các nguy cơ tiềm ẩn về trật tự xã hội, an ninh hay ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, đảm bảo an tâm cho CBQL, GV, NV và HS khi làm việc và học tập. Trường có kết nối giao thông thuận lợi, nằm trên tuyến đường liên xã được trải nhựa, đảm bảo đi lại an toàn và dễ dàng cho học sinh từ các xóm khác nhau đến trường, đặc biệt là vào mùa mưa. **[H14-3.1-01].**

Vị trí đặt trường đáp ứng các yêu cầu cơ bản về phòng chống cháy nổ, cụ thể: Trường học được bố trí tách biệt tương đối với các khu dân cư và các công trình có nguy cơ cháy nổ cao (nhà xưởng, kho chứa hóa chất, cửa hàng xăng dầu...). Các lối ra vào trường và đường nội bộ trong khuôn viên đủ rộng, thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi cho các phương tiện chữa cháy (như xe cứu hỏa) có thể tiếp cận và cơ động dễ dàng trong trường hợp có sự cố khẩn cấp. Hệ thống điện cung cấp cho nhà trường được lắp đặt độc lập, an toàn, tránh nguy cơ chập cháy từ các công trình lân cận. Có bình cứu hỏa được lắp đặt tại các dãy nhà. **[H11-1.10-01];**

b) Trường THCS Phú Lạc được thành lập vào tháng 8 năm 1999 và chính

thức đi vào hoạt động từ năm học 1999-2000 với 100 HS chia thành 5 khối lớp. Trải qua 25 năm xây dựng và phát triển, cùng với sự gia tăng dân số và nhu cầu nâng cao chất lượng giáo dục, quy mô nhà trường đã không ngừng được mở rộng Đến năm học 2024 - 2025 nhà trường có 11 lớp với 419 HS **[H5-1.5-01]; [H5-1.5-02];**

c) Diện tích khuôn viên: Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, không chung với các công trình khác, với tổng diện tích đất là 25.940.2 m^2. Diện tích này đã đáp ứng và vượt tiêu chuẩn diện tích đất cho học sinh theo quy định tại Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT, đảm bảo bố trí đầy đủ các khối công trình, sân chơi, bãi tập và cây xanh.

Diện tích sàn xây dựng và chi tiết các hạng mục công trình:

+ Khối phòng học tập:

Phòng học: Nhà trường có 11 phòng học đảm bảo cho 11 lớp học. Mỗi phòng học có diện tích trung bình 54 m², đảm bảo cho học sinh học tập. Mỗi phòng được trang bị đầy đủ bàn ghế học sinh, đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh, có đầy đủ bàn ghế giáo viên, bảng lớp, hệ thống đèn, hệ thống quạt.

Nhà trường có 7 phòng học bộ môn, gồm các phòng: Phòng Ngoại ngữ; Phòng KHXH; Phòng Tin học; Phòng KHTN 1(Sinh – Hóa); Phòng KHTN 2(Vật lí-Công nghệ); Phòng Âm nhạc – Mĩ thuật; Phòng Công nghệ. Diện tích các phòng học bộ môn đảm bảo theo thông tư số 14/2025/TT-BGDĐT. Các phòng học và phòng học bộ môn được bố trí ở 02 dãy nhà 2 tầng và dãy nhà cấp 4 đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật tham gia học tập.

+ Khối phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các phòng theo quy định:

Phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng15 m²; Phòng hành chính đều có diện tích 27 m²; Phòng hội đồng 54 m²; Phòng bảo vệ 12 m^2, đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi.

Khu vệ sinh giáo viên (24 m²) có phòng vệ sinh nam và nữ riêng biệt, được bố trí các thiết bị vệ sinh đầy đủ, cách biệt với khu vực phòng học, sạch sẽ, có đủ nước sạch phục vụ, đảm bảo vệ sinh môi trường.

Khu để xe của CBQL, GV, NV với diện tích 60 m², có mái che riêng biệt, đủ chỗ cho 100% số CBQL, GV, NV của trường.

+ Khối phòng hỗ trợ học tập:

Thư viện có 02 phòng và thư viện ngoài trời với tổng diện tích (160 m²) được bố trí tại dãy nhà cấp 4, thuận tiện cho giáo viên và học sinh, có tủ sách dùng chung; thư viện có các khu chức năng: Kho sách, khu quản lí (nơi làm việc của nhân viên thư viện), khu đọc sách dành cho giáo viên và học sinh.

Phòng thiết bị dùng chung (54 m²) có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường.

Phòng Đảng – Đoàn thể và Tư vấn tâm lí (27 m²) được bố trí ở dãy nhà cấp 4 thuận tiện cho cho công việc.

Phòng Truyền thống - Đội (54 m²) được trang bị đầy đủ thiết bị.

+ Khối phòng phụ trợ:

Phòng họp toàn thể CBQL, GV, NV được trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành.

Phòng tổ chuyên môn bao gồm phòng tổ KHTN và KHXH sử dụng chung cho tổ chuyên môn, được trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành.

Phòng y tế học đường: Có 01 phòng (27 m²), có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh.

Nhà kho: Có 01 phòng để dụng cụ chung và học phẩm của nhà trường.

Khu để xe học sinh (390 m²) có mái che riêng biệt, đủ chỗ cho trên 90% số học sinh.

Khu nhà vệ sinh học sinh (32,25 m²/ khu) được bố trí phòng nam nữ riêng biệt, đảm bảo cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng, có đầy đủ thiết bị. Khu vệ sinh được bố trí riêng biệt thuận tiện cho việc sử dụng, không ảnh hưởng đến môi trường.

Cổng, hàng rào (756m): Khuôn viên của trường được ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ (tường xây) đảm bảo vững chắc an toàn. Cổng trường kiên cố vững chắc để gắn cổng và biển tên trường.

+ Khu sân chơi, thể dục thể thao: Có 01 sân chung (2100m²) để tổ chức các hoạt động toàn trường, sân trường bằng phẳng, lát gạch, có cây xanh bóng mát. Sân thể dục thao (4000 m²) đảm bảo an toàn và có đầy đủ dụng cụ, thiết bị thể dục thể thao. **[H14-3.1-02]; [H14-3.1-03].**

1.2. Mức 2: *(-)*

1.3. Mức 3: *(-)*

2. Điểm mạnh

Nhà trường có quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định, có khuôn viên rộng rãi, thoáng mát, đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Vị trí của trường phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của địa phương, môi trường xung quanh bảo đảm an toàn đối với HS, CB, GV, NV, có kết nối giao thông thuận lợi cho HS đi học, đáp ứng yêu cầu về phòng, chống cháy nổ.

Nhà trường đầy đủ các hạng mục công trình: Nhà trường có đầy đủ các khối phòng học, phòng chức năng, phòng hành chính và phòng phụ trợ về cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng.

3. Điểm yếu

Diện tích khu đất xây dựng nhà trường rộng, tuy nhiên chưa được đầu tư xây dựng đồng bộ kịp thời các hạng mục công trình trường học. Các khu vực để dành đất xây dựng nhà đa năng, bể bơi… đã để nhiều năm không xây dựng, dẫn đến cỏ mọc nhiều, học sinh khó khăn trong công tác lao động, vệ sinh cảnh quan môi trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo	Thời gian dự kiến hoàn thành	Kinh phí
Duy trì cảnh quan "Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn" thông qua các hoạt động trồng, chăm sóc cây xanh và lao động tập thể.	BLĐ nhà trường, đoàn TN, GVCN, HS	Cây giống, dụng cụ lao động, sự tham gia của toàn trường.	Thường xuyên, hằng tuần, hằng tháng.	Từ nguồn chi thường xuyên và xã hội hóa.
Tận dụng tối đa khuôn viên rộng để đa dạng hóa các hoạt động giáo dục, thể thao và ngoại khóa.	Tổng phụ trách đội, các tổ chuyên môn	Cơ sở vật chất hiện có (sân bãi), kế hoạch cụ thể.	Trong suốt năm học.	
Vận động các nguồn lực xã hội (cựu học sinh, phụ huynh, doanh nghiệp) hỗ trợ kinh phí cải tạo, nâng cấp CSVC.	Ban đại diện CMHS, BLĐ	Sự ủng hộ của cộng đồng, doanh nghiệp địa phương	Thường xuyên	Nguồn xã hội hóa giáo dục.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	**Đạt/ Không đạt**	**Chỉ báo**	**Đạt/ Không đạt**	**Chỉ báo**	**Đạt/ Không đạt**
a	Đạt	-	-	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		-		-	

Kết quả: Đạt mức 1

Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Mức 1:

a) Khối phòng hành chính quản trị;

b) Khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập;

c) Khối phụ trợ; khu sân chơi, Thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt

Mức 2:

Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

a) Khối phòng hành chính quản trị;

b) Khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập;

c) Khối phụ trợ; khu sân chơi, Thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt.

Mức 3:

Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

a) Khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập;

b) Khối phụ trợ; khu sân chơi, Thể dục thể thao.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhà trường có đủ các phòng thuộc khối phòng hành chính quản trị, có phòng làm việc riêng cho Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng và 01 văn phòng với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành. Phòng bảo vệ được xây dựng ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi. Khối phòng hành chính - quản trị có 01 khu nhà vệ được chia thành nhà vệ sinh nam và nhà vệ sinh nữ riêng, được thiết kế và xây dựng ở vị trí phù hợp đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định.

Khu để xe của CB, GV, NV được xây dựng kiên cố, có mái che và đủ chỗ cho CBQL, GV, NV của trường **[H7-1.6-05]; [H14-3.1-02]; [H14-3.1-03].**

b) Khối phòng học tập, khối phòng hỗ trợ học tập:

+ Khối phòng học tập gồm: Nhà trường có đủ số lượng phòng học để phục vụ cho 11 lớp với tổng số 424 học sinh. Các phòng học được bố trí trong 02 dãy nhà 02 tầng. Mỗi phòng có diện tích trung bình từ 54 m², đảm bảo đạt tiêu chuẩn diện tích tối thiểu theo quy định (1,35 m²/học sinh). Các phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng viết, hệ thống quạt và chiếu sáng.

Phòng học bộ môn: Có 07 phòng học bộ môn được trang bị chuyên dụng: Phòng Ngoại ngữ, diện tích 54 m²; Phòng KHXH, diện tích 54 m²; Phòng Tin học, diện tích 54 m²; Phòng KHTN 1(Sinh – Hóa), diện tích 54 m²; Phòng KHTN 2(Vật lí-Công nghệ), diện tích 54 m²; Phòng Âm nhạc + Mĩ Thuật, diện tích 54 m². Phòng Công nghệ, diện tích 54 m². Có sổ theo dõi mượn và sử dụng phòng học bộ môn.

Hệ thống chiếu sáng: Tất cả các phòng học đều được lắp đặt hệ thống chiếu sáng đồng bộ, đảm bảo đạt độ rọi theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc (QCVN 22:2016/BYT). Hệ thống cửa sổ và cửa ra vào được thiết kế đảm bảo tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên.

+ Khối phòng hỗ trợ học tập:

Nhà trường có đầy đủ các phòng chức năng hỗ trợ học tập theo quy định:

Thư viện: Đặt tại khu nhà cấp 4, có diện tích 160 m². Thư viện được tổ chức và trang bị đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo Quy chế tổ chức và hoạt động thư viện trường phổ thông của Bộ GD&ĐT. Thư viện có khu vực đọc sách, tra cứu, kho sách và máy tính kết nối internet phục vụ giáo viên và học

sinh.

Phòng Thiết bị dùng chung: Có 01 phòng với diện tích 54 m². Phòng được trang bị đầy đủ hệ thống giá, tủ chuyên dụng để lưu trữ, bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường. Có sổ theo dõi việc mượn - trả thiết bị.

Phòng Đảng đoàn - Tư vấn tâm lí học đường bố ở khu nhà cấp 4 có diện tích 27 m², thuận tiện cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng. Phòng được bố trí thân thiện, có đủ bàn ghế, tài liệu tham khảo phục vụ công tác tư vấn.

Phòng Truyền thống - Đội: Có 01 phòng với diện tích 54 m². Phòng được trang bị tủ trưng bày, lưu giữ các hiện vật, hình ảnh, thành tích truyền thống của nhà trường và các hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, đồng thời là nơi làm việc của Tổng phụ trách Đội.

a) Khối phụ trợ; khu sân chơi, TDTT; khối phục vụ sinh hoạt.

- Khối phụ trợ của nhà trường bao gồm:

Phòng họp được trang bị bàn ghế, tivi, hệ thống âm thanh. Phòng tổ chuyên môn có bàn ghế, tủ tài liệu, giáo án tham khảo.

Phòng y tế học đường được bố trí ở vị trí thuận tiện, có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, 02 giường inox đảm bảo phục vụ công tác y tế học đường **[H7-1.6-05]; [H14-3.1-02]; [H14-3.1-03];**

Khu vệ sinh học sinh được bố trí riêng nam/nữ, đủ số lượng theo quy định, đảm bảo vệ sinh, nước sạch. Các trang thiết bị trong các phòng vệ sinh đảm bảo đầy đủ theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT.

Nhà để xe của HS đảm bảo đủ diện tích sử dụng, có mái che, nền được đổ bê tông đảm bảo sạch sẽ.

Cổng trường và hàng rào chắc chắn, có biển tên trường, ngăn cách với khu vực xung quanh. Nhà trường có cổng trường, biển tên trường theo quy định của Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học **[H14-3.1-02]**; **[H14-3.1-03]**.

Khu sân chơi, thể dục thể thao: Nhà trường có khu sân chơi, bãi tập riêng, có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập TDTT và thực hiện các hoạt động giáo dục của nhà trường. Có 01 sân chung (2100m²) để tổ chức các hoạt động toàn trường, sân trường bằng phẳng, lát gạch, có cây xanh bóng mát. Sân tập luyện thể dục thể thao (4000 m²) đảm bảo an toàn và có đầy đủ dụng cụ, thiết bị thể dục thể thao.**[H14-3.1-02]**; **[H14-3.1-03]**; **[H15-3.2-01]**.

1.2 Mức 2

a) Khối phòng hành chính - quản trị của nhà trường đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo bao gồm phòng làm việc riêng cho Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng; Phòng hành chính; Khu vực lưu trữ hồ sơ, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý **[H14-3.1-02]**; **[H14-3.1-03]**;

b) Nhà trường có 7 phòng học bộ môn, gồm các phòng: Phòng Ngoại ngữ; Phòng KHXH; Phòng Tin học; Phòng KHTN 1(Sinh – Hóa); Phòng KHTN

2(Vật lí-Công nghệ); Phòng Âm nhạc+ Mĩ thuật; Phòng Công nghệ. Trong đó phòng KHXH được sử dụng để giảng dạy các môn Lịch sử, Địa lí, GDCD…. Các phòng học được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, trang bị đầy đủ bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; bàn, ghế học sinh theo đúng tiêu chuẩn quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16/6/2011. Mỗi lớp có 01 bộ bàn ghế giáo viên; 01 bảng chống lóa màu xanh có kích thước 3,6m x 1,2m, được treo cách mặt đất 0,8m, đảm bảo đúng quy cách và có đủ chỗ ngồi cho học sinh. Hệ thống chiếu sáng tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng. Hệ thống quạt mát đầy đủ, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh học tập.

Các phòng học bộ môn được trang bị tương đối đầy đủ thiết bị, đáp ứng yêu cầu tối thiểu cho hoạt động thực hành, đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng CNTT. Cụ thể:

Phòng Tin học có 23 máy tính kết nối mạng Internet, 01 tivi phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập. Tuy nhiên, số máy tính này được cấp phát đã lâu, cấu hình thấp nên hiện đã xuống cấp.

Phòng học bộ môn KHTN1, KHTN2, KHXH được trang bị đầy đủ giá, kệ và có khu vực chuẩn bị đồ dùng riêng biệt. Các phòng học bộ môn được trang bị ti vi thông minh, máy chiếu cùng các thiết bị hỗ trợ khác.

Phòng thiết bị dùng chung được trang bị đầy đủ giá, tủ chuyên dụng để lưu trữ và bảo quản thiết bị dạy học phục vụ toàn trường **[H7-1.6-05]; [H14-3.1-02]; [H14-3.1-03]; [H15-3.2-02].**

Thư viện của nhà trường đạt tiêu chuẩn Mức độ 1 theo Quyết định số 738/QĐ-PGDĐT ngày 06/6/2025 của Trưởng phòng GDĐT Đại Từ (do đồng chí Nguyễn Ngọc Hưng ký) trên cơ sở Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ GDĐT. Thư viện được đầu tư về cơ sở vật chất, đảm bảo các điều kiện về ánh sáng, quạt mát, bàn ghế theo quy định; được sắp xếp một cách khoa học và đẹp mắt **[H7-1.6-05]; [H15-3.2-03]; [H15-3.2-04]; [H15-3.2-05].**

c) Có khối phụ trợ; khu sân chơi, TDTT; khối phục vụ sinh hoạt.

Phòng họp được trang bị bàn ghế, máy chiếu, hệ thống âm thanh. Phòng tổ chuyên môn có bàn ghế, tủ tài liệu, máy tính, giáo án tham khảo.

Nhà trường có 02 phòng tổ chuyên môn (Tổ KHTN và tổ KHXH) được trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành.

Nhà trường có khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt. Các trang thiết bị trong nhà vệ sinh đảm bảo đầy đủ theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT.

Nhà trường có khu sân chơi, bãi tập được quy hoạch đáp ứng tối thiểu các hoạt động giáo dục thể chất và các hoạt động giáo dục khác. Khu vực sân tập TDTT được bố trí riêng biệt, ngăn cách với các khối phòng học chức năng bằng tường rào, đảm bảo an toàn và giảm thiểu tiếng ồn.

Khu sân tập được trang bị các đồ dùng, thiết bị luyện tập TDTT thiết yếu để phục vụ yêu cầu bộ môn Giáo dục thể chất và các hoạt động giáo dục khác, bao

gồm: thiết bị cho môn bóng chuyền, cầu lông, nhảy cao, nhảy xa **[H7-1.6-05]; [H14-3.1-02]; [H14-3.1-03]; [H15-3.2-02].**

1.3 Mức 3

a) Nhà trường có các phòng học đảm bảo cho 11 lớp học và 7 phòng học bộ môn **[H14-3.1-02]; [H14-3.1-03].** Các phòng học, phòng học bộ môn của nhà trường có tương đối đầy đủ các thiết bị dạy học theo quy định, đủ ánh sáng, thoáng mát. Các phòng học có đủ bàn ghế, đảm bảo về kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng phù hợp với các đối tượng HS; có bàn ghế của GV, bảng viết, ti vi hoặc máy chiếu **[H7-1.6-05]; [H14-3.1-02]; [H15-3.2-02]**.

Phòng Truyền thống - Đội được trang bị đầy đủ, đảm bảo đáp ứng các hoạt động giáo dục của nhà trường, được trang trí, sắp xếp khoa học, đúng Điều lệ Đội TNTP Hồ Chí Minh và trưng bày tư liệu, hình ảnh về quá trình xây dựng và phát triển của nhà trường **[H7-1.6-05]; [H15-3.2-04]**.

b) Khối phụ trợ:

Phòng họp toàn thể CBQL, GV, NV được trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành.

Phòng tổ chuyên môn: Nhà trường có 02 phòng tổ chuyên môn (Tổ KHTN và tổ KHXH) được trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành.

Phòng nghỉ GV: Nhà trường đã bố trí có 01 phòng nghỉ GV, được bố trí gần với khối phòng học, trang bị đầy đủ bàn, ghế và các thiết bị khác theo quy định, tạo không gian làm việc, nghỉ ngơi cho giáo viên ngoài giờ lên lớp. Tuy nhiên số phòng nghỉ của giáo viên vẫn còn thiếu so với quy định **[H7-1.6-05]; [H14-3.1-02]; [H14-3.1-03].**

+ Khu sân chơi, thể dục thể thao:

Khu sân chơi, bãi tập được quy hoạch riêng biệt, có đủ thiết bị tối thiểu và đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và tổ chức các hoạt động giáo dục khác. Tuy nhiên, nhà trường chưa có nhà đa năng để thực hiện các hoạt động này trong điều kiện thời tiết không thuận lợi và cho các hoạt động chung của trường **[H7-1.6-05]; [H14-3.1-03]; [H15-3.2-02].**

2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng học cơ bản đầy đủ và đạt chuẩn: Nhà trường có đủ 11 phòng học cho 11 lớp với diện tích trung bình đạt tiêu chuẩn (1,35 m^2/học sinh), được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng chống lóa, hệ thống chiếu sáng, quạt mát theo đúng quy định của Thông tư liên tịch 26/2011/TTLT-BGDĐT- BKHCN-BTT.

Hệ thống phòng học bộ môn tương đối đầy đủ: có 7 phòng học bộ môn, gồm các phòng: Phòng Ngoại ngữ; Phòng KHXH(Sử - Địa - GDCD); Phòng Tin học; Phòng KHTN 1(Sinh – Hóa); Phòng KHTN 2(Vật lí-Công nghệ); Phòng Âm nhạc + Mĩ thuật; Phòng Công nghệ. Được trang bị cơ bản các thiết bị tối thiểu phục vụ dạy và học. Các phòng hỗ trợ như: Thư viện (đạt mức độ 1), phòng thiết bị, phòng Đoàn - Đội,… đều được bố trí và hoạt động hiệu quả.

Khối hành chính - quản trị được tổ chức bài bản: Có đầy đủ các phòng làm việc riêng cho hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, phòng kế toán, phòng văn thư, phòng họp, phòng y tế học đường và phòng tư vấn tâm lí, đáp ứng tốt nhu cầu làm việc và quản lý.

Khuôn viên trường học được quy hoạch rõ ràng: Có cổng trường, biển tên, hàng rào kiên cố. Khu sân chơi, TDTT có diện tích (14,42 m²/học sinh), được bố trí riêng biệt, đảm bảo an toàn và có trang bị các thiết bị TDTT tối thiểu (bóng chuyền, cầu lông, nhảy cao, nhảy xa).

Ứng dụng CNTT: Phòng Tin học có 23 máy tính kết nối internet, các phòng học được trang bị tivi thông minh phục vụ cho đổi mới phương pháp dạy học.

3. Điểm yếu

Máy tính đã được cấp phát lâu, cấu hình thấp, xuống cấp và chưa đáp ứng tốt nhu cầu dạy và học ứng dụng CNTT.

Chưa có nhà đa năng dẫn đến việc các hoạt động TDTT và sinh hoạt tập thể bị gián đoạn, phụ thuộc vào điều kiện thời tiết.

Khu tập TDTT chưa có mái che nên hạn chế khả năng tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất một cách chủ động.

Thiếu phòng nghỉ cho giáo viên theo đúng tỷ lệ quy định (10 lớp/01 phòng), ảnh hưởng đến chế độ nghỉ ngơi, sinh hoạt của giáo viên trong ngày làm việc.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	**Người thực hiện**	**Điều kiện đảm bảo**	**Thời gian dự kiến hoàn thành**	**Kinh phí**
Duy trì và nâng cấp hệ thống học, phòng bộ môn đạt chuẩn	BLĐ nhà trường; ban tổ CSVC	Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng cơ sở vật chất, trang thiết bị	Thường xuyên hằng năm	Ngân sách nhà nước, kinh phí nhà trường
Đề xuất thay thế dần máy tính lỗi thời tại phòng Tin học	Tổ CNTT, Văn phòng	Kiểm kê, lập đề xuất kỹ thuật và dự toán	Trong những năm học tiếp theo	Ngân sách mua sắm công
Lập đề án xây nhà đa năng/Nhà tập TDTT có mái che	BLĐ nhà trường; Ban đại diện CMHS	Lập dự án khả thi, vận động nguồn lực	Trình đề án trong nhưng năm học tiếp theo	Ngân sách trung hạn, xã hội hóa

Bố trí, cải tạo để có phòng nghỉ GV theo quy định	BLĐ nhà trường;	Rà soát, tận dụng không gian hiện có	Hoàn thành học kỳ II năm học 2025-2026	Nội lực nhà trường, công đoàn

5. Tự đánh giá

Mức 1		**Mức 2**		**Mức 3**	
Chỉ báo	**Đạt/ Không đạt**	**Chỉ báo (nếu có)**	**Đạt/ Không đạt**	**Chỉ báo (nếu có)**	**Đạt/ Không đạt**
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Không đạt
c	Đạt	c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Mức 1:

a) Hệ thống cấp nước sạch; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và khu thu gom rác thải;

b) Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố;

c) Thiết bị dạy học.

Mức 2

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mức 3:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có giếng nước sạch phục vụ sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh cung cấp nước uống cho CBQL, GV, NV, HS nhà trường**.** Nhà trường hợp đồng với cơ sở cung cấp nước sạch để mua nước uống cho học sinh, GV đảm bảo an toàn, vệ sinh. Trường có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải, không để nước ứ đọng xung quang trường lớp, có hệ thống thoát nước riêng cho khu vệ sinh. **[H16-3.3-01].**

Nhà trường có hệ thống điện 3 pha do chi nhánh Điện lực Đại Từ cung cấp, hệ thống điện đảm bảo đủ công suất và an toàn phù hợp cho công tác dạy học và các công tác khác **[H16-3.3-02].**

Nhà trường có hệ thống phòng cháy chữa cháy đúng quy chuẩn. Khối phòng học và các phòng chức năng đều có hệ thống chữa cháy. Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch, phương án phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn, thành lập Ban chỉ đạo và tổ chức kiểm tra, tập huấn thường xuyên, định kỳ. **[H11-1.10-01].**

Hệ thống máy tính của nhà trường được nối mạng internet cáp quang phục vụ công tác quản lý và dạy học. Nhà trường hiện 33 máy tính kết nối internet phục vụ công tác quản lí và dạy học (phòng Tin học: 23 máy, Phòng CM: 01 máy, văn phòng: 05 máy, phòng thư viện: 04 máy), 02 đường truyền internet, 04 điểm phát wifi đảm bảo công tác chuyển đổi số **[H7-1.6-05]; [H16-3.3-03].**

Khu thu gom rác thải được bố trí độc lập, cách xa khu vực phòng học, có lối ra vào riêng thuận tiện cho việc thu gom và vận chuyển. Tại mỗi phòng học đều có 01 thùng đựng rác nhỏ có nắp đậy đảm bảo vệ sinh môi trường. Rác thải được phân loại đi và xử lý hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường **[H11-1.10-02]; [H16-3.3-04].**

b) Các hạng mục công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố, đảm bảo các quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng. Tổng số công trình của nhà trường gồm 13 hạng mục, trong đó có 11 hạng mục công trình kiên cố (bao gồm: 02 dãy nhà 2 tầng, 04 khu nhà cấp IV, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh, hệ thống sân chơi bãi tập, nhà xe, tường rào, cổng trường).

Tỷ lệ công trình kiên cố đạt 100% (vượt xa so với yêu cầu tối thiểu 40% theo quy định). Các công trình này bao gồm khối phòng học, khối phòng hành chính, các phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ, đều được xây dựng đúng quy chuẩn, phục vụ hiệu quả cho công tác dạy và học **[H14-3.1-02]; [H14-3.1-03].**

c) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định phục vụ việc dạy và học, gồm có 17 tivi có kết nối Internet, 01bộ loa phục vụ các hoạt động dạy - học và 100% GV sử dụng thiết bị dạy học trong các giờ lên lớp theo quy định của Bộ GDĐT. Thiết bị dạy học cho Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đã được cấp phát đầy đủ. Ngoài ra, GV còn sử dụng các thiết bị dạy học số, các phần mềm dạy học để phục vụ cho bài dạy.

Các phòng học bộ môn được trang bị đầy đủ theo tính chất đặc thù của từng môn học:

Phòng KHTN (Vật lý- Công nghệ, Hóa học - Sinh học): Được trang bị hệ thống bàn thí nghiệm, tủ hút mùi độc hại, hệ thống điện, nước, bàn ghế chuyên dụng, giá kệ đựng thiết bị, hệ thống quạt thông gió và các thiết bị thí nghiệm đặc thù.

Phòng Tin học: Có 23 máy tính và 01 tivi kết nối mạng internet, bàn ghế

chuyên dụng cho việc giảng dạy của và học tập môn Tin học của giáo viên và học sinh.

Phòng Ngoại ngữ: Có 01 bộ máy tính và 01 tivi phục vụ cho giảng dạy. Bàn ghế đúng đủ theo quy định dung cho học sinh học tập.

Phòng Âm nhạc: Có 01 tivi kết nối mạng internet, giá vẽ, nhạc cụ, hệ thống âm thanh, thiết bị trình chiếu phục vụ giảng dạy.

Phòng KHXH: Trang bị bản đồ, tranh ảnh, tài liệu học tập đặc thù cho các môn Lịch sử, Địa lý, GDCD **[H7-1.6-05]; [H15-3.2-01]; [H16-3.3-05].**

Mức 2.

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các hạng mục công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố, đảm bảo các quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng. Tổng số 11 phòng học của nhà trường đều được xây dựng kiên cố, đạt tỷ lệ 100%. Các công trình này phục vụ hiệu quả cho công tác dạy và học. Tuy nhiên, một số hạng mục xây dựng đã lâu (ví dụ: dãy nhà cấp cấp 4 xây dưng từ trước năm 2000 đã qua nhiều lần cải tạo **[H14-3.1-02]; [H14-3.1-03].**

Mật độ sử dụng đất của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT và Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ GDĐT:

Diện tích xây dựng công trình: 5.520 m², chiếm 21,28% (đảm bảo không vượt quá 45%)

Diện tích sân vườn, cây xanh, sân chơi, thể dục thể thao: 20,400 m², chiếm 78,64% (vượt xa yêu cầu tối thiểu 30%)

Diện tích giao thông nội bộ: 2.350 m², chiếm 9,1% (đảm bảo không vượt quá 25%) **[H14-3.1-01]; [H14-3.1-03]**

Mức 3.

Tất cả các hạng mục công trình của nhà trường đều được xây dựng kiên cố, đúng quy chuẩn kĩ thuật và có cấp công trình xây dựng từ cấp 4 trở lên, bao gồm: 02 dãy nhà 2 tầng, 04 khu nhà cấp 4, hệ thống sân chơi bãi tập, hàng rào, cổng trường kiên cố.

Các công trình này đều đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về thiết kế, vật liệu xây dựng và kỹ thuật thi công theo quy định hiện hành, phục vụ hiệu quả và lâu dài cho công tác dạy và học.

Nhà trường còn thiếu các hạng mục như nhà đa năng để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

2 .Điểm mạnh

Hệ thống cấp nước sạch, điện, phòng cháy chữa cháy, CNTT và khu thu gom rác được đầu tư bài bản, đáp ứng nhu cầu tối thiểu và đảm bảo các quy định về an toàn, vệ sinh.

Tỷ lệ công trình kiên cố cao: 100% các hạng mục công trình được xây dựng kiên cố (vượt xa yêu cầu tối thiểu là 70%), đảm bảo độ bền vững và an toàn.

Mật độ xây dựng thấp (21,28%) diện tích cây xanh, sân chơi thể thao rất cao (78,64), tạo môi trường giáo dục thông thoáng, trong lành.

Thiết bị dạy học được trang bị tương đối đầy đủ, có đủ thiết bị tối thiểu, các phòng học bộ môn được trang bị cơ bản theo đặc thù môn học, đáp ứng được yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có nhà đa năng để tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất, văn nghệ và sinh hoạt tập thể trong điều kiện thời tiết không thuận lợi, hạn chế việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Các thiết bị dạy học tối thiểu được cấp phát và mua sắm bổ sung theo lộ trình nên thiết bị, đồ dùng của một số bộ môn bị thiếu, hỏng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo	Thời gian dự kiến hoàn thành	Kinh phí
Duy trì bảo dưỡng định kỳ toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và cơ sở vật chất hiện có	Ban CSVC	Lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ, phân công cụ thể	Thường xuyên hằng năm	Ngân sách bảo trì
Cải tạo, nâng cấp các hạng mục cơ sở vật chất đã xuống cấp (ưu tiên nhà cấp IV)	Hiệu trưởng, ban CSVC	- Khảo sát hiện trạng, lập dự toán kinh phí - Tham mưu với UBND xã	Từng đợt trong giai đoạn 2025-2027	Ngân sách, xã hội hóa

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	**Đạt/không đạt**	**Chỉ báo**	**Đạt/không đạt**	**Chỉ báo**	**Đạt/không đạt**
a	Đạt	*	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

*** Những điểm mạnh nổi bật**

Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học: Nhà trường đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học cơ bản, đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh.

Hệ thống giao thông: Vị trí trường thuận lợi, kết nối giao thông tốt, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đi lại và đảm bảo an toàn.

Hệ thống phòng cháy chữa cháy: Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về phòng chống cháy nổ theo quy định hiện hành.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Công trình vệ sinh đạt chuẩn, đảm bảo vệ sinh môi trường. Nhà để xe được bố trí hợp lý, đáp ứng nhu cầu của giáo viên và học sinh. Hệ thống cấp nước sạch, thoát nước, điện và chiếu sáng đảm bảo tiêu chuẩn, vận hành ổn định. Hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học hiện đại.

Công tác vệ sinh môi trường: Hệ thống xử lý rác thải được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo vệ sinh và an toàn môi trường học đường.

*** Những điểm yếu cơ bản**

Nhà trường có 7 phòng học bộ môn, mới đáp ứng được mức tối thiểu.

Thiếu phòng nghỉ cho giáo viên theo đúng quy định (10 lớp/1 phòng).

Nhà trường chưa có nhà đa năng để tổ chức các hoạt động TDTT và các hoạt động chung của trường, đặc biệt trong điều kiện thời tiết bất lợi (mưa, nắng nóng). Điều này hạn chế khả năng tổ chức các hoạt động tập thể, giao lưu và rèn luyện sức khỏe cho học sinh.

Trang thiết bị công nghệ dạy học: Máy tính cấp phát lâu, cấu hình thấp, xuống cấp, chưa đáp ứng nhu cầu dạy-học ứng dụng CNTT; thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu bị thiếu và hỏng.

*** Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 3: 03 tiêu chí Số tiêu chí đạt yêu cầu:**

Mức 1: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3, đạt tỷ lệ 100%.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Mức 2: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2, đạt tỷ lệ 100%.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Mức 3: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 0/2, đạt tỷ lệ 0%.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 02

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Trong quá trình xây dựng và phát triển, trường THCS Phú Lạc luôn nhận được sự ủng hộ giúp đỡ nhiệt tình của các lực lượng xã hội. Quan hệ gắn bó mật thiết giữa nhà trường và ban đại diện CMHS luôn được phát huy trong từng năm học; mối liên hệ giữa nhà trường với chính quyền địa phương, các đoàn thể và nhân dân trên địa bàn ngày càng được củng cố và phát triển. Nhà trường luôn làm tốt công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo và địa phương; phối hợp hiệu quả với ban đại diện CMHS cũng như các tổ chức chính trị xã hội và cá nhân trong quá trình thực hiện các hoạt động giáo dục. Điều đó đã làm nên sức mạnh để nhà trường phát triển bền vững.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện CMHS

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện CMHS;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS; huy động HS đến trường, vận động HS đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Ban đại diện CMHS nhà trường được thành lập và hoạt động đúng Điều lệ *(Ban hành theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)* **[H17-4.1-01]**. Ngay từ đầu mỗi năm học, nhà trường đã phối hợp họp Ban đại diện CMHS các lớp để bầu ra Ban đại diện CMHS của trường **[H17-4.1-02]**. Ban đại diện CMHS luôn thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm, nhiệm vụ của mình được quy định tại Điều lệ Ban đại diện CMHS **[H17-4.1-03]**.

b) Ban đại diện CMHS có kế hoạch hoạt động cụ thể cho từng năm học. Nhà trường đã tạo mọi điều kiện để Ban đại diện CMHS làm việc, phối hợp giáo dục học sinh theo kế hoạch của Ban đại diện CMHS **[H17-4.1-04]**.

c) Hằng năm nhà trường tổ chức họp toàn thể CMHS các lớp vào các thời gian: Đầu năm học, cuối học kì I và cuối năm học để thực hiện thông báo kết quả học tập cũng như quá trình tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của học sinh qua sổ liên lạc điện tử vào cuối kì I và cuối kì II. Đối với ban đại diện CMHS thực hiện họp định kì từ 2-3 lần/năm học **[H17-4.1-02]**.

Nhà trường thông báo đầy đủ mọi thông tin về giáo dục của nhà trường có liên quan đến học sinh và hoạt động của hội CMHS tại cuộc họp phụ huynh học sinh các lớp **[H17-4.1-02]**. Kết quả hoạt động của Hội CMHS thông qua sổ nghị quyết của nhà trường và Nghị quyết hội đồng trường **[H1-1.1-05]**; **[H2-1.2-05]**; **[H17-4.1-05]**.

Mức 2:

Ban đại diện CMHS đã phối kết hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức để cùng làm việc dân chủ đúng với quy định tại Điều lệ **[H17-4.1-02]**.

Từ năm học 2020 - 2021 đến nay, ban đại diện CMHS luôn có sự phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và có báo cáo cụ thể của hội CMHS **[H17-4.1-05]**. Cuối mỗi năm học nhà trường đều có báo cáo sơ kết, tổng kết năm học **[H1-1.1-06]**.

Nhà trường thường xuyên hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến, pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS vào cuộc họp phụ huynh các lớp **[H17-4.1-02]**.

Các cuộc họp giữa BLĐ nhà trường với ban đại diện CMHS đều được lưu lại trong sổ nghị quyết của nhà trường và Nghị quyết hội đồng trường **[H1-1.1-05]**; **[H2-1.2-05].**

Mức 3:

Ban đại diện CMHS đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS thông qua biên bản họp giữa CMHS và Ban đại diện CMHS với nhà trường **[H17-4.1-02]**.

Trong quá trình hoạt động nhà trường luôn có kế hoạch và lưu giữ đầy đủ thông qua sổ nghị quyết của nhà trường và nghị quyết hội đồng trường **[H1-1.1-05]**; **[H2-1.2-05].**

Cuối năm học nhà trường luôn có báo cáo sơ kết, tổng kết cụ thể **[H1-1.1-06]**. Trong quá trình hoạt động nhà trường luôn tham mưu với ngành, địa phương đề nghị hỗ trợ kinh phí nhằm nâng cao chất lượng giáo dục những năm tiếp theo **[H17-4.2-01].**

2. Điểm mạnh:

Ban đại diện CMHS của nhà trường nhiệt tình, có trách nhiệm, hoạt động theo quy định của Điều lệ. Phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc giáo dục học sinh góp phần cùng nhà trường HTTNV năm học.

Nhà trường đã phối hợp, tạo điều kiện cho Ban đại diện CMHS tổ chức thực hiện tốt kế hoạch hoạt động được đề ra từ đầu năm học.

3. Điểm yếu:

Còn một số ít gia đình chưa thực sự quan tâm, tạo điều kiện cho các em học sinh học tập và rèn luyện. Do vậy, sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình học sinh để nâng cao chất lượng học tập và giáo dục kỹ năng sống chưa thật chặt chẽ và đạt hiệu quả cao như mong muốn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung công việc	Người thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Kinh phí
Duy trì công tác phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội	BLĐ nhà trường, ban đại diện CMHS.	- BLĐ nhà trường với ban đại diện CMHS xây dựng kế hoạch cụ thể phối hợp chặt chẽ giữa GVCN và gia đình HS.	Các năm học	Không
Làm tốt công tác tuyên truyền đối với CMHS trong việc phối hợp GD	BLĐ nhà trường, ban đại diện CMHS.	Nhà trường với CMHS xây dựng kế hoạch cụ thể phối hợp khuyến khích HS	Các năm học	Không
Phối hợp với nhà trường, GVCN tổ chức nhiều hoạt động giáo dục cho HS.	Nhà trường, GVCN lớp, CMHS	- Ban đại diện CMHS xây dựng kế hoạch cụ thể, thông qua ban đại diện CMHS toàn trường - BLĐ nhà trường, GVCN thường xuyên phối hợp chặt chẽ với CMHS các lớp.	Các năm học	Không

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	**Đạt/Không đạt**	**Chỉ báo (nếu có)**	**Đạt/ Không đạt**	**Chỉ báo (nếu có)**	**Đạt/ Không đạt**
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, TDTT và các nội dung giáo dục khác cho HS; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trong từng năm học, nhà trường chủ động tham mưu tới cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và biện pháp cụ thể nhằm huy động nguồn lực để phát triển nhà trường. Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển **[H1-1.1-01]**, báo cáo Đảng ủy, hội đồng nhân dân, UBND xã Phú Lạc để tranh thủ ý kiến đóng góp và sự đồng thuận của địa phương và ra các văn bản chỉ đạo thực hiện **[H17-4.2-01]**; **[H17-4.2-02]**.

b) Nhà trường tuyên truyền để nâng cao nhận thức trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường **[H1-1.1-04]**. Trong chiến lược phát triển nhà trường **[H17-4.2-05]**.

c) Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định được thể hiện qua sổ quản lí tài sản **[H7-1.6-05]**; **[H17-4.2-03].** Cụ thể trong giai đoạn năm 2020-2025 nhà trường đã huy động tài trợ được 02 chiếc tivi trị giá 28.000.000 đồng; Lắp rèm cửa lớp học trị giá 55.080.000 đồng. Các tổ chức tặng quà học sinh có hoàn cảnh khó khăn trị giá 186.400.000 đồng ; Lắp dù bạt che nắng sân trường 39.900.000 đồng và làm đường chạy quanh sân vận động 94.271.361 đồng.

Mức 2:

a) Nhà trường tham mưu tốt với Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND xã Phú Lạc tạo điều kiện từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển **[H17-4.2-02]**.

Trong chiến lược Nhà trường đã chỉ ra tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi trong giáo dục là đào tạo con người phát triển toàn diện. Từ đó chỉ ra phương châm " chất lượng nhà trường là uy tín danh dự của nhà trường" và đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục. Để thực hiện được mục tiêu đó cần có sự quan tâm của các cấp Đảng, chính quyền cụ thể là đầu tư cơ sở vật chất, hỗ trợ tài chính để nhà trường thực hiện được kế hoạch. **[H17-4.2-05]**

b) Nhà trường luôn phối hợp với các tổ chức: Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội khuyến học, Hội chữ thập đỏ, cá nhân cho học sinh qua những buổi tuyên truyền, giáo dục kỹ năng sống theo chủ đề nhân dịp kỉ niệm các ngày lễ lớn nhằm giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác như chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa, gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương. Qua đó giúp các em tự hào về truyền thống tốt đẹp của quê hương, phấn đấu học tập tốt để xây dựng quê hương ngày một giàu đẹp **[H3-1.3-09]**; **[H17-4.2-04]**.

Bên cạnh đó, nhà trường còn thực hiện, tham gia đầy đủ các hoạt động xã hội như: Ủng hộ quỹ nhân đạo, quỹ vì người nghèo, quỹ trẻ em, quỹ khuyến học, ủng hộ đồng bào chịu ảnh hưởng của thiên tai, lũ lụt đặc biệt là cơn bão số 3 cơn bão Yagi với tinh thần trách nhiệm cao. Tất cả các hoạt động đó đều được ghi chép đầy đủ và thể hiện rõ ràng nội dung qua các báo cáo: Báo cáo của chi bộ đảng, báo cáo của nhà trường, báo cáo của công đoàn, báo cáo của chi đoàn, báo cáo của liên đội **[H1-1.1-06]**; **[H3-1.3-07]**; **[H3-1.3-08]**; **[H3-1.3-09]**; **[H17-4.2-05]**.

Song song với các hoạt động của nhà trường và Công đoàn thì Liên đội cũng xây dựng kế hoạch thực hiện và tham gia đầy đủ các hoạt động xã hội. Hằng năm liên đội luôn phát động tới học sinh các phong trào ủng hộ để xây dựng quỹ tình thương, mua tăm tre từ thiện… Những hoạt động của liên đội đều được thể hiện chi tiết trong sổ công tác Đội **[H3-1.3-09]**.

Mức 3:

Từ năm 2019 đến năm 2024, nhà trường đều đạt Danh hiệu "Cơ quan đạt chuẩn văn hoá"; "Đơn vị đạt chuẩn văn hóa" theo Quyết định số 6142/QĐ-UBND huyện Đại Từ ngày 09 tháng 11 năm 2020, Quyết định số 6994/QĐ-UBND huyện Đại Từ ngày 05 tháng 11 năm 2021, Quyết định số 6439/QĐ-UBND huyện Đại Từ ngày 31 tháng 10 năm 2022, Quyết định số 80/QĐ-LĐLĐ của Liên đoàn lao động tỉnh Thái Nguyên ngày 11 tháng 12 năm 2023. **[H17-4.2-06]**.

Nhà trường thực sự đã trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục có chất lượng của địa phương được thể hiện qua các hoạt động giáo dục và các hoạt động phong trào. Nhà trường kết hợp với UBND xã Phú Lạc để tổ chức tốt Đại hội văn hóa thể thao các cấp. Bên cạnh đó nhà trường còn chú trọng tới các chương trình, sự kiện trải nghiệm cho học sinh như tham quan các di tích lịch sử, thi kể chuyện theo sách, tìm hiểu các di tích lịch sử văn hóa của địa phương, tuyển truyền công tác An toàn giao

thông... Những hoạt động đó đều được xây dựng kế hoạch theo năm, theo kì theo tháng và theo từng tuần đều được thể hiện rõ trong Sổ nghị quyết và nghị quyết của Hội đồng trường, sổ công tác đội **[H1-1.1-05]**; **[H2-1.2-05]**; **[H3-1.3-06]**.

2. Điểm mạnh:

Thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp với các tổ chức đoàn thể của địa phương để thực hiện công tác tuyên truyền giáo dục học sinh nhằm giữ gìn phát huy truyền thống dân tộc, truyền thống nhà trường.

3. Điểm yếu:

Công tác phối hợp giữa nhà trường, CMHS với các tổ chức xã hội để tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc cho học sinh đôi khi hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung công việc	Người thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Kinh phí
- Tiếp tục phát huy công tác tham mưu với cấp uỷ Đảng, phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong giáo dục ATGT, ANTT, giáo dục truyền thống văn hoá địa phương.	- BLĐ nhà trường, ban đại diện CMHS, GVCN.	- Được UBND xã phê duyệt kế hoạch.	Hằng năm	Nguồn ngân sách; xã hội hóa
- Tham mưu với ban đại diện CMHS, phối hợp tốt với các tổ chức xã hội về hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc cho HS	- BLĐ nhà trường, ban đại diện CMHS, GVCN.	- Được UBND xã phê duyệt kế hoạch.	Hằng năm	Nguồn ngân sách; xã hội hóa

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	**Đạt/ Không đạt**	**Chỉ báo (nếu có)**	**Đạt/ Không đạt**	**Chỉ báo (nếu có)**	**Đạt/ Không đạt**
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

*** Các điểm mạnh nổi bật:** Nhà trường đã tạo dựng và duy trì tốt mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và các tổ chức đoàn thể xã hội. Ban đại diện CMHS đã hoạt động tích cực có hiệu quả. Nhà trường cũng chủ động tham mưu cho các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để huy động mọi nguồn lực xây dựng nhà trường ngày càng vững mạnh.

*** Các điểm yếu cơ bản:** Một số ít phụ huynh trong ban đại diện CMHS chưa có nhều thời gian để tham gia các hoạt động của nhà trường. Việc phối hợp giữa nhà trường, CMHS với các tổ chức xã hội để tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống cho học sinh đôi khi hiệu quả chưa cao.

*** Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 4: 02 tiêu chí**

Số tiêu chí đạt yêu cầu:

- Mức 1: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2, đạt tỷ lệ 100%.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

- Mức 2: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2, đạt tỷ lệ 100%.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

- Mức 3: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2, đạt tỷ lệ 100%.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Trong những năm học qua, nhà trường luôn nghiêm túc triển khai và thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục cũng như kế hoạch năm học do Phòng Giáo dục và Đào tạo và nhà trường ban hành. Trên cơ sở chương trình chung, nhà trường đã xây dựng kế hoạch năm học và kế hoạch chuyên môn phù hợp, đồng thời nghiêm túc thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều chỉnh, bổ sung về chuyên môn; tích cực đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá học sinh.

Nhà trường luôn quan tâm đúng mức đến công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức hoạt động hướng nghiệp và giáo dục địa phương. Việc xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, nền nếp, kỷ cương được chú trọng, góp phần duy trì hiệu quả các hoạt động giáo dục toàn diện và không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục.

Đặc biệt, nhà trường đã chủ động chuẩn bị tốt mọi điều kiện để triển khai hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 6 từ năm học 2021-2022, lớp 7 năm học 2022-2023, lớp 8 năm học 2023-2024 và lớp 9 trong năm học 2024-2025.

Mục tiêu phấn đấu của nhà trường là xây dựng một môi trường giáo dục tích cực, tạo điều kiện thuận lợi để mỗi học sinh có cơ hội phát huy năng lực, tư duy sáng tạo và phát triển toàn diện.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện kế hoạch giáo dục

Mức 1:

a) Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường đầy đủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của HS;

c) Tổ chức kiểm tra, rà soát đánh giá về điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhà trường theo khung kế hoạch thời gian năm học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mức 2

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của HS;

b) Phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu, phụ đạo HS gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất, lượng dạy học của GV, HS.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Hằng năm, căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương và nhà trường, căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ của năm học trước, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục theo đúng quy định của Bộ GDĐT **[H9-1.8-01].**

Căn cứ kế hoạch giáo dục và kế hoạch công tác chuyên môn của nhà trường, các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch dạy học môn học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục; GV xây dựng kế hoạch giáo dục theo hướng dẫn tại Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT; được Hiệu trưởng, tổ trưởng phê duyệt trước khi thực hiện **[H9-1.8-01]; [H18-5.1-01]; [H18-5.1-02]; [H18-5.1-03].**

b) Hằng năm, nhà trường chỉ đạo các tổ CM thực hiện nghiêm túc kế hoạch giáo dục nhà trường theo đúng quy định của Bộ GDĐT và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường **[H4-1.4-04].** Tổ chức các tiết dạy chuyên đề để các thành viên trong tổ CM dự, họp rút kinh nghiệm, cùng đưa ra phương pháp dạy phù hợp **[H4-1.4-05]**.

GV nhà trường luôn thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, ứng dụng

CNTT trong dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS, nâng cao chất lượng dạy và học.

Năm học 2023-2024 nhà trường đã đón đoàn kiểm tra toàn diện của Phòng GDĐT Đại Từ. Qua kết quả kiểm tra, trường đã tổ chức dạy học đúng, đủ các môn theo đúng chương trình giáo dục, đảm bảo mục tiêu dạy học. Kết quả các loại hồ sơ, giờ dạy của GV đều đạt loại khá, tốt **[H9-1.8-04]**.

c) Trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục, nhà trường thường xuyên tổ chức kiểm tra, rà soát đánh giá về điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhà trường theo khung kế hoạch thời gian năm học theo quy định của Bộ GDĐT. Từ đó có những điều chỉnh phù hợp và kịp thời để thực hiện tốt kế hoạch giáo dục nhà trường **[H2-1.2-05]**.

1.2. Mức 2

a) Nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn và GV xây dựng kế hoạch giảng dạy, học tập và kế hoạch giáo dục theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT **[H9-1.8-01].** Việc thực hiện chương trình giáo dục các môn học đảm bảo dạy đủ các phân môn, đúng số tiết, đúng tiến độ, không cắt xén hoặc dồn ghép nội dung; điều này được thể hiện qua các minh chứng: Phân công chuyên môn **[H8-1.7-02],** Lịch báo giảng **[H18-5.1-05],** Sổ ghi đầu bài **[H9-1.8-03].** Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động ngay từ đầu năm học **[H4-1.4-03]** và được Ban kiểm tra nội bộ định kỳ giám sát nhằm đảm bảo việc thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch giáo dục **[H8-1.7-06].**

Trên cơ sở phân tích đặc điểm học sinh về năng lực nhận thức, trình độ, hoàn cảnh, hứng thú học tập, GV chủ động lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp **[H18-5.1-04]**. Nhà trường chỉ đạo áp dụng nhiều biện pháp cụ thể như: Dạy bù khi học sinh nghỉ học dài ngày, tổ chức lớp học bổ trợ đối với học sinh còn hạn chế kiến thức, phân hóa trong lớp theo mức độ nhận thức để hỗ trợ học sinh yếu và phát huy học sinh khá giỏi; điều chỉnh kế hoạch dạy học cá nhân khi cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và nâng cao chất lượng đại trà.

Tuy nhiên, chất lượng học sinh giỏi giữa các môn học chưa đồng đều; một số môn tỷ lệ học sinh giỏi còn thấp, chưa phát huy hết năng lực của học sinh. Đồng thời, vẫn còn một bộ phận học sinh tiếp thu kiến thức chậm, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tế còn hạn chế, đòi hỏi nhà trường và GV cần có giải pháp phân hóa, hỗ trợ sâu hơn.

b) Vào đầu các năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng HS giỏi các môn văn hóa, TDTT và phụ đạo HS yếu kém, gặp khó khăn trong học tập, HS khuyết tật, HS có hoàn cảnh khó khăn. Thành lập các đội tuyển HS giỏi và phân công các GV có kinh nghiệm, năng lực chuyên môn tốt bồi dưỡng ngay từ đầu năm học. GV bộ môn có trách nhiệm phụ đạo HS yếu kém với những nội dung cụ thể, trọng tâm để nâng cao chất lượng giáo dục **[H18-5.1-06]; [H18-5.1-07]; [H19-5.2-01].**

Tuy nhiên, thời lượng dành cho việc bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu còn chưa nhiều.

1.3. Mức 3

Nhà trường chỉ đạo các tổ CM, ban kiểm tra nội bộ trường học thực hiện dự giờ, kiểm tra chuyên môn, kiểm tra toàn diện GV. Từ đó rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục đã thực hiện, đề ra phương hướng cho các hoạt động tiếp theo, các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học của GV như tổ chức các buổi chuyên đề, tập huấn, họp rút kinh nghiệm **[H2-1.2-05]**; **[H4-1.4-04]**; **[H8-1.7-06]**;

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục; tổ chức dạy học đúng, đủ chương trình các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo chương trình giáo dục cấp THCS do Bộ GDĐT ban hành, đảm bảo khung thời gian năm học theo quy định của Bộ GDĐT.

Đa số GV thực hiện tốt việc vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học; linh hoạt trong việc lựa chọn nội dung tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với HS và điều kiện thực tế về CSVC của nhà trường.

3. Điểm yếu

Chất lượng HS giỏi không đồng đều ở các môn học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo	Thời gian dự kiến hoàn thành	Kinh phí (nếu có)
Nhà trường mời chuyên gia tập huấn về PPDH, KTDH tích cực để GV hiểu rõ về các phương pháp	CBQL, tổ trưởng chuyên môn	Mời chuyên gia	Trong năm học	Nguồn ngân sách
GV thường xuyên sử dụng các PPDH tích cực; Biết khai thác, ứng dụng CNTT trong giảng dạy	GV	Tinh thần tự học, tự rèn của giáo viên	Trong các giờ dạy	Không
Xây dựng kế hoạch Bồi dưỡng đội tuyển HSG phù hợp để nâng cao chất lượng mũi nhọn ở tất cả các môn học	CBQL, GV trực tiếp bồi dưỡng đội tuyển	Xây dựng chương trình nhà trường, kế hoạch dạy học một cách phù hợp, linh hoạt.	Trong năm học	Không

		Chú trọng đến công tác phối hợp gia đình, nhà trường		

5. Tự đánh giá:

Mức 1		**Mức 2**		**Mức 3**	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

*** Kết quả: Đạt mức 3**

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có HS năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Vào đầu mỗi năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng HS có năng khiếu và phụ đạo HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, kế hoạch giáo dục HS khuyết tật **[H18-5.1-06]**; **[H19-5.2-01]**. Mỗi GV đều có trách nhiệm phụ đạo HS yếu, kém. Rà soát lập danh sách HS có hoàn cảnh khó khăn để giúp đỡ, động viên các em trong học tập. Hằng năm, Liên đội đều tổ chức tặng quà cho các HS có hoàn cảnh khó khăn vào các dịp lễ tết nhằm động viên, khích lệ các em trong học tập **[H3-1.3-06]; [H19-5.2-02].**

b) Nhà trường tổ chức thực hiện nghiệm túc các kế hoạch hoạt động giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Tổ chức các hoạt động giúp đỡ HS có hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống như: Phong trào "Xuân ấm tình thương", "Hũ gạo tình thương"; phối hợp với các cơ quan đoàn thể trong và ngoài nhà trường để trao tặng học bổng, tặng quà cho HS có hoàn cảnh khó khăn vào các dịp: Khai giảng năm học mới, Tết Nguyên đán, Tết trung thu **[H19-5.2-02]; [H13-2.4-03].**

Đối với các HS còn gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, nhà trường phân công GV bộ môn, GVCN thường xuyên phụ đạo giúp đỡ các em. Đối với HS có năng khiếu, nhà trường tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập luyện cho các em tham gia các cuộc thi, kỳ thi dành cho HS như: Thi HS giỏi các môn văn hóa, thi Văn nghệ, TDTT **[H4-1.4-05]; [H18-5.1-06].** HS khuyết tật được đánh giá phù hợp và có hồ sơ theo dõi riêng **[H19-5.1-01].**

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, nhà trường vẫn còn một số điểm hạn chế: chất lượng hoạt động thể dục thể thao và văn nghệ của học sinh chưa thật sự nổi bật; chưa có học sinh được tuyển chọn vào các đội tuyển thi đấu thể thao, văn nghệ cấp tỉnh. Một số học sinh có năng khiếu nhưng chưa được phát hiện và bồi dưỡng kịp thời; hoạt động rèn luyện năng khiếu còn mang tính phong trào, chưa có chiều sâu và tính thường xuyên.

c) Hằng năm, nhà trường rà soát, đánh giá việc công tác bồi dưỡng HS giỏi, giúp đỡ HS chậm tiến bộ trong việc thực hiện nội quy của nhà trường, lớp và HS có hoàn cảnh khó khăn, từ đó đề ra các biện pháp phù hợp để cải tiến các hoạt động này có kết quả tốt hơn **[H1-1.1-06]**; **[H2-1.2-05]**. Trong 05 năm qua, Trường THCS Phú Lạc không có HS bỏ học vì hoàn cảnh khó khăn.

1.2. Mức 2

Với việc xây dựng kế hoạch giáo dục cụ thể, bằng các biện pháp thực hiện phù hợp, cuối mỗi năm học, các HS có năng khiếu, HS có hoàn cảnh khó khăn, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đều đáp ứng được mục tiêu giáo dục, đạt được kết quả như kế hoạch đã xây dựng, nhiều HS có hoàn cảnh khó khăn đã biết vươn lên, vượt khó để học tập và rèn luyện tiến bộ **[H1-1.1-06]**;

[H5-1.5-02]; **[H19-5.2-01].**

1.3. Mức 3

Nhà trường quan tâm chỉ đạo sát sao, động viên GV và HS trong các đội tuyển dự thi HS giỏi các môn văn hóa, văn nghệ, các môn thể thao; quan tâm HS gặp khó khăn trong học tập và HS có hoàn cảnh đặc biệt. Đội ngũ GV tâm huyết, nhiệt tình, có năng lực chuyên môn vững vàng đã mang lại hiệu quả cao trong giáo dục. Chính vì vậy hằng năm, nhà trường đều có HS đạt giải trong các kỳ thi HS giỏi huyện, cấp tỉnh, cấp Quốc gia các môn văn hóa, VioEdu, IOE cũng như các giải văn nghệ, TDTT **[H13-2.4-02].** Tuy nhiên chất lượng mũi nhọn chưa đồng đều giữa các môn, số lượng HS giỏi cấp tỉnh, cấp Quốc gia còn ít.

Bảng thống kê HSG, HS năng khiếu các cấp trong 5 năm học

Năm học	Tổng số	HSG		
		Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia
2020-2021	13	8	5	0
2021-2022	12	10	2	0
2022-2023	17	14	3	0
2023-2024	39	37	2	0
2024-2025	48	42	6	0

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch giáo dục cho các HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Quan tâm chỉ đạo sát sao, động viên GV và HS trong các đội tuyển dự thi HS giỏi các môn văn hóa, văn nghệ, các môn thể thao; quan tâm HS gặp khó khăn trong học tập và HS có hoàn cảnh đặc biệt.

Đội ngũ GV tâm huyết, nhiệt tình, có năng lực chuyên môn vững vàng mang lại hiệu quả cao trong giáo dục.

Nhà trường có số học sinh đông nên thuận lợi trong việc rà soát, đánh giá, lựa chọn học sinh có năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật.

3. Điểm yếu

- Chưa có nhiều hoạt động thu hút HS luyện tập, tham gia thi đấu TDTT và văn nghệ nên chưa có nhiều HS được tuyển chọn vào đội tuyển thi đấu của huyện, tỉnh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo	Thời gian dự kiến hoàn thành	Kinh phí (nếu có)
Tổ chức nhiều chương trình văn nghệ, thể dục thể thao để thu hút HS tham gia. Thành lập các đội tuyển văn nghệ, thể thao, tăng cường cho HS giao lưu học hỏi với các đội tuyển khác trong huyện, trong tỉnh.	CBQL, GV bộ môn, CMHS, HS	Sự quan tâm của gia đình và sự nỗ lực của HS	Trong các năm học	Nguồn ngân sách; xã hội hoá

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

*** Kết quả: Đạt mức 3**

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1: Bãi bỏ

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1: (-)

1.2. Mức 2

Nhà trường thực hiện nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn với lý luận thực tiễn: Qua chương trình học chính khóa, ngoại khóa các vấn đề về địa phương, HS hiểu biết sâu sắc hơn về các tác phẩm văn học địa phương, về các nhân vật, sự kiện lịch sử địa phương. Qua đó, bồi dưỡng cho HS tình yêu quê hương, các em tự hào và phát huy được truyền thống tốt đẹp của quê hương Thái Nguyên. Tuy nhiên, việc tổ chức cho HS đi trải nghiệm, học tập mô hình, di tích lịch sử tại địa phương còn ít do nguồn kinh phí còn hạn

hẹp **[H1-1.1-04]; [H18-5.1-02]; [H20-5.3-01].**

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện tốt việc triển khai và giảng dạy nội dung giáo dục địa phương theo quy định. Môn học và các tiết dạy đã khơi được trong HS tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào và khát vọng cống hiến cho quê hương thân yêu.

3. Điểm yếu

Việc tổ chức cho HS đi tham quan, học tập mô hình, di tích lịch sử tại địa phương còn ít do nguồn kinh phí còn hạn hẹp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo	Thời gian dự kiến hoàn thành	Kinh phí (nếu có)
Tiếp tục phát huy tính chủ động trong việc triển khai và thực hiện giảng dạy nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.	Lãnh đạo nhà trường chỉ đạo, bộ phận chuyên môn, giáo viên thực hiện	Xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết	Trong các năm học	Không
Xây dựng kế hoạch cho HS tham quan, tìm hiểu thực tế về các di tích lịch sử của tỉnh Thái Nguyên .	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, GV	Kế hoạch, kinh phí tổ chức	Năm học 2025-2026	Xã hội hoá

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	-	*	Đạt	-	-
b	-	-	-	-	-
c	-	-	-	-	-
-		Đạt		-	

*** Kết quả: Đạt mức 2**

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1: Bãi bỏ

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp HS và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1.1. Mức 1: (-)

1.2. Mức 2

a) Hằng năm, nhà trường tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với hình thức phong phú, phù hợp với đặc điểm của học sinh và đạt được những kết quả thiết thực. Các hoạt động này được lồng ghép trong chương trình công tác Đội, các chuyên đề ngoại khóa **[H3-1.3-06].** Đặc biệt, những chuyến tham quan trải nghiệm tại Bảo tàng quân sự Việt Nam đã giúp học sinh nâng cao hiểu biết về môn Lịch sử và môn Ngữ văn **[H21-5.4-01].**

Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2023-2024, đối với HS lớp 9 học theo chương trình GDPT 2006 hoạt động hướng nghiệp được thực hiện bằng việc tổ chức dạy học 03 mô đun trong chương trình nhà trường: Việc giới thiệu về các lựa chọn nghề nghiệp, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cơ hội việc làm đã góp phần giúp học sinh định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực và điều kiện thực tế. Từ năm học 2024-2025, học sinh lớp 9 bắt đầu học theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nội dung hướng nghiệp được tích hợp sâu sắc và có hệ thống hơn. Ngoài ra, trường đã phối hợp với các trường dạy nghề trên địa bàn huyện Đại Từ (tên cũ) và thành phố Thái Nguyên để tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho HS lớp 9 sau khi tốt nghiệp THCS. Hình thức hướng nghiệp đa dạng, trong đó chú trọng nghe tư vấn trực tiếp từ các GV tại các trường nghề **[H21-5.4-02].**

HS học theo chương trình GDPT 2018 được thực hiện các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp bằng môn học, tiết học cụ thể. Các tiết học được GV tổ chức thực hiện đúng chương trình và thời khóa biểu nhà trường **[H9-1.8-02]; [H18-5.1-02].** Tuy nhiên, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của nhà trường vẫn còn một số hạn chế: chưa có GV chuyên trách nên việc thiết kế và tổ chức còn gặp khó khăn, hiệu quả chưa cao; sự phối hợp với các cơ sở, doanh nghiệp bên ngoài chưa thường xuyên, chưa thành hệ thống. Mặc dù nhà trường đã quan tâm triển khai các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh, song do điều kiện ngân sách còn hạn hẹp, nguồn tài trợ hầu như không có nên số lượng và quy mô hoạt động chưa được phong phú, đa dạng. Một số hoạt động chủ yếu dừng ở mức cơ bản, chưa tạo được sự hấp dẫn, chưa mở rộng nhiều hình thức trải nghiệm mới mẻ gắn với đặc điểm kinh tế – xã hội địa phương. Điều này ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả giáo dục toàn diện và định hướng nghề nghiệp cho học sinh.

b) Hằng năm, cuối mỗi học kỳ, nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Từ đó, đánh giá những

ưu điểm và tồn tại, đồng thời rút kinh nghiệm để những hoạt động sau tổ chức tốt hơn **[H1-1.1-06]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tổ chức dạy, học hoạt động giáo dục hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nghiêm túc, đúng quy chế. Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của nhà trường đều có kế hoạch cụ thể, được thực hiện với các hình thức tổ chức phong phú, phù hợp với HS và đạt kết quả thiết thực.

3. Điểm yếu

Do điều kiện ngân sách còn hạn hẹp, nguồn tài trợ không có nên nhà trường chưa tổ chức được nhiều hoạt động trải nghiệm phong phú, đa dạng trong các năm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo	Thời gian dự kiến hoàn thành	Kinh phí (nếu có)
Tiếp tục phát huy kết quả tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp đã đạt được	CBQL, các tổ chuyên môn, GVCN	Xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết.	Trong các năm học	Không
Đa dạng hóa nội dung, hình thức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.	CBQL, các tổ chuyên môn	Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch	Trong các năm học	Nguồn xã hội hóa
Tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm phong phú, thiết thực, bổ ích cho HS trong và ngoài nhà trường.	CBQL, các tổ chuyên môn	Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch	Trong các năm học	Nguồn xã hội hóa
Xây dựng kế hoạch, kiểm tra, giám sát, và chỉ đạo thực hiện tốt hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.	CBQL, Tổng phụ trách, GVCN	Kế hoạch giáo dục nhà trường	Trong các năm học	Không

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
-	-	a	Đạt	-	-

-	-	b	Đạt	-	-
-	-	-	-	-	-
-		Đạt		-	

*** Kết quả: Đạt mức 2**

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho HS

Mức 1: Bãi bỏ

Mức 2:

a) Hướng dẫn HS biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của HS từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, HS có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1: (-)

1.2. Mức 2

a) Bên cạnh việc truyền đạt kiến thức, nhà trường luôn chú trọng rèn luyện cho học sinh năng lực tự đánh giá kết quả học tập và quá trình rèn luyện của bản thân. **[H22-5.5-01].**

Sau mỗi hoạt động giáo dục, nhà trường đều tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động thực hành, trải nghiệm nhằm tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của bản thân. Thông qua đó, học sinh không chỉ nâng cao kỹ năng sống, mở rộng hiểu biết về xã hội mà còn từng bước hình thành ý thức chấp hành pháp luật, góp phần phát triển toàn diện cả về nhận thức và hành vi. **[H22-5.5-01].**

b) Từ những kiến thức, kĩ năng được trang bị, HS đã biết vận dụng vào giải quyết các vấn đề trong thực tế cuộc sống. HS của trường đã tự tin hơn, kĩ năng giao tiếp tốt hơn, có ý thức đoàn kết, gắn bó với trường lớp và có khát vọng vươn lên, phấn đấu trong học tập, nghiêm túc, trách nhiệm và thân thiện khi tham gia hoạt động tập thể.

Thông qua các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, các hoạt động vui chơi giải trí, các cuộc thi, các buổi tuyên truyền… do nhà trường tổ chức, các em đã tự rèn luyện và tích lũy được các kỹ năng sống như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, biết giữ gìn vệ sinh môi trường và không vi phạm luật giao thông, biết phòng cháy chữa cháy **[H1-1.1-06]; [H22-5.5-01]; [H12-2.2-05].**

Nhà trường đã quan tâm xây dựng kế hoạch và tổ chức nhiều hoạt động nhằm hình thành, phát triển kỹ năng sống cho học sinh, như: các chuyên đề ngoại khóa, sinh hoạt dưới cờ, hoạt động Đội, hoạt động trải nghiệm, hoạt động văn nghệ – thể thao. Qua đó, đa số học sinh đã được rèn luyện các kỹ năng giao

tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, biết chia sẻ và giúp đỡ bạn bè trong học tập cũng như trong cuộc sống.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, thực tế vẫn còn một số ít học sinh có tâm lý e ngại, rụt rè, chưa mạnh dạn khi tham gia các hoạt động tập thể. Một bộ phận học sinh chưa tự tin thể hiện bản thân, thiếu chủ động trong việc tự đánh giá, nhìn nhận ưu điểm – hạn chế của bản thân sau mỗi hoạt động học tập và rèn luyện. Điều này phần nào làm hạn chế hiệu quả giáo dục kỹ năng sống toàn diện cho các em.

1.3. Mức 3

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch và phân công GV bộ môn hướng dẫn HS nghiên cứu khoa học. Trong 05 năm qua, HS của trường đều tích cực tham gia cuộc thi Khoa học kỹ thuật dành cho HS trung học. Năm học 2020-2021, 2021-2022 đạt 01 giải cấp huyện. Năm học 2022-2023 đạt 02 giải cấp huyện và 01 giải cấp tỉnh, 2024-2025 đạt 01 giải cấp huyện cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp huyện. Tuy nhiên việc đầu tư cho việc nghiên cứu khoa học kỹ thuật còn ít, chất lượng giải trong các cuộc thi Khoa học kỹ thuật chưa cao, chưa có các sản phẩm nghiên cứu khoa học kĩ thuật của HS đạt cấp quốc gia **[H12-2.2-06].**

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn quan tâm tới công tác giáo dục kỹ năng sống cho HS. Chương trình giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho HS được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc thông qua các giờ học trên lớp, các hoạt động tập thể và hoạt động trải nghiệm.

Thông qua các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, các hoạt động vui chơi giải trí, các cuộc thi, các buổi tuyên truyền… do nhà trường tổ chức, HS đã tự rèn luyện và tích lũy được các kỹ năng sống, tạo sự chuyển biến tích cực về ý thức, thái độ, kĩ năng và sự sáng tạo.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một số ít các em học sinh có tâm lý e ngại, rụt rè, chưa tự tin khi tham gia các hoạt động tập thể, chưa chủ động trong việc tự đánh giá bản thân sau mỗi nội dung học tập rèn luyện

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo	Thời gian dự kiến hoàn thành	Kinh phí (nếu có)
Tiếp tục tăng cường công tác giáo dục kỹ năng sống cho HS thông qua các hoạt động giáo dục.	CB, GV, NV	Kế hoạch giáo dục kỹ năng sống	Năm học 2025-2026	Không

Tăng cường hoạt động của Ban đại diện CMHS, tổ tư vấn tâm lý, ban chỉ huy liên đội, chi đội, giáo viên chủ nhiệm các lớp để phối hợp chặt chẽ hơn với gia đình học sinh, giúp các em thêm tự tin, mạnh dạn, có kỹ năng tốt hơn trong cuộc sống.	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên	Phối hợp tốt với phụ huynh HS	Hằng tháng, hằng năm	Không

5. Tự đánh giá

Mức 1		**Mức 2**		**Mức 3**	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
-	-	a	Đạt	*	Đạt
-	-	b	Đạt	-	-
-	-	-	-	-	-
-		Đạt		Đạt	

*** Kết quả: Đạt mức 3**

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Kết quả học tập, rèn luyện của HS đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ HS lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho HS đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học tập, rèn luyện của HS có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ HS lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học tập, rèn luyện của HS:

- Kết quả học tập theo mức Tốt: tỷ lệ HS được đánh giá theo mức Tốt của trường thuộc vùng khó khăn đạt từ 5% trở lên đối với trường trung học cơ sở, trường THPT và từ 20% trở lên đối với trường chuyên; tỷ lệ HS được đánh giá

theo mức Tốt của trường thuộc các vùng còn lại đạt từ 10% trở lên đối với trường trung học cơ sở, trường THPT và từ 25% trở lên đối với trường chuyên;

- Kết quả học tập theo mức Khá: tỷ lệ HS được đánh giá theo mức Khá của trường thuộc vùng khó khăn đạt từ 30% trở lên đối với trường trung học cơ sở, từ 20% trở lên đối với trường THPT và từ 55% trở lên đối với trường chuyên; tỷ lệ HS được đánh giá theo mức Khá của trường thuộc các vùng còn lại đạt từ 35% trở lên đối với trường trung học cơ sở, từ 25% trở lên đối với trường THPT và từ 60% trở lên đối với trường chuyên;

- Kết quả học tập theo mức Chưa đạt: tỷ lệ HS được đánh giá theo mức Chưa đạt của trường trung học cơ sở, trường THPT thuộc vùng khó khăn không quá 10%; tỷ lệ HS được đánh giá theo mức Chưa đạt của trường trung học cơ sở, trường THPT thuộc các vùng còn lại không quá 5%; trường chuyên không có HS xếp loại Chưa đạt;

- Kết quả rèn luyện: tỷ lệ HS trường trung học cơ sở, trường THPT được đánh giá ở mức Khá, Tốt từ 90% trở lên và từ 98% trở lên đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ HS bỏ học và không được lên lớp:

- Vùng khó khăn: không quá 3% HS bỏ học, không quá 5% HS không được lên lớp; trường chuyên không có HS không được lên lớp và không có HS bỏ học;

- Các vùng còn lại: không quá 1% HS bỏ học, không quá 2% HS không được lên lớp; trường chuyên không có HS không được lên lớp và không có HS bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhà trường luôn quan tâm chú trọng tới công tác giáo dục cho HS nên chất lượng giáo dục của nhà trường luôn được duy trì ở mức độ cao, tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm/rèn luyện khá, tốt đạt trên 97,5%; tỷ lệ HS xếp loại học lực/học tập từ trung bình/đạt trở lên năm học 2020-2021 là 98,1%, năm học 2021-2022 là 99,1%, 2022-2023 là 97,7%, năm học 2023-2024 là 96,4% và 2024-2025 là 98,8%; trong đó tỷ lệ HS xếp loại học lực/học tập giỏi/tốt đạt 12,7% trở lên; HS xếp loại học lực/học tập loại khá từ 38% trở lên. Tuy nhiên, một số ít HS ý thức rèn luyện chưa tốt, chưa thực sự chăm học nên kết quả học tập và rèn luyện chưa cao **[H1-1.1-06].**

b) Hằng năm, nhà trường đều tổ chức nghiêm túc việc xét duyệt HS lên lớp, công nhận tốt nghiệp THCS và có số liệu tổng hợp cụ thể. Tỷ lệ HS lên lớp, tốt nghiệp THCS đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường: tỷ lệ HS được lên lớp năm học 2020-2021 đạt 99,8%, năm học 2021-2022 đạt 100%, năm học 2022-2023 đạt

99,5%, năm học 2023-2024 đạt 99,3% và 2024-2025 đạt 99,5%; tỷ lệ HS tốt nghiệp THCS hằng năm đạt 100% **[H1-1.1-06]; [H22-5.6-01].**

c) Hằng năm, nhà trường dựa trên khả năng nhận thức và kết quả học tập; điều kiện kinh tế gia đình của HS khối 9; sự phát triển kinh tế địa phương để định hướng, tư vấn, phân luồng cho HS để các em lựa chọn thi vào THPT hay thi vào các trường nghề. Kết quả 100% HS tốt nghiệp THCS đều đỗ vào các trường THPT hoặc vào học các trường Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề trên địa bàn huyện và trường nghề ở thành phố **[H1-1.1-06]; [H23-5.6-02].**

1.2. Mức 2

a) Trong 05 năm học qua, kết quả đánh giá, xếp loại hai mặt giáo dục của HS theo từng khối lớp đáp ứng được mục tiêu giáo dục của cấp học và chỉ tiêu phấn đấu mà nhà trường đã đề ra từ đầu các năm học **[H1-1.1-06]**; **[H5-1.5-02]**.

b) Hằng năm, nhà trường đều tổ chức nghiêm túc việc xét duyệt HS lên lớp, công nhận tốt nghiệp THCS và có số liệu tổng hợp cụ thể. Tỷ lệ HS lên lớp năm học 2020-2021 đạt 99,8%, năm học 2021-2022 đạt 100%, năm học 2022-2023 đạt 99,5%, năm học 2023-2024 đạt đạt 99,3% và 2024-2025 đạt 99,5%; tỷ lệ HS tốt nghiệp THCS hằng năm đạt 100%**[H1-1.1-06]; [H23-5.6-01].**

Bảng tổng hợp kết quả HS lên lớp, HS tốt nghiệp từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025

Năm học	2020-2021		2021-2022		2022-2023		2023-2024		2024-2025	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Lên lớp	409	99,8	416	100	387	99,5	419	99,3	417	99,5
Tốt nghiệp	100	100	92	100	95	100	116	100	98	100

1.3. Mức 3

a) Nhà trường luôn quan tâm chú trọng tới công tác giáo dục cho HS nên chất lượng giáo dục của nhà trường luôn được duy trì ở mức độ cao, tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm/rèn luyện khá, tốt đạt trên 97,5%; tỷ lệ HS xếp loại học lực/học tập từ trung bình/đạt trở lên năm học 2020-2021 là 98,1%, năm học 2021-2022 là 99,1%, 2022-2023 là 97,7%, năm học 2023-2024 là 96,4% và 2024-2025 là 98,8%; trong đó tỷ lệ HS xếp loại học lực/học tập giỏi/tốt đạt

12,7% trở lên; HS xếp loại học lực/học tập loại khá từ 38% trở lên **[H1-1.1-06].**

- Từ năm học 2020 - 2021, học sinh toàn trường được đánh giá kết quả học tập và rèn luyện theo Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT.

Kết quả giáo dục từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025

Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022		Năm học 2022-2023		Năm học 2023-2024		Năm học 2024-2025
		Khối 6	Khối 7,8,9	Khối 6,7	Khối 8,9	Khối 6,7,8	Khối 9	
Tỷ lệ HS có kết quả học tập, xếp loại học lực: Giỏi/Tốt	46/410	13/101	43/315	26/179	25/210	32/306	15/116	62/419
	11,22%	12,87%	13,65%	14,52%	11,90%	10,45%	12,9%	14,48%
Tỷ lệ HS có kết quả học tập, xếp loại học lực Khá	159/410	34/101	130/315	66/179	84/210	113/306	50/116	157/419
	38,78%	33,66%	41,27%	36,87%	40%	36,92%	43,10%	37,5%
Tỷ lệ HS có kết quả học tập, xếp loại học lực TB/Đạt	204/410	54/101	142/315	85/179	101/210	158/306	51/116	198/419
	49,76%	53,46%	45,07%	47,48%	48,09%	54,24%	43,96%	47,25%
Tỷ lệ HS có kết quả học tập, xếp loại học lực Yếu, Kém/Chưa đạt	1/410	0	0	02/179	0	3/306	0	2/419
	0,24%	0	0	1,11%	0	0,98%	0	0,47%
Tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm, rèn luyện Tốt	320/410	80/101	286/315	143/179	165/210	236/306	91/116	349/419
	78,05%	79,21%	90,79%	79,88%	78,57%	77,12%	78,44%	83,10%
Tỷ lệ HS xếp loại	84/410	19/101	28/315	31/179	45/210	59/306	22/116	62/419

Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022		Năm học 2022-2023		Năm học 2023-2024		Năm học 2024-2025
		Khối 6	Khối 7,8,9	Khối 6,7	Khối 8,9	Khối 6,7,8	Khối 9	
hạnh kiểm, rèn luyện Khá	20,49%	18,81%	8,89%	17,31%	21,42%	19,28%	18,96%	14,76%
Tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm, rèn luyện Trung bình /Đạt	06/410	02/101	01/315	05/179	0	11/306%	03/116	8/419
	1,46%	1,98%	0,32%	2,79%	0	3,59%	2,58%	1,90%

b) Nhà trường không có học sinh bỏ học; Tỉ lệ học sinh lưu ban thấp **[H1-1.1-06]; [H5-1.5-02].** Trong những năm học vừa qua, chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường có nhiều chuyển biến tích cực. Tỷ lệ học sinh khá, giỏi tăng dần qua các năm; nhiều em đạt thành tích cao trong các kỳ thi học sinh giỏi văn hóa, văn nghệ, thể thao các cấp. Đa số học sinh có ý thức học tập tốt, tích cực tham gia các phong trào, hoạt động trải nghiệm và rèn luyện phẩm chất, kỹ năng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số ít học sinh chưa thực sự chăm chỉ trong học tập, thiếu ý thức rèn luyện nên kết quả học tập và rèn luyện chưa cao. Một vài trường hợp chưa đạt yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng ở từng khối lớp nên không được lên lớp theo quy định. Điều này cho thấy chất lượng giáo dục nhà trường tuy ổn định nhưng chưa đồng đều ở tất cả đối tượng học sinh.

Bảng tổng hợp số liệu HS bỏ học, HS lưu ban
từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025

TT	Năm học	Sỹ số	Tỷ lệ học sinh bỏ học		Tỷ lệ học sinh lưu ban		Ghi chú
			SL	%	SL	%	
1	2020 - 2021	410	0	0	1	0,24	
2	2021 - 2022	416	0	0	0	0	
3	2022 - 2023	389	0	0	2	0,51	
4	2023 - 2024	422	0	0	3	0,71	
5	2024 - 2025	419	0	0	2	0,47	

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã phát huy được sức mạnh tổng hợp giữa các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường, cha mẹ học sinh trong công tác giáo dục đạo đức học sinh.

Xây dựng kế hoạch cụ thể và phối hợp chặt chẽ với Ban an ninh xã PHÚ LẠC trong công tác quản lí, giáo dục đạo đức học sinh. Vì vậy trong nhiều năm qua không có hiện tượng học sinh bỏ học, vi phạm pháp luật, bị xử lí kỷ luật. Số lượng học sinh không được lên lớp chiếm tỉ lệ thấp.

3. Điểm yếu

- Một số ít HS chưa thực sự chăm học nên kết quả học tập và rèn luyện chưa cao. Vẫn còn có HS không được lên lớp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo	Thời gian dự kiến hoàn thành	Kinh phí (nếu có)
Tiếp tục chú trọng công tác bồi dưỡng HSG để nâng cao số lượng và chất lượng HSG của nhà trường	Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn, GV bồi dưỡng	Phân công GV có kinh nghiệm, có chuyên môn sâu	Trong năm học	Không
Phụ đạo HS yếu, kém, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn để nâng cao chất lượng giáo dục đại trà.	GVCN, GV bộ môn	Phân công GV kèm cặp các đối tượng HS yếu, kém, HS còn hạn chế về năng lực và phẩm chất giúp các em tiến bộ trong học tập và rèn luyện	Trong năm học	Không
Phối hợp chặt chẽ với CMHS trong việc giám sát HS học tại nhà.	GVCN, GV bộ môn, phụ huynh HS	Không	Trong năm học	Không

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	b	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

*** Kết quả: Đạt mức 3**

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

*** Những điểm mạnh nổi bật:**

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường đã thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình giáo dục và hoạt động giáo dục. Thực hiện đúng khung thời gian năm học mà Bộ GDĐT và UBND tỉnh Thái Nguyên quy định. Tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với đối tượng HS và điều kiện nhà trường.

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng HSG, phụ đạo HS yếu kém; kế hoạch giáo dục HS khuyết tật phù hợp với tình hình thực tế. Công tác giáo dục HS năng khiếu, HSG, HS khó khăn được tổ chức, duy trì thường xuyên, đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch. Nhà trường có HS tham gia và đạt giải trong các cuộc thi HSG, HS năng khiếu về nghệ thuật, TDTT. Chất lượng giáo dục luôn được duy trì, tỷ lệ HS khá, giỏi cao. Kết quả tốt nghiệp THCS luôn đạt tỷ lệ 100%.

Nhà trường đã thực hiện tốt việc triển khai và giảng dạy nội dung giáo dục địa phương theo quy định. Môn học và các tiết dạy đã khơi được trong HS tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào và khát vọng cống hiến cho quê hương thân yêu.

Bên cạnh hoạt động học tập, nhà trường còn quan tâm đến công tác giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống cho HS thông qua các hoạt động đoàn thể, xã hội, các hoạt động ngoài giờ lên lớp từ đó giúp các em thêm yêu trường, yêu lớp, biết sống lành mạnh, tránh xa các tệ nạn xã hội. Ngoài ra, các em được định hướng về nghề nghiệp và hướng đi phù hợp sau khi tốt nghiệp THCS.

*** Những điểm yếu cơ bản:**

Chất lượng mũi nhọn chưa đồng đều giữa các môn, số lượng HS giỏi cấp tỉnh, cấp Quốc gia còn ít.

Việc dạy học gắn liền với di sản văn hóa ở địa phương thực hiện chưa thực hiện thường xuyên định kỳ, nguồn kinh phí phụ thuộc vào sự đóng góp của phu huynh.

Một số ít HS ý thức rèn luyện chưa tốt, chưa thực sự chăm học nên kết quả học tập và rèn luyện chưa cao. Vẫn còn có HS không được lên lớp.

*** Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 5: 06 tiêu chí**

Số tiêu chí đạt yêu cầu:

- Mức 1: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3, đạt tỷ lệ 100%.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

- Mức 2: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6, đạt tỷ lệ 100%.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

- Mức 3: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4/4, đạt tỷ lệ 100%.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1.

Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục

1. Mô tả hiện trạng

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục theo các văn bản chỉ đạo của cấp trên, phù hợp với tình hình kinh tế xã hội của địa phương và điều kiện thực tế của nhà trường góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Tuy nhiên chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới **[H9-1.8-01]**.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng phù hợp với tình hình thực tế địa phương góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Điểm yếu

Chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo	Thời gian dự kiến hoàn thành	Kinh phí (nếu có)
Duy trì việc xây dựng kế hoạch giáo dục hằng năm phù hợp tình hình thực tế địa phương, góp phần nâng cao chất lượng	Hiệu trưởng, Hội đồng trường	Kế hoạch giáo dục	Hằng năm.	Không

giáo dục của nhà trường.				
Tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới, xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường.	CBQL và các thành viên Hội đồng trường	Kế hoạch giáo dục	Hằng năm.	Kinh phí chi thường xuyên.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 2:

Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch hoạt động giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu rèn luyện theo kế hoạch chuyên môn của nhà trường, kế hoạch hoạt động của tổ CM **[H4.1.4-03]; [H9.1.8-01]**.

Các HS có năng khiếu về các môn nghệ thuật, thể dục, thể thao và các môn văn hóa được lựa chọn phân chia theo nhóm năng lực, nhà trường phân công GV giỏi, GV có tinh thần trách nhiệm bồi dưỡng để các em phát huy khả năng của mình **[H18-5.1-06].**

Thông qua đội ngũ GVCN, GV bộ môn phát hiện những HS năng khiếu, HS có hoàn cảnh khó khăn trong học tập, từ đó tìm ra biện pháp giúp đỡ các em một cách hiệu quả nhất. Nhà trường đã thực hiện đúng các chính sách miễn, giảm học phí cho HS hộ nghèo, hộ cận nghèo, hỗ trợ chi phí học tập cho HS khuyết tật mà hộ nghèo, cận nghèo.

Tổ chức các phong trào "Xuân ấm tình thương", "Hũ gạo tình thương - Tiếp sức em đến trường", tặng quà, sách vở, đồ dùng học tập, trao học bổng, miễn giảm các khoản đóng góp... giúp các em học tập tốt hơn **[H13-2.4-03].**

Một số HS có hoàn cảnh khó khăn chưa được gia đình quan tâm đến việc học nên kết quả học tập và rèn luyện chưa cao.

2. Điểm mạnh

Trong 05 năm qua, những HS có hoàn cảnh khó khăn đã được hỗ trợ cả về vật chất và tinh thần để vươn lên trong học tập và các em có điều kiện thực hiện mục tiêu giáo dục. Các HS có năng khiếu về các môn nghệ thuật, thể dục, thể thao và các môn văn hóa được bồi dưỡng để các em phát huy khả năng của mình.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có nhà đa năng, các trang thiết bị, phòng tập chuyên dụng nhằm phát triển tối đa năng khiếu của học sinh, dẫn đến kết quả học tập và rèn luyện của học sinh chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Đơn vị/Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo	Thời gian dự kiến hoàn thành	Nguồn kinh phí
- Nhà trường tiếp tục làm tốt công tác tham mưu, xây dựng đầu tư cơ sở vật chất nhà đa năng.	- Lãnh đạo nhà trường, Kế toán, tổ chuyên môn.	Huy động được các nguồn lực trong công tác xã hội hoá	Hằng năm	Nguồn xã hội hoá

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 3:

Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Nghiên cứu khoa học của học sinh là hoạt động quan trọng của nhà trường, phần lớn giáo viên và học sinh đã nhận thức được vai trò hoạt động này. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế còn khó khăn nên việc đầu tư cho việc nghiên cứu, sáng chế sản phẩm chi phí cao còn hạn chế, chưa thúc đẩy được học sinh tích cực tham gia, sản phẩm ứng dụng vào thực tế chưa có. Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025, nhà trường đã có HS tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn, tham gia thi khoa học kĩ thuật; cuộc thi cuộc thi "Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp". Nhà trường đã đạt 05 giải cấp huyện và 01 giải cấp tỉnh **[H12-2.2-06]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn chú trọng đến việc học đi đôi với hành, giúp HS biết vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn ở các môn học. HS bước đầu đã được tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và biết vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn.

3. Điểm yếu

- Số học sinh tham gia nghiên cứu khoa học kĩ thuật không nhiều, chất lượng chưa cao, kinh phí đầu tư còn ít.

- Chưa có nhiều phẩm đạt cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Đơn vị/Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo	Thời gian dự kiến hoàn thành	Nguồn kinh phí
- Xã hội hoá về kinh phí để học sinh có điều kiện tham gia nghiên cứu.	- Lãnh đạo nhà trường.	Phối hợp tốt với Hội CMHS	Hằng năm	Không
- Nhà trường tiếp tục chỉ đạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên và hướng dẫn học sinh làm sản phẩm khoa học kĩ thuật.	Phó hiệu trưởng là đầu mối; Giáo viên tham gia	Tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng; Mời chuyên gia	Hằng năm	Không
- Tổ chức cho học sinh thực hiện các thí nghiệm/ thực nghiệm về các vấn đề quan tâm trong các môn học.	- Lãnh đạo nhà trường, GV,HS.	Tổ chức cho học sinh làm thí nghiệm, thực hành	Hằng năm	Không

5. Tự đánh giá: Đạt

Nhà trường tổ chức các cuộc thi khoa học kĩ thuật cho học sinh thi giữa các lớp với nhau. Học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đã đạt giải cấp huyện, cấp tỉnh.

Số học sinh tham gia nghiên cứu và đạt giải cấp huyện không nhiều chỉ từ 2-4 học sinh/năm học. Năng lực nghiên cứu của học sinh còn hạn chế, chưa có sản phẩm áp dụng thực tiễn.

Kết quả: Đạt mức 4

Tiêu chí 4:

Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông

rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện nhà trường có cơ sở vật chất đạt chuẩn mức độ 2, có hạ tầng CNTT kết nối Internet băng thông rộng (cáp quang) với 05 điểm phát WiFi toàn trường, trang bị 07 máy tính phục vụ tra cứu, sử dụng phần mềm quản lý thư viện (theo Thông tư 16/2022/TT-BGDĐT). Có nguồn tài liệu truyền thống gồm có Sách giáo khoa, sách tham khảo, báo, tạp chí được sắp xếp khoa học và tài liệu số như tài liệu điện tử, phần mềm học tập đáp ứng tương đối các yêu cầu hoạt động của nhà trường. Tuy nhiên nguồn tài liệu số còn ít, chưa phong phú cần phải bổ sung thêm trong năm học và những năm học tiếp theo **[H15-3.2-05]; H16-3.3-03].**

2. Điểm mạnh

Thư viện có hạ tầng CNTT Internet tốc độ cao, phủ sóng WiFi toàn trường, hỗ trợ truy cập tài liệu số. Hệ thống 07 máy tính đủ phục vụ nhu cầu tra cứu cơ bản. Kết hợp tài liệu truyền thống và số hóa, đáp ứng hoạt động dạy-học. Không gian thư viện thoáng mát, bài trí khoa học, đủ điều kiện ánh sáng. Tổ chức đa dạng hoạt động kích thích văn hóa đọc (phù hợp tiêu chuẩn Thư viện Mức 1).

3. Điểm yếu

Máy tính trong phòng đọc dùng cho thư viện đã cũ, cấu hình thấp. Kho tài liệu số còn ít vì phần mền thư viện mới đưa vào sử dụng và đang trong quá trình số hóa tài liệu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Đơn vị/Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo	Thời gian dự kiến hoàn thành	Nguồn kinh phí
Nâng cấp 3-5 máy tính cho thư viện (RAM ≥ 8GB, SSD)	BLĐ nhà trường, Kế toán	07 máy tính tại thư viện	Từ tháng 9/2025 đến tháng 12/2025	Ngân sách nhà nước
Xây dựng kho tài liệu số: Sách điện tử, bài giảng E-learning	Tổ thư viện + GV CNTT	Phần mềm thư viện	Năm học 2025 - 2026	Xã hội hóa giáo dục
Đào tạo kỹ năng khai thác tài liệu số cho GV-HS	Thư viện	GV – HS toàn trường	Định kỳ hàng năm	Không

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 5.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã xây dựng Phương hướng, chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021–2025 theo Kế hoạch số 242/KH-THCSTT ngày 16/10/2021 **[H1-1.1-01]**. Kế hoạch này được định kỳ rà soát, điều chỉnh và bổ sung nhằm phù hợp với tình hình thực tiễn; quá trình xây dựng và điều chỉnh có sự tham gia góp ý của toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhà trường **[H1-1.1-07]**.

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường trong giai đoạn 2021–2025 được xây dựng phù hợp với thực tiễn, có tính khả thi cao, mang định hướng chiến lược rõ ràng cho sự phát triển bền vững của nhà trường. Kế hoạch phát triển này phù hợp với đặc điểm của nhà trường và địa phương, đồng thời đáp ứng mục tiêu giáo dục theo định hướng đổi mới **[H1-1.1-01]**.

Tuy nhiên, do diễn biến phức tạp của dịch bệnh, đặc biệt là dịch Covid-19 trong năm học 2020–2021, hoạt động giáo dục của toàn ngành nói chung và của nhà trường nói riêng đã chịu nhiều ảnh hưởng. Nhà trường, đội ngũ giáo viên và học sinh thường xuyên phải điều chỉnh kế hoạch dạy – học để kịp thời thích ứng với tình hình thực tế.

Dù gặp nhiều khó khăn, nhà trường vẫn nỗ lực duy trì ổn định chất lượng giáo dục, hoàn thành các mục tiêu cốt lõi đã đề ra trong từng năm học, từng bước hiện thực hóa chiến lược phát triển giai đoạn 2021–2025.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường đã hoàn thành các mục tiêu sau:

+ Chất lượng giáo dục của nhà trường luôn duy trì và ổn định, đạt chỉ tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường **[H1-1.1-06]**.

+ Cải tạo, bổ sung cơ sở vật, trang thiết bị cho các phòng học như mua sắm bàn ghế, tivi thông minh, máy chiếu cho các phòng học **[H7-1.6-02]; [H7-1.6-05]**;

+ Xây dựng thư viện đạt thư viện mức độ 1 theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT **[H15-3.2-03].**

+ Thực hiện dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với khối lớp 6, 7, 8, 9 **[H18-5.1-02].**

Qua rà soát phương hướng chiến lược đã đề ra, nhà trường vẫn còn một số mục tiêu chưa đạt, đó là: Các phòng vệ sinh đầu dãy nhà 2 tầng xây dựng từ năm 2014 hiện đã xuống cấp, cần được cải tạo để đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho học sinh. Nhà trường chưa có nhà đa năng để thực hiện các hoạt động TDTT và các hoạt động chung của trường **[H15-3.2-02].**

2. Điểm mạnh

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường trong giai đoạn 2021–2025 được xây dựng phù hợp với thực tiễn, với đặc điểm của nhà trường và địa phương; đồng thời phù hợp với mục tiêu giáo dục đã đề ra, có tính khả thi và mang định hướng chiến lược rõ ràng cho sự phát triển bền vững.

Trong quá trình triển khai, nhà trường đã đạt được một số kết quả tích cực như: chất lượng giáo dục được nâng lên; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học từng bước được cải tạo và bổ sung; việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 được triển khai hiệu quả ở các khối lớp 6, 7, 8 và 9.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có nhà đa năng để thực hiện các hoạt động TDTT và các hoạt động chung của trường. Chưa có sân cỏ nhân tao, chưa có bể bơi.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo	Thời gian dự kiến hoàn thành	Dự kiến nguồn kinh phí
Tiếp tục xây dựng phương hướng chiến lược phát triển của nhà trường có tính khả thi cao phù hợp với đặc điểm của nhà trường và địa phương.	CBQL, GV	Văn bản chỉ đạo	Trong các năm học	Không
Tiếp tục tham mưu với cấp trên cấp ngân sách để xây dựng nhà đa năng và làm sân cỏ nhân tạo và bể bơi.	CBQL, GV, CMHS	Không	Năm học 2025-2026	Ngân sách nhà nước cấp

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 6.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt

trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Trong các năm học từ 2020-2021 đến nay, kết quả giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường chưa vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế, xã hội tương đồng, học sinh tham gia các cuộc thi do các cấp tổ chức số lượng chưa nhiều, chất lượng chưa cao **[H1-1.1-06]**.

- Tỷ lệ trung bình HS có kết quả học tập, xếp loại học lực: TB/Đạt và Yếu, Kém/Chưa đạt của Trường THCS Phú Lạc thấp hơn so với Trường THCS Bản Ngoại có cùng điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng:

TT	Năm học	Trường THCS Bản Ngoại				Trường THCS Phú Lạc			
		Giỏi (Tốt)	Khá	TB (Đ)	Yếu (CĐ)	Giỏi (Tốt)	Khá	TB (Đ)	Yếu (CĐ)
1	2020 - 2021	66 15,6%	185 43,7%	169 40%	3 0,7%	46 11,2%	159 38,8%	204 49,7%	1 0,2%
2	2021 - 2022	73 16,6 %	182 41,4%	182 41,4%	3 0,7%	56 13,5%	164 39,4%	196 47,1%	0 0%
3	2022-2023	62 13.8%	180 40,2%	199 44,4%	7 1,6%	51 13,1%	150 38,6%	186 47,8%	2 0,5%
4	2023 - 2024	75 14,6%	204 39,8	215 41,9	19 3,7	47 11,1%	163 38,6%	209 49,5%	3 0,7%
5	2024 - 2025	63 11,8%	201 37,6%	252 47,2%	18 3,4%	62 14,5%	157 37,5%	198 47,3%	2 0,4%
TB các năm		**68 14,4%**	**190 40,5%**	**203 42,9%**	**10 3,7%**	**52 10,5%**	**159 39,8%**	**197 49,4%**	**8 0,3**

- Tỷ lệ học sinh lưu ban trường THCS Phú Lạc cao hơn so với trường THCS Bản Ngoại có cùng điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng:

TT	Năm học	Trường THCS Bản Ngoại				Trường THCS Phú Lạc			
		Tỷ lệ HS bỏ học		Tỷ lệ HS lưu ban		Tỷ lệ HS bỏ học		Tỷ lệ HS lưu ban	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	2020 - 2021	0	0	0	*0*	0	0	1	0,2
2	2021 - 2022	0	0	01	0,2	0	0	0	0
3	2022 - 2023	0	0	01	0,2	0	0	02	0,5
4	2023 - 2024	0	0	9	*1,8*	0	0	03	0,7

5	2024 - 2025	0	0	10	*1,9*	0	0	02	*0,5*
TB các năm		**0**	**0**	**4**	**0,82%**	**0**	**0**	**2**	**0,38%**

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã phát huy được sức mạnh tổng hợp giữa các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường, cha mẹ học sinh trong công tác giáo dục đạo đức học sinh.

Xây dựng kế hoạch cụ thể và phối hợp chặt chẽ với Ban an ninh xã Phú Lạc trong công tác quản lí, giáo dục đạo đức học sinh. Vì vậy trong nhiều năm qua ít có hiện tượng học sinh vi phạm pháp luật, học sinh bị xử lí kỷ luật **[H11-1.10-01]**; **[H3-1.3-09]**.

3. Điểm yếu

Trong các năm học nhà trường vẫn còn học sinh có học lực yếu phải lưu ban, số học sinh giỏi còn ít, chưa tương xứng với tiềm năng của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung công việc	**Người thực hiện**	**Điều kiện thực hiện**	**Thời gian thực hiện**	**Kinh phí (nếu có)**
- Nâng cao vai trò quản lí để đổi mới phương pháp giảng dạy; kiểm tra đánh giá.	- HT; PHT -Tổ trưởng, tổ phó	- Bố trí thời gian phù hợp - Mời chuyên gia tập huấn	Tất cả các buổi sinh hoạt chuyên môn hằng tháng	Kinh phí mời chuyên gia từ ngân sách; XHH
- Bồi dưỡng chuyên môn cho toàn bộ GV về đổi mới phương pháp dạy học	Phó hiệu trưởng là đầu mối; Giáo viên tham gia	Mời 1 đến 2 chuyên gia tập huấn	Sinh hoạt chuyên môn hàng tháng	Trích từ nguồn ngân sách được cấp
- Tăng cường bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo cho học sinh yếu, kém.	Phó HT là đầu mối; Giáo viên tham gia	Phối hợp với hội cha mẹ học sinh	Hằng tháng	Nguồn chi thường xuyên; XHH

5.Tự đánh giá: Không đạt

Nhà trường thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ từng năm học cụ thể, khoa học, luôn coi trọng việc đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh theo từng học kỳ, từng năm. Lấy kết quả học tập của học sinh để gắn với đánh giá xếp loại giáo viên.

Nhà trường luôn đổi mới các hoạt động giáo dục trong và ngoài giờ lên lớp nhằm thu hút và động viên học sinh tham gia hoạt động tích cực, có hiệu quả giáo dục cao. Học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của người học sinh và nội quy, quy định của nhà trường, được đảm bảo các quyền theo Điều lệ. Thiết bị và đồ dùng phục vụ cho việc dạy học của giáo viên và học sinh khá đầy đủ.

Kết quả: Không đạt mức 4

PHẦN III. KẾT LUẬN CHUNG

1. Tự đánh giá:

Trên đây là báo cáo tự đánh giá của Hội đồng Tự đánh giá trường THCS Phú Lạc. Báo cáo tự đánh giá của nhà trường được hoàn thành nhờ sự đoàn kết, nhất trí cao, sự phối hợp hiệu quả của cả tập thể CBQL, GV, NV nhà trường, đặc biệt là các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá.

Căn cứ Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 ban hành Quy định về KĐCLGD và công nhận đạt Chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Thông tư số 22/2024/TT-BGDDT ngày 10/12/2024 của Bộ giáo dục đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDDT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDDT và 19/2018/TT-BGDDT ngày 22/8/2028 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 25/01/2025. Hội đồng tự đánh giá trường THCS Phú Lạc đã đánh giá đủ 5 tiêu chuẩn, 25 tiêu chí với kết quả như sau:

- Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 22/22 = 100%;
- Số lượng tiêu chí không đạt mức 1: 0/22 = 0%;
- Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 23/23 = 100%;
- Số lượng tiêu chí không đạt mức 2: 0/23 = 0%;
- Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 14/16 = 87,5%;
- Số lượng tiêu chí không đạt mức 3: 2/16 = 12,5%;
- Số lượng tiêu chí đạt mức 4: 01/6 = 16,7%;
- Số lượng tiêu chí không đạt mức 4: 05/6 = 83,3%;

*** Cấp độ đánh giá:**

Hội đồng kiểm định chất lượng trường THCS Phú Lạc tự đánh giá nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2.

Trường THCS Phú Lạc đề nghị Sở GDĐT tỉnh Thái Nguyên kiểm tra và công nhận trường đạt KĐCLGD **Cấp độ 2** và Chuẩn quốc gia **Mức độ 1**.

2. Các kết luận khác:

2.1. Các điểm mạnh nổi bật của nhà trường:

Trong những năm học vừa qua, Hội đồng tự đánh giá Trường THCS Phú Lạc nhận thấy một số điểm mạnh sau:

Các chỉ số về chiến lược phát triển, công tác quản lý và tổ chức nhà trường; chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên nhà trường; việc thực hiện các chương trình và hoạt động giáo dục; sự phối hợp giữa nhà trường với CMHS và kết quả giáo dục là tiêu chuẩn phản ánh chính xác, khách quan nhất chất lượng giáo dục của nhà trường. Trong những năm qua, tỷ lệ HS giỏi, HS giỏi các cấp của nhà trường luôn ổn định. HS tốt nghiệp lớp 9 thi đỗ vào trường THPT đạt tỷ lệ cao. Có được kết quả đó là bởi có sự đoàn kết nhất trí, sự cố gắng nỗ lực, tinh thần trách nhiệm và tâm huyết của tập thể CBQL, GV, NV và các em HS, sự chỉ đạo sâu sát về công tác chuyên môn của lãnh đạo các cấp GDĐT, sự quan tâm về CSVC của lãnh đạo địa phương và sự ủng hộ của các bậc CMHS. Kết quả nhà trường đạt được trong những năm học vừa qua là nguồn động viên to lớn, niềm tự hào của mỗi thầy, cô giáo và học sinh, là niềm tin của nhân dân và các cấp lãnh đạo đối với nhà trường.

- Ban lãnh đạo có đủ về số lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn vững vàng, có năng lực quản lý, tâm huyết với sự nghiệp, có uy tín với ngành, địa phương và cha mẹ học sinh.

2.2. Các điểm yếu cơ bản còn tồn tại:

- Về đội ngũ: Đội ngũ CBQL, QL, GV nhà trường đủ về số lượng theo quy định của Điều lệ trường trung học, tuy nhiên cơ cấu bộ môn chưa hợp lý.

- Về CSVC: Là giai đoạn đổi mới chương trình GDPT nên một số phòng học bộ môn chưa đáp ứng về diện tích phòng học, các thiết bị dạy học tối thiểu được cấp phát và mua sắm bổ sung theo lộ trình nên thiết bị, đồ dùng của một số bộ môn bị thiếu, hỏng. Nhà trường chưa có nhà đa năng, chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt, do đó cũng ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học.

2.3. Bài học kinh nghiệm rút ra từ công tác tự đánh giá:

Công tác tự đánh giá là một hoạt động có ý nghĩa lớn đối với mỗi nhà trường, trong đó có Trường THCS Phú Lạc. Hoạt động này giúp nhà trường xác định thực trạng chất lượng, hiệu quả giáo dục, nhân lực, cơ sở vật chất của nhà trường trong thời điểm hiện tại, từ đó có kế hoạch cải tiến nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục. Nhà trường đã triển khai việc tự đánh giá chất lượng theo đúng quy trình; đánh giá sát thực các điểm mạnh, điểm yếu trong từng tiêu chí và thống nhất các kế hoạch để cải tiến chất lượng. Kết quả tự đánh giá cũng như kết quả đánh giá ngoài sẽ là cơ sở, là động lực để nhà trường tiếp tục phấn đấu, xây dựng và phát triển, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

2.4. Các kiến nghị:

- Các cấp lãnh đạo quan tâm đầu tư vốn để xây nhà đa năng, nhà ba tầng 15 phòng học để thay thế các phòng bộ môn hiện tại, cung cấp bổ sung thêm TBDH đặc biệt các thiết bị phục vụ chương trình GDPT 2018.

Trên đây là toàn bộ quá trình tự đánh giá một cách trung thực về những hoạt động của Trường THCS Phú Lạc trong những năm qua. Căn cứ kết quả tự đánh giá, nhà trường sẽ nghiêm túc triển khai và thực hiện các biện pháp cải tiến

chất lượng nhằm khắc phục những điểm yếu của những tiêu chí chưa đạt. Đồng thời, tiếp tục phát huy hơn nữa các điểm mạnh để nâng cao chất lượng các nội dung theo tiêu chuẩn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục phổ thông trong giai đoạn mới./.

Phú Lạc, ngày 29 tháng 9 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Lương Văn Đức

PHẦN IV. PHỤ LỤC

BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2030	Số 48/KH-THCS ngày 01/8/2021	Trường THCS Phú Lạc	
2	[H1-1.1-02]	Nghị quyết BCH Đảng bộ khóa XXV nhiệm kỳ 2020-2025.	Số 01-NQ/ĐH ngày 25/8/2020	Đảng ủy xã Phú Lạc	
3	[H1-1.1-03]	Đường dẫn Website đăng tải Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2030	Năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 – 2025 *http://thcsphulac.daitu.edu.vn/tin-tuc-su-kien/chien-luoc-phat-trien-truong-thcs-phu-lac-giai-doan-2021-2025-tam-nhin-2030.html*	Trường THCS Phú Lạc	
4	[H1-1.1-04]	Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo.	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	
5	[H1-1.1-05]	Sổ Nghị quyết nhà trường.	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
6	[H1-1.1-06]	- Báo cáo tổng kết, sơ kết của nhà trường - Quyết định, giấy khen tập thể nhà trường	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 – 2025 - Số 1180/QĐ-SGDĐT ngày 18/08/2021; - Số 4745/QĐ-UBND ngày 22/08/2022; - Số 4172/QĐ-UBND ngày 27/07/2023; - Số 3890/QĐ-UBND ngày 22/08/2024; - Số 2270/QĐ-UBND ngày 02/06/2025;	- THCS Phú Lạc - SGD và ĐT Thái Nguyên - UBND huyện Đại Từ	
7	[H1-1.1-07]	Biên bản rà soát chiến lược phát triển của nhà trường	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	
9	[H2-1.2-01]	Quyết định thành lập hội đồng trường	- Số 1084/QĐ-PGDĐT ngày 30/12/2021; - Số 985/QĐ-PGDĐT ngày 06/10/2023;	Phòng GDĐT huyện Đại Từ	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
10	[H2-1.2-02]	+ Hồ sơ hội đồng thi đua khen thưởng	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	
11	[H2-1.2-03]	+ Hồ sơ Hội đồng tư vấn	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	
12	[H2-1.2-04]	+ Hồ sơ hội đồng tự đánh giá	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	
13	[H2-1.2-05]	+ Hồ sơ hội đồng trường (Nghị quyết hội đồng trường)	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	
14	[H3-1.3-01]	Quyết định công nhận BCH Công đoàn nhiệm kì 2017-2022; 2023-2028	- Số 27/QĐ-LĐH ngày 04/10/2018 - Số 125/QĐ-LĐH ngày 19/9/2024	LĐLĐ huyện Đại Từ	
15	[H3-1.3-02]	Quyết định công nhận kết quả Ban chấp hành Chi đoàn theo nhiệm kỳ: 2020-2022; 2024-2027	- QĐ số 16/QĐ/ĐTN ngày 05/10/2020; - QĐ số 12/QĐ/ĐTN ngày 07/10/2022; - QĐ số 18/QĐ/ĐTN ngày 09/10/2024;	BCH Đoàn xã Phú Lạc	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
16	[H3-1.3-03]	Quyết định công nhận Ban chỉ huy Liên đội	- QĐ-ĐTN ngày 30/10/2020; - QĐ-ĐTN ngày 03/10/2021; - QĐ-ĐTN ngày 22/10/2022; - QĐ-ĐTN ngày 27/10/2023; - QĐ-ĐTN ngày 23/10/2024;	BCH Đoàn xã Phú Lạc	
17	[H3-1.3-04]	Kế hoạch hoạt động công đoàn	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	
18	[H3-1.3-05]	Kế hoạch hoạt động Chi đoàn trường THCS.	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	
19	[H3-1.3-06]	+ Sổ tổng phụ trách Đội + Kế hoạch hoạt động Đội	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
20	[H3-1.3-07]	+ Các báo cáo tổng kết của Công đoàn.	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2023 - 2024	Trường THCS Phú Lạc	
21	[H3-1.3-08]	+ Các báo cáo tổng kết của Chi đoàn.	Từ nhiệm kỳ 2020 - 2022 đến nhiệm kỳ 2022 - 2024	Trường THCS Phú Lạc	
22	[H3-1.3-09]	+ Các báo cáo tổng kết của Liên đội.	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	
23	[H3-1.3-10]	+ Quyết định công nhận ban chi ủy, Bí thư, phó bí thư chi bộ.	Số 70-QĐ/ĐU ngày 14/7/2022; Số 175-QĐ/ĐU ngày 31/10/2024	Đảng ủy xã Phú Lạc	
24	[H3-1.3-11]	+ Quyết định công nhận xếp loại chi bộ + Giấy khen chi bộ trường THCS	Số 16-QĐ/ĐU ngày 28/12/2020 Số 38-QĐ/ĐU ngày 13/12/2021 Số 77-QĐ/ĐU ngày 30/11/2022 Số 107-QĐ/ĐU ngày 20/12/2023 Số 192-QĐ/ĐU ngày 25/11/2024	Đảng ủy xã Phú Lạc	
25		+ Quyết định v/v khen thưởng công đoàn, giấy khen công đoàn cơ sở	Số 25/QĐ-CĐN ngày 28/6/2021	LĐLĐ huyện Đại Từ;	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	[H3-1.3-12]	+ Giấy khen chi đoàn.	Số 28 ngày 18/12/2020	BCH Đoàn xã Phú Lạc	
		+ Khen thưởng của liên đội: 2020-2021; 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2024-2025	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025.	HĐĐ Đại từ	
26	[H4-1.4-01]	+ Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng;	- Số 6382/QĐ-UBND ngày 25/10/2018; - Số 6345/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	UBND huyện Đại Từ	
		+ Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng;	- Số 4321/QĐ-UBND ngày 01/08/2023 - Số 1330/QĐ-UBND ngày 30/03/2022	UBND huyện Đại Từ	
27		Quyết định thành lập tổ KHTN;	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	[H4-1.4-02]	Quyết định thành lập tổ KHXH;	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	
		Quyết định thành lập tổ văn phòng.	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	
28	[H4-1.4-03]	Kế hoạch hoạt động tổ KHTN;	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025	Các tổ CM, tổ VP	
		Kế hoạch hoạt động tổ KHXH;	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025	Các tổ CM, tổ VP	
		Kế hoạch hoạt động tổ VP.	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025	Các tổ CM, tổ VP	
29	[H4-1.4-04]	Sổ họp, SHCM tổ KHTN;	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025	Các tổ CM, tổ VP	
		Sổ họp, SHCM tổ KHXH;	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025	Các tổ CM, tổ VP	
		Sổ họp tổ Văn phòng.	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025	Các tổ CM, tổ VP	
30	[H4-1.4-05]	Sổ lưu chuyên đề tổ KHTN;	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025	Các tổ CM	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		Sổ lưu chuyên đề tổ KHXH.	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025	Các tổ CM	
		Một số hình ảnh hoạt động của tổ văn phòng trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025	Tổ văn phòng	
31	[H5-1.5-01]	Sổ đăng bộ	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	
32	[H5-1.5-02]	+ Sổ theo dõi và đánh giá học sinh + Báo cáo tổng hợp thông tin học sinh theo năm học	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	
33	[H5-1.5-03]	Biên bản bầu ban cán sự lớp, biên bản bình xét hạnh kiểm.	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	
34	[H5-1.5-04]	Sổ chủ nhiệm	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	
35	[H6-1.6-01]	Sổ công văn đi, đến	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
36	[H7-1.6-02]	Hồ sơ lưu trữ kế toán	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
37	[H7-1.6-03]	Dự toán ngân sách hằng năm	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Phòng GDĐT Đại Từ; UBND huyện	
38	[H7-1.6-04]	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
39	[H7-1.6-05]	Sổ quản lí tài sản, sổ quản lí thiết bị	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
40	[H7-1.6-06]	Biên bản thẩm định và kiểm tra tài chính các cấp.	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Phòng GDĐT Đại Từ	
41	[H7-1.6-07]	Quy chế chi tiêu nội bộ nhà trường	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
42	[H7-1.6-08]	Phần mềm kế toán	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
43	[H7-1.6-09]	Báo cáo tài chính, báo cáo kết luận của thanh tra hành chính nhà nước.	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	UBND huyện Đại Từ	
44	[H7-1.6-10]	+ Tờ trình, đề án, văn bản đề nghị của nhà trường với các cấp về tài chính + Tờ trình, Kế hoạch huy động, thu chi thỏa thuận	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
45	[H7-1.6-11]	Kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn về tài chính	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
46	[H8- 1.7- 01]	Kế hoạch bồi dưỡng giáo viên	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
47	[H8-1.7-02]	Quyết định phân công chuyên môn của GV	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
48	[H8-1.7-03]	+ Sổ dự giờ + Sổ phân công dạy thay	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
49	[H8-1.7-04]	Bảng lương và chi trả chế độ	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
50	[H8-1.7-05]	Kế hoạch tổ chức các cuộc thi	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
51	[H8-1.7-06]	Hồ sơ kiểm tra giáo viên (KTTD, KTCM, kiểm tra dân chủ).	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
52	[H9-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch tổ chuyên môn	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
53	[H9-1.8-02]	Thời khóa biểu	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
54	[H9-1.8-03]	Sổ ghi đầu bài	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
55	[H9-1.8-04]	+ Biên bản kiểm tra của các cấp + Biên bản họp phân công xây dựng phân phối chương trình	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
56	[H9-1.8-05]	Hồ sơ dạy thêm, học thêm	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
57	[H10-1.9-01]	+ Quy chế thực hiện dân chủ hằng năm;	- Số 37/QĐ-THCS ngày 05/09/2020 - Số 54b/QĐ-THCS ngày 01/10/2021 - Số 36/QĐ-THCS ngày 01/09/2022 - Số 93d/QĐ-THCS ngày 01/10/2023 - Số 140/QĐ-THCS ngày 20/10/2024	Trường THCS Phú Lạc	
		+ Quy chế phối hợp giữa Nhà trường và Công đoàn;	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
		+ Hồ sơ 3 công khai hằng năm;	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 *http://thcsphulac.daitu.edu.vn/ba-cong-khai2?isFeatured=1*	Trường THCS Phú Lạc	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
58	[H10-1.9-02]	Biên bản Hội nghị cán bộ công chức, viên chức	Số 255/NQ-THCS ngày 15/10/2020; Số 258/NQ-THCS ngày 07/10/2021; Số 261/NQ-THCS ngày 21/10/2022; Số 252/NQ-THCS ngày 20/10/2023; Số 260/NQ-THCS ngày 18/10/2024	Trường THCS Phú Lạc	
		Kế hoạch hoạt động ban thanh tra nhân dân;	- Số 01/2020/KH-TTND ngày 05/10/2020 - Số 01/2021/KH-TTND ngày 02/10/2021 - Số 01/2022/KH-TTND ngày 02/10/2022 - Số 01/2023/KH-TTND ngày 02/10/2023 - Số 01/2024/KH-TTND ngày 02/10/2024	Trường THCS Phú Lạc	
59	[H10-1.9-03]	Báo cáo tổng kết của Ban thanh tra nhân dân.	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
60	[H10-1.9-04]	Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ.	Từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	
61	[H11-1.10-01]	Kế hoạch đảm bảo an toàn, an ninh trường học hằng năm;	Từ năm học 2020– 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	
		+ Hồ sơ phòng chống Covid-19 + Hồ Sơ PCCC	Từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
62	[H11-1.10-02]	Hợp đồng bảo vệ, vệ sinh	Số 01-HĐKT ngày 01/01/2025; Số 01-HĐKT ngày 01/01/2024; Số 03-HĐKT ngày 01/01/2023; Số 15-HĐKT ngày 01/01/2022; Số 15-HĐKT ngày 01/09/2021	Trường THCS Phú Lạc	
63	[H11-1.10-03]	Hòm thư góp ý	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
64	[H11-1.10-04]	Sổ tuyên truyền phòng chống tai nạn thương tích và dịch bệnh (sổ tuyên truyền giáo dục sức khỏe học sinh)	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
65	[H11-1.10-05]	Bản cam kết của cán bộ giáo viên và học sinh về phòng chống tai nạn, thương tích, phòng cống cháy nổ…	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
64	[H11-1.10-06]	Hồ sơ khám sức khỏe học sinh	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
66	[H11-1.10-07]	Kế hoạch y tế	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
67	[H11-1.10-08]	Báo cáo y tế (sổ tổng hợp các hoạt động y tế)	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
68	[H11-1.10-09]	Biên bản kiểm tra an toàn trường học (Biên bản kiểm tra đột xuất)	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
69	[H12-2.1-01]	Các văn bằng, chứng chỉ bồi dưỡng của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025		
70	[H12-2.1-02]	Kết quả xếp loại viên chức và chuẩn nghề nghiệp của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025		
71	[H12-2.1-03]	Quyết định, công văn cử Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đi bồi dưỡng, tập huấn	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025		
72	[H12-2.1-04]	Phiếu lấy ý kiến của GV, nhân viên trong trường đối với cán bộ quản lí	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
73	[H12-2.2-01]	Danh sách CB, GV, NV của nhà trường Hằng năm. Văn bằng chứng chỉ của CB, GV. Sổ quản lí CB, GV, NV	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
74	[H12-2.2-02]	Quyết định, công văn cử gáo viên đi bồi dưỡng, tập huấn	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025		
75	[H12-2.2-03]	Giấy chứng nhận GV dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Phòng GDĐT Đại Từ; Sở GDĐT Thái Nguyên	
76	[H12-2.2-04]	Quyết định đánh giá, xếp loại GV theo chuẩn nghề nghiệp;	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		Phiếu tự đánh giá chuẩn nghề nghiệp của GV.			
77	[H12-2.2-05]	Kế hoạch hoạt động trải nghiệm	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
78	[H12-2.2-06]	Quyết định và giấy chứng nhận thi khoa học kĩ thuật; cuộc thi "Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp" của HS	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc; Phòng GDĐT Đại Từ	
79	[H12-2.2-07]	Quyết định công nhận sáng kiến kinh nghiệm từ cấp huyện trở lên	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	UBND huyện Đại Từ	
80	[H13-2.3-01]	Văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận của NV	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025		
81	[H13-2.3-02]	Quyết định đánh giá và xếp loại viên chức của GV, NV	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
82	[H13-2.3-03]	Quyết định, công văn cử NV tham gia tập huấn	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
83	[H13-2.4-01]	Nội quy trường học	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
84	[H13-2.4-02]	Quyết định khen thưởng HS có thành	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		tích trong học tập và rèn luyện. Giấy chứng nhận của HS có thành tích cao trong các cuộc thi			
85	[H13-2.4-03]	Danh sách HS diện chính sách được nhận hỗ trợ học tập	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
86	[H14-3.1-01]	Trích lục bản đồ khu đất của nhà trường		Trường THCS Phú Lạc	
87	[H14-3.1-02]	- Sơ đồ tổng thể của nhà trường - Hình ảnh thực tế của nhà trường	Năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
88	[H14-3.1-03]	Hồ sơ thiết sửa chữa nhà 2 tầng 10 phòng học và sân trường	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
	[H15-3.2-01]	Danh mục thiết bị TDTT	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
89	[H15-3.2-02]	- Sổ quản lý thiết bị dạy học	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
91	[H15-3.2-03]	- Quyết định công nhận Thư viện Tiên tiến; - Báo cáo tự đánh giá hoạt động thư	- Số 1150/QĐ-SGDĐT ngày 19/8/2020 do đ/c Nguyễn Văn Hưng kí. - Tháng 5/2025	- Sở GDĐT Thái Nguyên	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		viện trường THCS Phú Lạc - Quyết định công nhận Thư viện đạt mức độ 1	- Số 738/QĐ-PGDĐT ngày 06/6/2025 do đ/c Nguyễn Ngọc Hưng kí	- Trường THCS Phú Lạc -Phòng GDĐT Đại Từ	
92	[H15-3.2-04]	- Hình ảnh phòng Thư viện. Đường dẫn Website: http://thcsphulac.daitu.edu.vn/hoat-dong-chuyen-mon/hinh-anh-co-so-vat-chat-thu-vien-truong-thcs-phu-lac.html Hình ảnh phòng Truyền thống – Đội: http://thcsphulac.daitu.edu.vn/tin-tuc-su-kien/hoat-dong-doan-doi/phong-truyen-thong-truong-thcs-phu-lac.html?categoryId=2977184	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
93	[H15-3.2-05]	Hồ sơ thư viện	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
94	[H16-3.3-01]	Hợp đồng cung cấp nước uống; Giấy chứng nhận kiểm định nước	Số 38/HĐ-HKD ngày 01/01/2024	Công ty TNHH Ứng dung RO Toàn	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		uống	Từ năm 2020 đến năm 2025	Cầu	
95	[H16-3.3-02]	Hoá đơn tiền điện	Hằng tháng	Chi nhánh Điện lực Đại Từ	
96	[H16-3.3-03]	Hoá đơn thanh toán Internet	Hằng tháng	Viettel; Vinaphone	
97	[H16-3.3-04]	Hình ảnh nhà xử lí rác	Hằng năm	Trường THCS Phú Lạc	
98	[H16-3.3-05]	Biên bản bàn giao tài sản thiết bị	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
99	[H17-4.1-01]	Quyết định công nhận ban đại diện CMHS của trường.	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	
100	[H17-4.1-02]	- Biên bản họp Ban đại diện CMHS - Biên bản các cuộc họp PHHS	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	
101	[H17-4.1-03]	Quy chế hoạt động của Ban đại diện CMHS	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	
102	[H17-4.1-04]	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện CMHS	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
103	[H17-4.1-05]	- Báo cáo hoạt động của ban đại diện CMHS	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
104	[H17-4.1-06]	Danh sách các tổ chức, cá nhân hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất cho nhà trường.	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	
105	[H17-4.2-01]	Hệ thống các văn bản tham mưu của nhà trường với ngành, địa phương đề nghị hỗ trợ kinh phí	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	
106	[H17-4.2-02]	Văn bản tham mưu của nhà trường với địa phương về các hoạt động.	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	
107	[H17-4.2-03]	Các hình ảnh tư liệu tổ chức lễ hội, sự kiện lịch sử	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	
108	[H17-4.2-04]	Quyết định công nhận cơ quan văn hoá	Giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2024 - Quyết định số 6142/QĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020; Quyết định số 6994/QĐ ngày 05 tháng 11 năm 202; Quyết định số 6439/QĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022, - Quyết định số 80/QĐ- ngày 11 tháng 12 năm 2023	- UBND huyện Đại Từ -LĐLĐ của Liên đoàn lao động tỉnh Thái Nguyên	
109	[H17-4.2-05]	- Báo cáo tổng kết chi bộ đảng của nhà trường	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	
		- Văn bản chiến lược phát triển giáo dục nhà trường	Từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường THCS Phú Lạc	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		- Nghị quyết đại hội Đảng bộ xã	Từ năm học 2020- 2021đến năm học 2024 - 2025	Đảng bộ Xã Phú Lạc	
110	[H18-5.1-01]	Kế hoạch thực hiện công tác CM	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
111	[H18-5.1-02]	Kế hoạch dạy học môn học của tổ CM	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
112	[H18-5.1-03]	Kế hoạch giảng dạy của GV	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
113	[H18-5.1-04]	Kế hoạch bài dạy của GV	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
114	[H18-5.1-05]	Lịch báo giảng	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
115	[H18-5.1-06]	Kế hoạch bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
116	[H18-5.1-07]	Kế hoạch nâng cao chất lượng	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
117	[H19-5.2-01]	- Hồ sơ giáo dục HS khuyết tật - Kế hoạch hội khoẻ phù đổng - Kế hoạch Hội thi văn nghệ	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
118	[H19-5.2-02]	Hình ảnh tặng quà cho HS diện chính sách	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
119	[H20-5.3-01]	- Biên bản đánh giá nội dung giáo dục địa phương -Kế hoạch bài dạy Giáo dục địa phương của GV - Hình ảnh thực tiễn trong dạy GDĐP	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
120	[H21-5.4-01]	Hình ảnh học sinh trải nghiệm ở Bảo tàng Quân sự Việt Nam	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
121	[H21-5.4-02]	Hình ảnh tư vấn nghề nghiệp	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
122	[H22-5.5-01]	Hình ảnh HS tham gia kĩ năng sống	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
123	[H23-5.6-01]	Danh sách xét tốt nghiệp	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Trường THCS Phú Lạc	
124	[H23-5.6-02]	Danh sách HS học tại các trường THPT, trường nghề	Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025	Các trường THPT, trường Nghề	